

NGUYỄN - BÁ - LĂNG

KIẾN TRÚC
PHẬT GIÁO
VIỆT - NAM

TẬP I

•

NGUYỄN - BÁ - LĂNG

KIẾN TRÚC PHẬT GIÁO VIỆT - NAM

TẬP I

GHI ƠN :

*Xin ghi ơn Cụ MAI THỌ TRUYỀN, Quốc Vụ Khanh đặc trách Văn Hóa đã giúp một số tiền là 100.000\$ để xuất bản tập **Kiến Trúc Phật Giáo Việt Nam** này.*

NHA TU THƯ SƯU KHẢO
Viện Đại Học Vạn Hạnh
30 - 5 - 72

TỰA

Rất nhiều học giả thế giới và Việt Nam đã nghiên cứu Việt Nam đều ngạc nhiên về sức sống mãnh liệt của dân tộc này. Các tài liệu liên quan về nguồn gốc và văn minh Việt Nam đều thuộc lĩnh vực bác học ít được phổ biến. Mà phần lớn các tài liệu đều nằm trong viện Khảo-cổ. Hơn nữa các tài liệu này tuy rất giá trị nhưng lại không thiết thực, không gần gũi với đời sống của dân chúng.

Các học giả đã khổ công sưu tầm và phân tích, xếp loại nền văn minh tối cổ của Việt Nam, qua các địa khai thuộc văn minh Hòa Bình, Bắc Sơn thời đại đồ đá trung gian (mésolithique) và Đông Sơn thời đại đồ đồng (chalcolithique). Các giống dân Mélanésien, Indonésien, Négritos, thổ dân Úc châu và Mông cổ đều đã cư ngụ tại Việt Nam thời tối cổ. Chung cuộc, nguồn gốc dân tộc Việt Nam vẫn chưa được giải quyết dứt khoát, kể cả nguồn gốc các giai đoạn chính của văn minh Việt Nam nữa.

Nhưng có một điều mà các học giả đều phải công nhận là suốt giòng lịch sử đấu tranh của Việt Nam, người dân Việt luôn luôn cảnh giác về sự tiệt chủng nên đã cố gắng chống lại với tất cả các mưu toan đồng hóa của các nước chung quanh, nhất là Trung Hoa.

Một René Grousset của Hàn lâm viện Pháp đã có nhận định tổng quát rất đúng về Việt Nam trước các sóng gió của ngoại xâm : « Nếu mà có sự thâm nhập thì, trái lại, cũng chẳng bao giờ có sự quên mất quốc tính ! »

Về nguyên nhân sự tồn tại của giòng giống Việt, Léopold Cadière còn nói rõ hơn là nhờ vào yếu tố tôn giáo : « Người dân Việt Nam mộ đạo Phật một cách sâu thẳm : tôi muốn nói rằng họ đã thắt kết tôn giáo vào tất cả mọi hành vi của họ ! »

Tôn giáo, nhất là đạo Phật, đã đóng góp rất nhiều công lao vào sự dựng nước về tất cả mọi mặt ngay từ buổi ban đầu. Lúc ấy, Khổng giáo và Lão giáo chưa phát triển được gì đáng kể — vì các nhân tài hầu như rất hiếm, nếu không muốn nói rằng không có ai.

Các nhà bác học thế giới đều có chung một nhận định giống nhau là : Đồ gốm, từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVI, của Việt Nam có màu lam trắng, mà các học giả Nhật bản gọi là « Kôchi » (Giao chỉ), thường có hình dáng Hoa Sen, và trang trí hoa sen đều có trộn màu nâu, đặc biệt chỉ

đề dùng vào việc thờ cúng mà thôi. Và, chắc chắn chỉ có thể có tại Việt Nam, không còn một nước nào có cả. Sở dĩ Việt Nam không bị xóa tên trên bản đồ thế giới vì có rất nhiều nét đặc thù, mà một trong những nét đặc thù đó là sự Sinh Hoạt đạo Phật.

Đạo Phật, qua hình ảnh ngôi chùa, ngọn tháp là những biểu trưng Sắc thái kiến trúc đặc biệt Việt Nam mang một sử tính của mỗi thời đại khác nhau, nhằm hiện đại hóa nếp sinh hoạt đạo Phật trong dân gian, để vừa phụng sự Đạo pháp vừa phục vụ Dân tộc, một cách hữu hiệu hơn.

Thật vậy, một mái chùa cong, một ngôi tháp cò đủ nói lên trọn vẹn cái ý nghĩa và hồn tinh của một dân tộc và, hơn nữa, nó còn là suối nguồn, mạch sống cho cả giống nòi ta nương vào đó để tồn tại, triển khai. . . Việt Nam không có những đại kiến trúc Phật giáo khổng lồ, như Đền Thiên, Đền Thích của Kampechia, Borobudur của Java, Đền hoàng của Trung hoa, Ajantá của Ấn độ, và các đại tháp hùng vĩ tráng lệ như Chiêm thành, thế nhưng nhân dân Việt Nam vẫn có những ngôi chùa tuy không đồ sộ to lớn lắm nhưng, ở khắp nơi trong nước, làng nào cũng có ít nhất một ngôi chùa thờ Phật, đồng thời cũng là giảng đường để khai đạo, nhằm phục vụ hữu hiệu công cuộc ích quốc, lợi dân.

Mỗi khi mở trang sử, xét lại việc cũ, hẳn chúng ta đều phải thừa nhận rằng : Nếu lúc ban đầu các vị thuyền sư Phật giáo thuở xưa không ý thức được sứ mệnh của mình thì rất có thể nước Việt Nam đã không còn tồn tại vững chắc để, có được bộ mặt huy hoàng ngày nay. Các ngài đã nhập thế hành đạo, tùy thuận chúng sinh dắt dẫn họ trên đường học đạo, kiến quốc. Các vấn đề văn hóa, chính trị, quân sự, xã hội đều được các ngài nâng đỡ ; giáo hóa, kể từ vua quan đến thứ dân.

Chúng ta chắc chưa quên các trận chiến tranh Médiques, giữa Hy Lạp và Ba tư (thế kỷ thứ IV-TTL và chấm dứt năm 449-TTL), đã tàn phá nước Hy Lạp thật khủng khiếp. Sau nhờ có công lao đóng góp của các hiền triết phái Sophiste mà nước Hy Lạp nói riêng, Tây phương nói chung, mới có được một nền văn hóa mới : đó là sự thay đổi hẳn chương trình học cũ (có tính cách cò diền, siêu hình, đồng nhất nguyên tắc) đã bị chối bỏ để thay vào đấy các sự giảng dạy văn chương, hội họa, thể dục, kiến trúc, khoa học thực dụng hơn.

Việt nam qua thời kỳ ban đầu thành lập quốc gia đầy loạn ly, phong kiến, kể từ đời nhà Đinh (năm 968), các vị thuyền sư thực thụ tham dự vào việc cải cách quốc gia, về quốc phòng, ngoại giao, luật pháp, hành chính, văn hóa, xã hội v.v...

Sang đời nhà Lý, quốc gia Việt nam cực kỳ hùng thịnh. Các tôn giáo rất phát triển. Không giáo được nâng đỡ để tiến phát rực rỡ. Các khoa thi được mở ra liên tiếp để chọn nhân tài. Các sáng tác phẩm giá trị bắt đầu được biên soạn. Ca nhạc, Kiến trúc, nhất là kiến trúc đô thị, chùa

tháp, thương mại, được phát triển vượt mức. Nhà Lý đã triệt để áp dụng lý thuyết đạo Phật vào mọi lĩnh vực, nhất là thủ tục hành chính, luật pháp, chiêu an, di dân lập đồn điền v.v... Các ngành nông, ngư, mục, giao thông, cải cách điền địa, đắp đê, ân xá tù nhân, giảm thuế, cấp ruộng đất cho tù binh Chiêm thành canh tác . . . , đều được thực hiện tốt đẹp, ngoài sức tưởng tượng.

Điều đáng chú ý nhất trong đời nhà Lý là : các chùa, tháp được kiến tạo rất nhiều. Tuy nhiên các chùa tháp được xây dựng trong thời kỳ này không đồ sộ, tốn kém lắm như các chùa tháp của Chiêm thành, của Kampuchia, của Trung hoa . . . , đã gây hao hụt tài nguyên quốc gia, nhân lực của toàn dân. Đời Lý, các vị thuyên sư cũng như vua, quan, nhân dân không có kỳ thị tôn giáo, chủng tộc, quý tiện, đều đối xử rộng rãi với mọi người trong mọi trường hợp. Tam giáo — Phật — Khổng — Lão — đều được nâng đỡ ngang nhau. Vua Lý Thánh Tông năm 1069 đích thân sang đánh Chiêm thành, bắt được vua nước ấy là Chế Củ và nhiều tù binh, trong số có Hòa thượng Thảo Đường, sau ngài được suy tôn làm tổ sư một thiền phái tại Việt nam, phái Thảo Đường. Các vua, quan, quần chúng tới xin làm đệ tử rất đông. Các ngôi chùa không chỉ dành riêng để thờ Phật mà còn được sử dụng như trụ sở văn hóa mọi ngành, và còn là chỗ để các vua quan tới thăm viếng nghỉ ngơi, luận bàn đạo lý và các vấn đề hệ trọng khác. Đạo Phật không ngăn cản sự tiến đích thực của quốc gia, dân tộc.

Hần chúng ta còn nhớ : tại Âu châu, tôn giáo, một thời rất dài đã ngăn cản sức tiến của nhân loại. Phải chờ tới thời Cải Cách (Réforme) con người mới thực sự được giải phóng khỏi kìm chế lạc hậu của tôn giáo để nhường chỗ cho khoa học phát triển, nhờ thế mà nhân loại có được bộ mặt tiến bộ như ngày nay.

Tại Việt nam, đạo Phật không có tính cách hủ hóa ấy. Các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần..., sở dĩ được hùng thịnh là nhờ có nguồn giáo lý Từ bi, trí tuệ, bình đẳng giải thoát và tự chủ, nó biểu trưng bằng các ngôi chùa, ngọn tháp oai hùng ngự khắp nơi, và sự hiện diện của các vị thuyên sư sống gần gũi với nhân dân ; các ngài đã biết lo cái lo lớn lao của dân tộc, vui cái vui chung của thiên hạ, nên chưa và không bao giờ có tư tưởng đi ngược lại tinh thần truyền thống tốt đẹp của Dân tộc và đạo Phật.

Đối với đại nghiệp của đạo Phật Việt nam, qua các công trình to lớn đã thực tiễn phục vụ Dân tộc và đạo pháp một cách tích cực chúng ta không thể không lưu tâm tìm hiểu nguyên nhân tiến hóa của chúng. Chỉ tiếc rằng tài liệu khảo cổ liên quan đến các kiến trúc chùa tháp và các cuộc thịnh suy của đạo Phật từng thời đại hãy còn chưa được phổ biến sâu rộng trong dân

gian. Chúng tôi hy vọng những tài liệu khảo cổ quý giá về lĩnh vực đạo Phật Việt nam sẽ được mỗi ngày thêm phong phú, và ấn hành rộng rãi hơn.

Giờ đây, chúng ta hãy đọc và suy ngẫm cuốn KIẾN TRÚC PHẬT GIÁO VIỆT NAM, một công trình sưu khảo công phu từ nhiều năm, do Kiến trúc sư NGUYỄN BÁ LĂNG thực hiện.

Đây cũng là những tài liệu giá trị ghi lại những công trình Kiến quốc của toàn dân và của đạo Phật vậy.

Viết tại chùa Giác Minh Sài Gòn, ngày 25-10-1971 — Phật lịch 2515

THÍCH ĐỨC NHUẬN

LỜI MỞ

NHIỀU vua chúa đã cho xây dựng những cung điện huy hoàng nhưng hầu hết những kiệt tác của mỹ thuật Đông Tây đều bắt nguồn từ Tôn giáo. Điều dễ hiểu vì Tôn giáo là phần thâm thiết cao siêu nhất của linh hồn một dân tộc cũng như nhân loại, những công trình kiến trúc điều khác hội họa chính là hiện tượng của linh thể sâu sa ấy.

Đạo Phật đã sâu rễ bền gốc ở nước Việt ta từ 18 thế kỷ, nên dĩ nhiên phải căn cứ vào đấy mà tìm hiểu về mỹ thuật truyền thống, những nhà khảo cổ Tây phương tuy có xét đến những phương diện khác như cung điện, lăng tẩm... nhưng vẫn phải lấy chùa chiền làm trọng tâm khảo sát. So những ngôi chùa với những công trình xây dựng của Hy Lạp, Ấn độ, Tây phương trung cổ thì của ta kém phần đồ sộ huy hoàng, nhưng không thể dựa trên một tiêu chuẩn. Những phạm trù, những định luật, những nguyên lý chi phối nghệ thuật những nước này không phải là khuôn vàng thước ngọc của nước kia bởi có nhiều nền văn minh, nhiều cách cảm xúc suy tư và sinh hoạt. Nếu những công trình kiến trúc Hy Lạp, Ai Cập, Tây phương trung cổ như những thách thức của con người đối với thiên nhiên thì ngược lại những công trình kiến trúc Phật giáo của Việt nam cũng như Trung hoa và Nhật bản đã hòa hợp với thiên nhiên theo lẽ thiên địa, vạn vật đồng nhất thể của Trung hoa được tế nhị hóa với lẽ nhất như trong lòng Đại ngã, Đại hồn của Phật giáo bao gồm vũ trụ với con người cũng như mọi chúng sinh.

Bởi thế cho nên những ngôi chùa, những công trình kiến trúc của ta không đồ sộ huy hoàng, không đột khởi thách thức. Nơi am thanh cảnh vắng, nơi « Không sơn tịch mịch đạo tâm sinh » (Núi vắng lặng lẽ là nơi nảy sinh lòng đạo) là lý tưởng nên những ngôi chùa ở đồng bằng không xa thị tứ, hay ở giữa đẽ đồ vẫn mang vẻ thanh u.

Chùa chiền tô điểm cho thiên nhiên, thiên nhiên tô điểm cho chùa chiền, tuy hai mà một. Những ngôi chùa bên hang động hay trong lòng hang động ở Hương sơn, Yên tử Sơn, Vịnh hạ Long, những ngôi chùa trên những ngọn đồi hay giữa nơi đồng nội khoáng khoáng, Bắc ninh đã là những kiệt tác của mỹ thuật Việt nam, được coi như là tiêu biểu cho thời kỳ cực thịnh.

Nhìn những mái chùa cong cong, bai bai, trông những cột gỗ lim, người lệ thuộc tiêu chuẩn của những nền mỹ thuật ngoài Việt nam không thể nào thưởng thức nổi, và có thể tự hỏi : « phải chăng là kiến trúc » ?

Xin hãy bước vào ngôi chùa thâm thấp, thâm u phảng phất khói hương, hãy đặt tay vào những cột gỗ lim một tay ôm, có khi là cả một rìng cột của những ngôi chùa lớn, ta sẽ thấy khác hẳn với những cột đá của những nền kiến trúc kia, sẽ thấy thiên nhiên còn tiếp tục, còn sinh hoạt, còn thở trong lòng kiến trúc giữa bầu không khí tâm linh. Gỗ thở, ta thở, Phật thở — tất cả đều là một, một là tất cả.

Những pho tượng gỗ vàng son với những nét chạm trổ sắc bén mà mềm mại, vừa cứng cáp vừa uyển chuyển đã lấy từ cây sống và tiếp tục sống với bàn tay tuyệt vời của những nghệ sĩ vô danh thấm nhuần tinh thần đạo Phật. Những bức tượng La hán ở ngôi chùa Tây Phương Sơn tây, và một vài chùa Bắc ninh được Kiến trúc sư Nguyễn bá Lăng chụp lại và nghiên cứu đã khiến ta sửng sốt vì sự linh động phi thường với những thần thái khác nhau, như vị thì hoan hỷ, vị thì trầm tư, không kém gì những kiệt tác muôn đời của bất cứ nền điêu khắc nào. Bức Quan âm thiên thủ thiên nhãn, ở chùa Bút Tháp Bắc ninh có thể coi là tập đại thành của nền nghệ thuật Việt nam mà cũng là biểu thị của sự thấm nhuần sâu xa viên mãn tinh thần Phật giáo của người Việt. Tôi đã được xem bộ sách do nhà Adrien Maisonneuve xuất bản chụp theo và nghiên cứu mấy mươi kiệt tác Ấn độ, Trung hoa, Nhật bản về vị Bồ tát này với đủ mọi sắc tướng nam, nữ, phi nam, phi nữ, thì tôi thấy pho tượng ở chùa Bút Tháp là kiệt tác của mọi kiệt tác.

Tôi bái phục những điêu khắc sư đã tạc những pho tượng Thần vệ Nữ, Jupiter, Apollon bằng bạch thạch nhưng tôi không được xúc động đến mức độ ghê rợn khi bước vào một ngôi chùa nhỏ quanh hiu ở ven núi thấy pho tượng Phật có diềm nhõn sau ánh đèn leo lét nơi thâm cung u uất dư hương. Tôi ghê rợn vì đôi mắt sống quá, sống hơn mắt người thật, nhưng có lẽ vì đó là đôi mắt của tâm linh, tâm linh Phật, tâm linh tôi mà tôi đã quên, hay đã trốn chạy đến bây giờ bắt gặp như một niềm thống trách ở đáy lòng chợt nổi.

Những pho tượng bằng bạch thạch của Hy Lạp đều mù mắt. Người Hy Lạp có lý của họ vì họ trọng hình thể, làm sống những xác thân. Còn người Việt nam có lý của người Việt nam, là mượn hình thể để dẫn tâm linh, tạm lấy tướng mà hiển tính. Đó cũng là lý do hữu tồn của những ngôi chùa không đồ sộ, không huy hoàng của ta là những nơi con người đến tìm kiếm sự thanh tịnh, sống với tâm linh, thoát khỏi cái lao xao vẩn đục của cuộc đời.

Nhưng nó không có lập với đời, vì chẳng riêng gì nhà tu với cư sĩ, mà cả những cô yếm thắm, những thằng cu tóc đề trái đào cũng yêu cảnh chùa tuy thỉnh thoảng mới dám rụt rè cảm động bước vào ngó Phật một tí, nhưng thường thường thân thơ dưới bóng đa ngàn tuổi tỏa rợp mái chùa để vọng vào tai tiếng kinh tiếng mõ và thở hút cái không khí tâm linh mà không biết.

Nhưng chính sự không biết ấy mới sâu xa, mới tác dụng vào chỗ thăm thẳm ngàn trùng bởi những Vạn Hạnh những Diệu Nhân, những Lý Công Uẩn, Trần Nhân Tông, những người sống chết với đạo, đem đạo tóa vào đời đã từng là những hài nhi đó.

Vậy kiến trúc chùa chiền có tiêu chuẩn của nó, có quân bình của nó, có vẻ đẹp của nó để đạt mục tiêu của nó nên không thể lấy những định luật của những nền kiến trúc kia mà thưởng thức.

Ta không thể yêu trong trừu tượng. Không một người thành thật nào dám nói tôi yêu nàng chỉ tưởng đến tinh thần nàng chứ không nghĩ đến hình bóng. Kim trọng yêu nàng Kiều bằng lý tưởng mà vẫn phải :

*« Có khi vắng vẻ thư phòng
Đốt lò hương giờ phím đồng ngày xưa
Bẻ bai rủ rỉ tiếng tơ
Trầm bay nhạt khói gió đưa lay rèm
Dường như bên nóc bên thềm
Tiếng Kiều đồng vọng bóng xiêm mơ màng ».*

Hồn nàng Kiều đã quyện với hương trầm, ẩn hiện với vang bóng — tách rời hai yếu tố chỉ còn hư vô. Thì ta yêu Phật lý cũng như vậy. Một Thiên sư chế tượng Phật ra làm cũi đụn chỉ là một hành vi tượng trưng, không thể làm lại lần thứ hai, đề nghị cái ý phải tìm tính ẩn sau tượng, như tình lang phải cảm biết và yêu thương hồn tình nương ẩn sau xác thịt nhưng chẳng có tình nương nào lại không hình bóng.

Ta nhớ những mảnh di tàn của văn minh xưa mà ta khóc. Hình như nhà đại văn hào Goethe của Đức quốc đã nói câu ấy, thì chúng ta người Việt ngày hôm nay đang tìm lại hồn mình ở những bộ kinh xưa và những hình bóng cũ là những tòa kiến trúc, những ngôi chùa, những pho tượng hoặc có thể tái lập hoặc chỉ còn trong văn tả.

Kiến trúc sư Nguyễn Bá Lăng người đã từ lâu, mấy mươi năm xưa, với căn bản kiến trúc thấu nhận của Tây phương mà không bị lệ thuộc đã khéo sử dụng để tìm hiểu ghi nhận sắc thái kiến trúc Phật giáo Việt nam. Đọc những bài biên khảo của ông từ những số báo Vạn Hạnh năm sáu năm xưa đến đặc san này, chúng ta thấy ông đã tỉ mỉ ghi nhận, nghiên cứu với khả năng của nhà chuyên môn kèm theo sự rung cảm của người yêu đất nước cùng đạo pháp để làm sống lại những ngôi chùa từ Bắc vào Nam với qui mô, kích thước và cảnh trí thiên nhiên ở chung quanh. Điều quý nhất là ông đã tìm hiểu lý do của từng thứ kiến trúc, của từng bộ phận, của từng chi tiết, nhất nhất đều có ý nghĩa. Đó là một điều kiện muôn đời nhưng đặc biệt cần thiết

cho ngày hôm nay, thời buổi xáo trộn có những ngôi chùa là những mớ lai căng ở toàn thê cũng như từng bộ phận, từng chi tiết trang trí mà những người xây dựng không ý thức rằng mình làm những cái gì và để làm gì.

Những vị độc giả chưa theo dõi những công trình của Kiến trúc sư Nguyễn bá Lăng chỉ đọc một bài trong số này nói về lịch sử cây bảo tháp hậu thân của phù đồ qua thời gian và không gian từ Ấn độ sang Trung hoa, Việt nam, rộng rãi mấy ngàn năm, cũng đủ thưởng thức sức tinh vi kiên nhẫn của Kiến trúc sư ghi nhận và thấu hiểu lý do của từng hình thể và từng biến đổi đường nét. Kiến trúc sư hiện còn giữ rất nhiều đồ hình cũng như đã hoàn thành nhiều cuộc nghiên cứu về các công trình kiến trúc Phật giáo từ Bắc vào Nam, từ xưa đến nay, và song song với ý nguyện bảo tồn, Kiến trúc sư còn khả năng sáng tạo bởi ngay những kiến trúc cổ điển cũng không phải là mô phỏng nhau, vẫn có sự biến hóa linh động. Kiến trúc sư hiện cũng đã và đang vẽ kiêu cho mấy ngôi chùa lớn ở Saigon, vậy sách này chẳng những ghi bóng hình xưa, mà còn là nhịp cầu liên lạc giữa quý vị muốn xây dựng hay hỏi về chuyện xây dựng với người đã trọn đời hiến mình cho mỹ thuật Phật giáo, mỹ thuật truyền thống. Chúng tôi mong rằng sau quyển này, còn những quyển khác để giữ vẹn mỗi dây thông cảm giữa những người yêu thương Dân tộc và Đạo pháp ở mọi mặt vô hình và hữu hình như xác với hồn.

THẠCH TRUNG GIẢ

KIẾN TRÚC PHẬT GIÁO VIỆT NAM

THỜI KỲ PHẬT GIÁO DU NHẬP

Phật giáo du nhập Việt Nam đến nay đã ngót 2.000 năm. Vì thời gian và do nhiều ảnh hưởng nên Phật giáo Việt Nam có nhiều môn phái, cách tu trì, nghi thức hành lễ khác nhau, lại thêm hoàn cảnh không phải chỗ nào, lúc nào cũng chỉ là một, do đó, để đáp ứng nhu cầu, kiến trúc Phật giáo Việt Nam tất nhiên phải có nhiều sắc thái khác biệt.

Phật giáo khởi thủy ở Việt Nam dưới thời Hán thuộc. Việt Nam bấy giờ là một biên địa xa xôi đối với Trung Quốc nên Bắc sử ít có ghi tải. Theo lý giải và một số tài liệu xưa mà suy đoán thì ngay những thế kỷ đầu tây lịch đã có những tăng sĩ người Thiên Trúc vượt bể sang truyền đạo ở các xứ Đông Phương (1). Nhiều vị trước khi nhập cảnh trung nguyên Trung quốc, thường có lưu trú tại Giao Chỉ và có truyền dạy tín ngưỡng cùng các nghi thức cúng lễ. Sách Ngô Chí có đoạn chép :

« Sĩ Nhiếp qua làm thái thú quận Giao chỉ, sau lên chức Thứ sử Giao Châu (2), trước sau khoảng ngót 40 năm (187-222). Khi ra đường người ta thường nghe có những tiếng mõ, kiêng, chuông trống và thấy bọn rợ Hồ cầm hương đi hai bên xe từng toán hàng chục người... »

Rợ Hồ là danh từ mà người Trung Hoa lúc bấy giờ ám chỉ những người ở phương Tây (3) và ở đây có thể là các tăng sĩ người Thiên Trúc (Ấn độ), người Nguyệt thị (Indoscythe trên sông Indus, ở phía Tây Bắc Ấn Độ) hoặc người Khang cư (Sogdiane, nay là xứ Boukhara, Tân Cương thuộc Nga).

(1) Theo ông Sylvain và Pellot kê cứu thì Trung Quốc và Ấn Độ giao hảo với nhau từ năm 245 trước T.L. đến thế kỷ VII đều lấy Giao chỉ, Giao Châu làm trung gian.

(2) Giao chỉ dời Đông Hán sang triều Ngô (Tam quốc) dời làm Giao Châu.

(3) Theo nhà khảo sử Sylvain Levi viết trong tập san Viễn Đông Bác Cổ.

Điều này chứng tỏ là nghi thức, tín ngưỡng phải chăng đã được nhà cầm quyền bấy giờ tin theo.

Cùng thời này có Khâu Đà La (Kaudra), người Đông Ấn cùng đạo hữu là Ma Ha Kỳ Vực qua lưu trú tại thành Luy Lâu là trị sở Giao Châu lúc đó. Theo sách Pháp vũ thật lục thì trong thời gian lưu trú, Khâu Đà La có truyền dạy phép cứu hạn cho một đệ tử là Man Nương và do đó dân ta có tục thờ Tứ Pháp. Tứ Pháp gồm có bốn vị là Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện. Người ta tin rằng đó là 4 phép của Phật dùng để phù hộ cho nông dân Việt Nam.

HÌNH VẼ SỐ 1

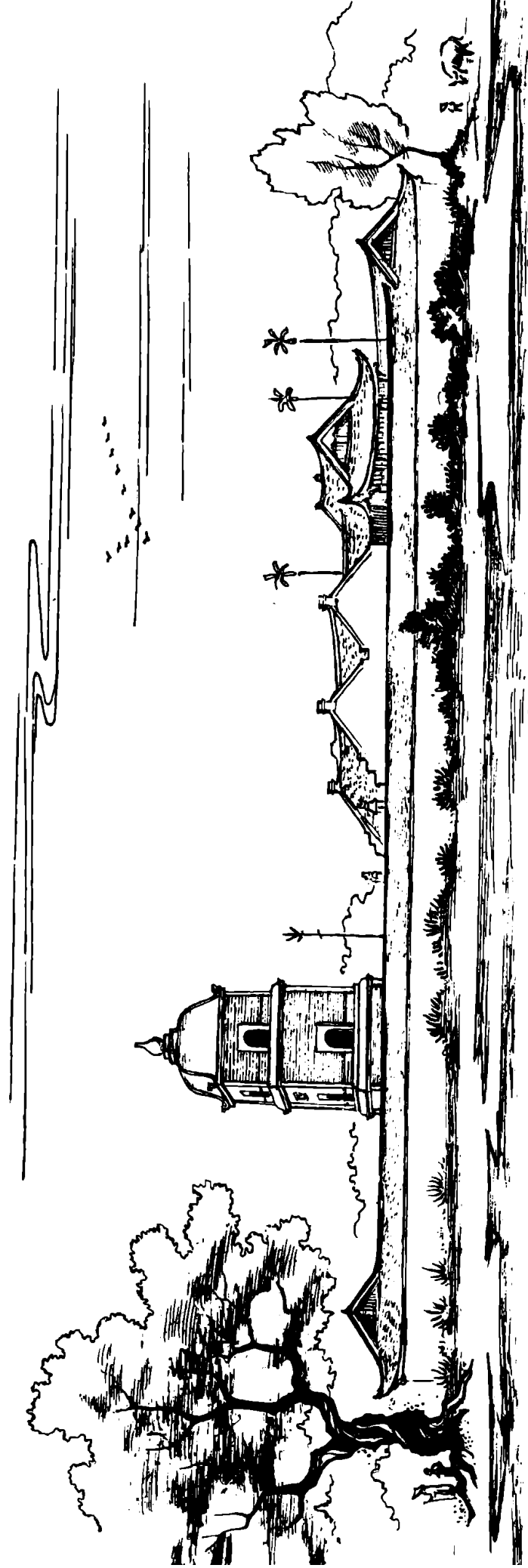
Chốn tổ của tục thờ Tứ Pháp, nay gọi là chùa Pháp Vân hay chùa Duyên Ứng dựng ở giữa hai xã Khương Tự và Đại Tự, phủ Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh, tức là ở ngay trung tâm thị tứ Luy lâu xưa, chứng tỏ rằng tục thờ này được nhà cầm quyền là Sĩ Nhiếp, bấy giờ đặc biệt lưu ý tôn sùng. Nhưng những nơi thờ Tứ Pháp được gọi là chùa nghĩa là đồng thời có thờ Phật ngay từ lúc khởi tập hoặc là về sau thì không thấy ai nói rõ, chỉ biết rằng trong quy mô kiến trúc của các chùa thờ Tứ Pháp như ngày nay được thấy tại miền Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Đông, Hà Nam, Quảng yên... đều có dành 1 phần kín cần, thâm nghiêm ở phía sau tòa Tam Bảo thờ Phật để thờ tượng thánh (tiền Phật, hậu thánh), gọi là cung cấm, nơi mà người thường không ai được phép bước vào.

Đây có lẽ là một hình thức của Mật giáo, hoặc có nhiệm Bà là môn giáo vì Khâu Đà La là người xứ xuất, nguyên thuộc giòng này. Vậy niềm tin ngưỡng bấy giờ chưa phải là Phật giáo thuần túy. Sách Mâu Tử (1) chép : Sau khi Hán Linh Đế (168-189) mất, trong nước (Trung Hoa) rối loạn, chỉ có Giao Châu là tạm yên, nên những sĩ phu đều sang lánh nạn ở đó. Nhiều đạo sĩ đem truyền các ngoại đạo như: Thần đạo, Tiên đạo, Trường sanh đạo — Giữa cảnh tượng nhộn nhịp của thủ phủ Giao Châu bấy giờ với những gia đình từ phương Bắc di cư xuống, những khách buôn, những đạo sĩ từ Tây Trúc, từ các xứ phương Nam đến giao thương, lưu trú, đem theo những nếp sống, những niềm tin tưởng phức tạp, khác biệt nhau, chùa Pháp Vân vẫn là trung tâm tín ngưỡng quan trọng hơn cả.

(1) Mâu Tử tức Mâu Bác người quận Thương Ngô tức Ngô Châu bây giờ, sinh khoảng năm 165-170. Sau khi Hán Linh Đế mất, ngài theo mẹ sang tránh loạn bên đất Giao châu. Ngài thường cùng đạo sĩ biện luận thấy không được giải đáp thỏa đáng, nên phát tâm theo đạo Phật, tự khảo giáo lý và truyền đạo.

HÌNH VẼ SỐ 1

Ngôi chùa đầu tiên của Việt-Nam
Khởi dựng vào đầu thế-kỷ thứ III : Chùa Duyên-Ứng.
Chùa Duyên Ứng (Chùa Pháp Vân, chùa Đầu)
Làng Khương-Tự, phủ Thuận-Thành, tỉnh Bắc-Ninh.



Đền - Ứng - từ (Chùa Đầu : Pháp - Vân)
Xã Khương - Tự - Phủ Thuận - Thành - Bắc - Ninh.
Xuân 1945

PHẬT GIÁO VIỆT NAM VỀ THẾ KỶ VI — VII

— Đời Tùy (t.k. VI-VII) chùa Pháp Vân là chốn tu trì và được dùng làm đạo tràng thuyết pháp, tức nơi truyền bá Phật giáo quan trọng của các vị danh tăng như Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Pháp Hiền và Quan Duyên.

Tỳ Ni Đa Lưu Chi (Vinītaruci) là người Nam Thiên Trúc, đến kinh đô Trường An của Trung Quốc năm 574. Ngài gặp ngài Tăng Xán là đệ tam tổ thuyền tông Trung Hoa, được truyền tâm ấn rồi đi xuống phương Nam, đến Quảng Châu rồi đến Giao Châu, ở chùa Pháp Vân năm 580. Ở đây ngài dịch bộ kinh « Tổng Trì » và giảng dạy Phật giáo, dần dần truyền thống thành Thuyền phái đầu tiên ở Việt Nam. Ngài truyền tâm ấn cho ngài Pháp Hiền rồi tịch vào năm thứ 14 nhà Tùy (594).

Xét theo thế hệ Thuyền Tông Trung Hoa thì ngài là tổ thứ 4 mà tổ đệ nhất là Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma). Bồ đề Đạt Ma là người thuộc giòng dõi quý tộc ở miền Nam Ấn Độ. Ngài xuất gia theo đạo Phật và chuyên về Thiền học. Năm Phổ Thông nguyên niên (520) đời vua Võ đế nhà Lương, ngài theo đường biển đến Quảng Châu. Vua Võ đế mời ngài đến kinh đô Kiến Nghiệp tức Nam Kinh ngày nay. Ngài vào yết kiến thấy vua không hiểu đến chỗ mầu nhiệm của đạo Phật, bèn qua sông Dương Tử, đến nước Bắc Ngụy ở chùa Thiếu Lâm trên núi Thiếu Thất (1) tu phép tham thiền, suốt chín năm chỉ ngồi nhìn vào vách (quán bích), tục gọi là « thầy tu xem vách ». Ngài được coi là tổ thứ 28 của phái Thiền tôn bên Ấn Độ và là sơ tổ Thuyền Tôn cõi Đông thổ.

Một vị cư sĩ hiệu Bạch Liên, đã làm một bài phú mô tả ngài sơ tổ thanh thân tu trì trên núi Thiếu Thất, dãy Tung Sơn, trong một khung cảnh thanh tĩnh, đầy thiền vị như sau :

Thiếu Thất phú

Vui thay miền Thiếu Thất (2)

Vui thay miền Thiếu Thất !

(1) Núi Thiếu Thất thuộc dãy Tung Sơn ở huyện Đãng phong tỉnh Hà nam. Tung Sơn còn gọi là Trung nhạc, cao ước 2.240m là 1 trong 5 ngọn núi to cao nhất (Ngũ nhạc) tại Trung nguyên Trung quốc. Tại đây có 1 cây tháp dựng năm 523 đời Bắc Ngụy là cây tháp cổ nhất còn lại của Trung hoa.

(2) Về đời Lương bên Trung Quốc, sơ tổ Đạt Ma người Thiên Trúc sang Trung Hoa truyền giáo ở chùa Thiếu Lâm, núi Thiếu Thất, quay mặt vào vách ngồi 9 năm, truyền ra phái Thiếu Lâm.

Ghe tróc (1) đã giờ.
Nâng chân sấn đất.
Dùm ba gian nhà cỏ lơ thơ,
Buông mấy cánh rèm bông (2) phơ phất.
Tường đất sét đắp cao ba thước, khoan cửa tò vò (3)
Nghênh ngọn gió nam thâu,
Mái cỏ tranh lợp dầy hai gang, bầy cò ngỗng (4) đỡ hạt mưa rằm hắt.
Cột tre bương (5) óng ả, ngắm càng xinh.
Rui nửa tép (6) nhãn cừ, coi cũng bật,
Trước án dựa một tay như ý (7) bầy pho kinh Diệu pháp liên hoa (8).
Trên ban treo mấy giải Hằng tâm (9) thờ tọa tượng A Di Đà Phật (10)
Mồ gỗ mít (11) giáng quả đào (12) đánh bóng, rui lim khua vang động một thung tròn
Chuông đồng già (13) khuôn trái nhót (14) nhãn cừ, vồ vông (15) thỉnh ngân dài
mười sáu quật.
Hương trầm bạch (16) thấp khuya, sớm chẳng khi tàn,
Đèn dầu sở (17) đốt đêm ngày không lúc tắt,
Ấm đất (18) mở củi rừng nấu sấn, chè sơn hào (19) chuyên mấy chén thơm tho.

-
- (1) Đỉnh đầu. (2) Cỏ bông. (3) Cửa tò vò.
(4) Đoạn kéo vờn ra khỏi cột để đỡ mái hiên theo thể đòn bẩy, hình cong vờn như cò ngỗng.
(5) Cây bương ở rừng dùng làm cột nhà.
(6) Rui làm bằng nửa tép ở rừng.
(7) Là cái bàn tay giả bằng gỗ để chư sư tụng kinh có ngựa thì gãi.
(8) Kinh Pháp Hoa là kinh Đại Thặng chư tôn Thiên Thai.
(9) Là phướn. (10) A Di Đà Phật : giáo chủ cõi cực lạc Tây phương.
(11) Gỗ mít đục làm mồ. (12) Giáng như quả đào. (13) Đồng già đúc chuông.
(14) Khuôn hình như quả nhót. (15) Vồ chày làm bằng gỗ Vông.
(16) Trầm có hai thứ : đỏ gọi là tử đàn, trắng gọi là bạch đàn, sinh tại nước Lâm-ấp
(Trung Việt ngày nay).
(17) Dầu ép từ quả sở. (18) Ấm nặn bằng đất. (19) Trà trồng tại núi.

Khay sưa (1) bàn gỗ trắc (2) để kê, nước thiên vũ (3) dựng một bầu trong vát
Ấy gia mô (4) từng tiệm đã ưng lòng,

Này phong cảnh (5) tự nhiên càng xứng mắt.

Non sực sực Họi long (6) kéo đến, chuyển quanh co bàn kết mạch Đỉnh (7)

Nước cồn cồn Tốn hồ (8) triều vào, tuôn khuất khúc loan hoàn chữ Ất (9)

Lườn núi nọ lão từng (10) năm bầy cội, từng cơn diu đặt gậy đàn khoan

Gành khe kia lục trúc (11) một đôi hàng, thành thót rập rờn khua phách nhạt

Cây đơn (12) kê đầu suối đỏ lòm,

Cành liễu (13) rủ bên tường xanh ngắt

Hồ liên bạch (14) hoa khai trăm đóa, cá vàng ngoi đáy nước lượn quanh.

Ngàn hải đường (15) nhị nở nghìn đài, cốc biếc đổ đầu cành hót vát.

Chốn nghỉ ngơi giường tre, chõng trúc, hoang mang nhĩ, màn gà chân giấy, áo
tăng già (16) phần tảo (17) nặng hơn cân,

Đồ nấu ăn nồi đất sanh gang, tử tế sao, kho bí bung măng, bát đá la (18) thiết
bì (19) dai mấy chét.

(1) Khay bằng gỗ sưa có vân đẹp lắm. (2) Bàn đóng bằng gỗ trắc là thứ gỗ tốt và quý nhất trong loài gỗ. (3) Nước trời mưa. (4) Là phép nhà. (5) Phong quang cảnh vật. (6) Tiếng địa lý gọi núi là long. Họi là hướng chữ hợi. (7) Mạch theo hướng chữ đỉnh. (8) Tốn là một cung trong bát quái, hồ là con hồ, nhà địa lý gọi nước là hồ ? (9) Quanh co như chữ Ất Z. (10) Cây thông già. (11) Cây trúc xanh, cây thông cây trúc gió đưa qua như tiếng gậy đàn, khua phách. (12) Cây mẫu đơn hoa đỏ. (13) Cây dương liễu. (14) Sen hoa trắng. (15) Cây hải đường hoa như hoa trà. (16) Áo cà sa. (17) Là nhạt mụn rách mà vá chùm đụp lại. (18) Bát pháp và áo cà sa dùng khi thụ giới (19) Chét bằng sắt.

Trọn ngày một bữa cơm chay,

Cả tháng đôi tuần chè mật.

Ngồi đám cỏ một mình hóng mát, tay phong phanh quạt lá (1) đan tròn

Đi thềm nhà bách bộ (2) tiêu cơm, chân lập cập, dép mo (3) đóng chặt

Trong ngoài giữ việc, ông lão già hom,

Sớm tối chực hầu, tiểu đồng bé nhất,

Cư xử lấy từ bi lầy mực, học đòi cổ đức (4) hạ chín tuần (5) kết túc tụng kinh

Hành tàng đem hỉ xả treo gương, bắt chước cao tăng (6) thu ba tháng dầu đèn
hành khất. (7)

Thầy nhập định (8) già phu (9) dựa đá, mơ màng Đạt ma (10) mặt quay vào,

Tớ vấn kinh quỳ gối dẫm sương, tưởng tượng thần quang (11) tay đã cắt

Những say mùi Phật đạo nhiệm màu,

Nào ngờ sự trần gian' đặc thất,

Dù ai có lợi danh đồn hỏi, chau mày chép miệng trình vô (12)

Vì kẻ đưa tài sắc ướm chiều, hắt cổ vẫy tay rằng bắt (13)

Bạn đồng chí đôi ba người tinh tuệ (14) đèn tùng cao (15) kẻ sừng thỏ nghĩa
huyền,

Tiểu thừa nhan năm bảy gã tức từ (16) quyền bối điệp (17) dặng răng nghề câu
luật.

Nài bao thế thái phong lưu (18)

Chẳng quản thiên gia (19) khổ khuất.

(1) Quạt đan bằng lá. (2) Đi nhiều hàng trăm bước. (3) Dép bằng mo nang.

(4) Người đạo đức thời xưa. (5) Ba tháng hạ kết túc yên cư học đạo.

(6) Chư sư giới hạnh thanh cao. (7) Phép dầu đèn có 12 thứ là đi xin ăn như các sư bên Ai lao, Cao mên. (8) Ngồi thiền định không tán loạn. (9) Là ngồi xếp hai bàn chân ngửa lên.

(10) Là sư tổ thiền tôn đã chưa ở trên. (11) Người tin thiền tôn cắt cánh tay học phép.

(12) Không. (13) Chẳng. (14) Tinh tuệ = sư ông. (15) Tùng cao : dầu nhựa thông thấp đèn.

(16) Tức từ = sư bác. (17) Lá cây bối đa lấy viết kinh chữ Phạn, ở nước Miến điện cũng có cây ấy.

(18) Thói đời. (19) Nhà chùa.

Nhục, vinh, quý, tiện, cuộc Diêm phù (1) xem bằng không hoa (2)
Ai, lạc, hưng, suy, đường vật sắc trông như huyền chất (3)
Tâm thể ấy, chửn gia phong (4) là thế ấy ; dấu tiểu sĩ nghỉ ở xó
rừng thăm thẳm, thân hằng nương Bắc quốc điện cao.
Hạnh nhường này, xong công án (5) lại nhường này, thì sư già
(6) ngồi tu góc núi nhỏ nho, danh đã chiếm Tây phương bằng nhất (7)

BẠCH LIÊN tiểu sĩ soạn

* * *

Đương khi chùa Pháp Vân là chốn hoàng dương Phật pháp của Thiền phái đầu tiên ở cõi Giao Châu thì vua Văn Đế (Cao Tổ) nhà Tùy cũng lưu ý đặc biệt đến chốn này. Bấy giờ là thời đại hưng thịnh của Phật giáo Trung quốc nhờ Cao Tổ Văn Đế nhà Tùy là một ông vua rất mộ đạo Phật.

Theo truyện Đàm Thiền pháp sư thì nhà vua tặng cho Giao Châu năm hòm xá lợi Phật và sắc thái thú Lưu Phương chọn nơi linh địa dựng tháp để bảo tàng (8) mặc dầu trước đó Giao Châu cũng đã lập được hơn 20 ngọn bảo tháp và 150 (?) ngôi chùa hoặc tịnh xá. Theo sự nhận xét của thiền sư Pháp Hiền thì nơi linh địa nhất cõi Nam là chùa Pháp Vân vì vậy Lưu Phương đã cho xây một ngọn bảo tháp tại đây, khoảng năm 602-605. Còn bốn nơi nữa là ở chùa Trường Khánh (9) và ở các châu Hoan (Thanh hóa), châu Ái (Nghệ An) và châu Phong (Vĩnh yên, Phú thọ).

Hai mươi ngọn tháp dựng trước tiên nay không rõ ở những nơi nào, còn trong số những ngôi chùa đã dựng chắc chắn là phải kể đến những ngôi chùa thờ Tứ Pháp tại miền Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh và miền Thương Tín, tỉnh Hà đông ngày nay. Tại nơi sau này có chùa Pháp Vũ hoặc chùa Thành đạo, tục gọi chùa Đậu,

-
- (1) Cõi Nam diêm phù đề là Châu Á này, nói tường trong kinh Phật.
(2) Mắt trông như có hoa mà không có. (3) Chất giả dối. (4) Thói nhà.
(5) Có công hay có tội lập thành bản án. (6) Tăng già là nhà sư.
(7) Lên đến cõi cực lạc phương tây chiếm bằng nhất.
(8) Việc này cũng giống hành động của Lương Vũ Đế (502-549) Vua Lương cho dựng một số tháp năm tầng ở các nơi linh địa.
(9) Có sách ghi là Trường châu (Nam định ngày nay).

theo tương truyền và cũng theo sách Pháp Vũ thực lục thì chùa cũng dựng từ thời Sĩ Nhiếp. Tuy nhiên chùa Pháp Vân tại Luy lâu vẫn được coi là chốn tổ và là ngôi chùa xưa nhất của Việt Nam.

Chùa tuy cổ nhưng không còn nguyên trạng lúc khởi đầu. Hình dáng lúc đó không phải là kiểu một tịnh xá hoặc một ngôi đền thờ Ấn Độ dù ảnh hưởng của các tu sĩ, pháp sư Thiên Trúc bấy giờ đang mạnh. Chùa được lập ra do lệnh của Sĩ Nhiếp là nhà cầm quyền có uy thế đương thời thì dĩ nhiên là kiến trúc theo kiểu cách những đền chùa thuộc văn hóa Trung Hoa. Lịch sử Phật giáo Bắc phương còn cho ta biết về ngôi chùa đầu tiên, được ghi chép như sau :

NGÔI CHÙA ĐẦU TIÊN CỦA TRUNG HOA

« Đời Đông Hán, nhằm triều vua Hiếu Minh (Minh Đế) (58-75) Ban Siêu qua Tây Vực, thấy đạo Phật thịnh hành tại xứ ấy, khi về triều mới tâu bày với vua. Vua bèn sai Thái Âm qua các nước ở Tây Thiên Trúc kiểm được kinh 42 chương và rước thầy tăng là Ma Đăng Trúc Pháp Lan về giảng đạo Phật. Thuở ấy thỉnh kinh về nước chở bằng hai con ngựa bạch và chứa tại Hồng Lô tự (tòa quan Hồng Lô) cho nên sau khi cất chùa tại kinh đô Lạc Dương, vua nhân dùng chữ tự làm chùa thờ Phật mà đặt tên chùa là Bạch Mã tự . . . » (1)

Ngôi chùa Trung Hoa nếu không kể có tháp thì trông bên ngoài kiến trúc cũng không khác các cung phủ bao nhiêu, nghĩa là một công thự nguy nga, rực rỡ, duy bên trong tùy theo sự sử dụng mà xếp đặt, bố trí khác biệt, chẳng thế mà khoảng đời Võ Đế nhà Bắc Chu (năm 574), vua bãi bỏ Phật giáo dùng chùa làm phủ cho các vương hầu (2).

KIẾN TRÚC ĐỀN PHÁP VÂN

Vậy ta hãy thử hình dung ngôi đền Pháp Vân thuở ban đầu như một công đường thời Hán mạt, nghĩa là kiến trúc nguy nga bằng gỗ có nhiều cột đỡ những tầng tồ sức ? « con sơn trống đầu », mái ngói ống trúc (trúc ngõa, ngói ống, hoặc âm dương) góc mái thẳng nghĩa là không cong hót lên như về sau này, điều

(1) Bắt đầu dựng chùa Phật năm Vĩnh bình 11 (T.L. 68).

(2) Huyền Mặc đạo nhân : Nam Phương Phật tích.

này chứng tỏ bằng những mẫu nhà bằng đất nung tìm thấy trong những ngôi mộ đời Hán xây rải rác tại vùng trung châu Bắc Việt và Thanh Hóa.

Vách đền làm bằng gỗ hay gạch, có thể là xây bằng gạch nhiều hơn gỗ và là gạch hoa, đất nung màu đỏ có chạm những hình vân kiêu chám lồng (1) và những hình kỷ hà như ở các ngôi mộ xây cuốn tò vò của thời này. Một số mảnh vụn của những loại gạch này, hồi trước đây (khoảng năm 1954) còn thấy gắn vào thân tường đất đắp vòng quanh khu phụ thuộc nhà chùa. Đền Pháp Vân là một trung tâm tín ngưỡng quan trọng nên mỗi khi gặp kỳ đại hạn, khan nước, thì chính quyền và dân chúng tổ chức tế lễ náo nhiệt để cầu mưa, lâu dần thành thông lệ cứ ba năm một lần rước hội linh đình. Tới khi nơi đây trở thành nơi trú vãng, dịch kinh và thành 1 đạo tràng của các vị danh tăng đến dâng đàn, thuyết pháp thì chốn thờ Tứ Pháp này đã trở nên một ngôi chùa danh tiếng và quy mô kiến trúc khuếch trương ra ắt đã rộng lớn lắm. Tới lúc Lưu Phương dựng tháp thì quy mô kiến trúc của chùa chắc là đã đạt đến mức độ đầy đủ, vì xét theo vị trí của ngôi tháp hiện nay dựng trên nền ngôi tháp đời Tùy, ở ngay chính giữa sân trước chính điện, lại có hồi lang chạy bọc quanh thì thấy đúng như quy mô của các ngôi chùa cổ của Trung Hoa xưa.

Chùa Pháp Vân đã được sửa chữa hoặc dựng lại nhiều lần, đại lược vào thời nhà Lý, đời vua Anh Tôn, năm 1161 ; làm lại hồi cuối thế kỷ XIII, đời Trần ; thế kỷ XVIII đời Lê và sau này tu sửa vào cuối thế kỷ XIX và vào năm 1917, nên kiến trúc như ngày nay ta còn được thấy, mang nhiều sắc thái kiến trúc triều Hậu Lê, tuy nhiên bình đồ vẫn phản ảnh được tầm quan trọng của trung tâm tín ngưỡng lúc ban đầu.

CHÙA DẦU

Chùa Pháp Vân tục gọi chùa Dầu ở vào một vị trí đặc biệt, tọa lạc trên giao điểm những con đường lớn của thời xưa, có thể coi là trung tâm của thị tứ Luy Lâu mà có sách cho rằng chính là thành Long Biên của thời Hậu Hán. Dấu tích của chốn đô hội xưa nay là những xóm làng Lũng Khê, Khương Tự, Đại Tự Công Hà, Văn Quán . . . liên tiếp thiết lập theo chiều Bắc Nam, dọc theo con sông

(1) Hình thoi lồng vào nhau.

BẢN ĐỒ SỐ 1

Dâu ở hai bên tả hữu chùa Pháp Vân và có những lũy tre cao rậm vây kín. Nhờ địa hình thuận tiện nên trước đây vẫn một thàng sáu phiên, dân trong miền và cả từ những nơi xa đến họp chợ đông đảo trên giải đất rộng khoảng 50m, dài khoảng 200m chạy dài từ nơi mặt tiền đường chùa tới bờ sông Dâu và còn kéo dài bằng 9 nhịp cầu quán lợp ngói nổi vào dãy nhà phố, quán hàng bên kia sông để gọi lại phần nào vang bóng của chốn đô hội đã tàn lụi kể cả ngàn rưởi năm rồi. Những giải đất rộng dài này chính là sân trước chùa, có tam quan dựng gần mé sông, vươn hai tầng mái cong lên để đánh dấu lối dẫn vào nơi linh địa. Tới kỳ hội chùa, sân này là nơi bày các trò vè, trồng kiệu, sắp đặt việc rước sách « Bốn Bà » để người trong miền và thiên hạ tứ xứ đến dự hội chung vui.

BẢN ĐỒ SỐ 2

Tăng xá và các nhà phụ thuộc mái ngói tường đất lập thành một khu riêng kề bên vách hữu của chùa. Còn phần chính của chùa là 1 khu vũ, hình chữ nhật rộng dư 30m dài 80m gồm trước mặt là tiền đường, sau lưng là hậu đường, hai bên là hành lang thật dài, do đó còn có tên là chùa Trăm gian. Những nếp nhà này tường gạch lợp ngói làm bất vắn quây bọc một sân gạch rộng và ba tòa điện chính nối liền với nhau thành hình chữ công (工). Nếu không có thêm một ngôi miếu nổi vào hậu đường thành một « chuỗi vồ » và có một cây tháp vương xây ở giữa sân, thì có thể nói rằng chùa này làm theo kiểu « nội công ngoại quốc » rõ ràng nhất.

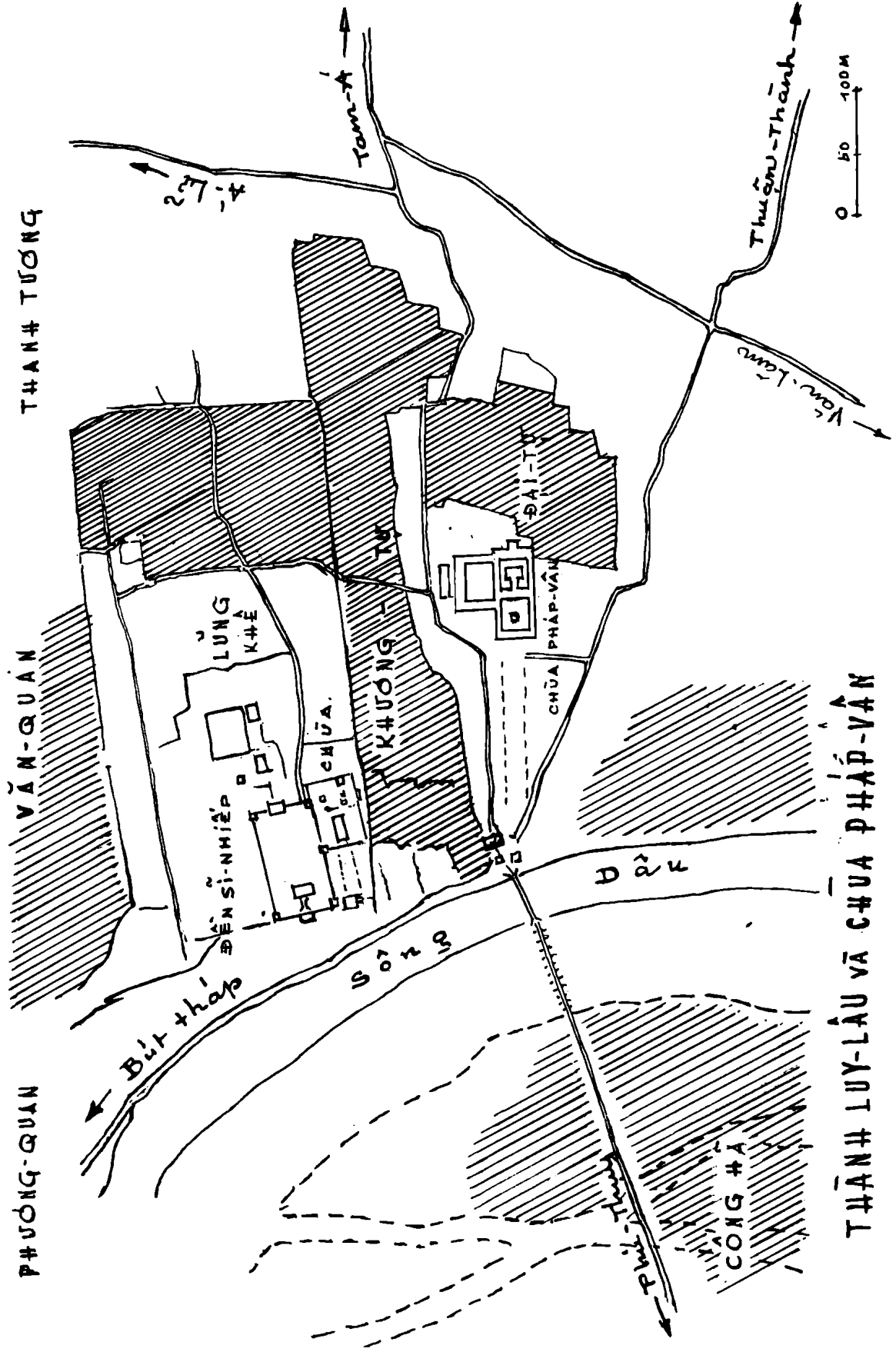
Kiểu « Nội công ngoại quốc » rõ ràng là quy mô kiến trúc của một ngôi chùa cổ thời, bố trí theo truyền thống của một tịnh xá Thiên Trúc (Vihara). Những tịnh xá này luôn luôn lấy tòa phù đồ (bảo tháp) làm vật tôn thờ chính dựng ở giữa sân để chư tăng vừa đi chung quanh vừa tụng niệm theo chiều của kim đồng hồ. Cung thờ nếu có thì ở phía sau, còn các tăng phòng (tu viện) thì thiết lập quây bọc chung quanh.

BẢN ĐỒ SỐ 3

Những ngôi chùa dựng về thời đại đầu tiên của Trung Hoa cũng như những ngôi chùa xưa nhất của Nhật Bản được coi là kiến trúc Phật giáo cổ điển Á Đông từ thế kỷ VI đến thế kỷ XVIII thì cách bố trí cũng theo truyền thống Tây Trúc coi ngọn

BẢN ĐỒ SỐ : 1

Địa điểm thành Luy-Lâu và chùa Pháp-Vân
(vẽ theo không-ảnh) Thành Luy-Lâu nay còn nhận
rõ được di-tích là 1 hình chữ nhật chiếm trọn
khu-vực làng Lũng-Khé, và ngôi đền thờ Sĩ-Nhiếp
rất rõ thể là đã lập trên đỉnh thái-thủ xưa.



bảo tháp là vật báu tàng trữ xá lợi (bảo tháp) nên dựng ở giữa sân ; điện thờ và nơi làm lễ (bản điện) dựng ở phía sau có hồi lang quay bọc tứ phía. Ở Việt Nam đôi khi hồi lang dùng làm đường để chُر tăng và tín đồ chạy đàn (vừa đi vừa tụng kinh) và giữa khoảng những cột ở hành lang hai bên có bày những tượng cùng bản thờ La Hán và hành lang phía sau thì bày bản thờ chư tổ và các bản thờ hậu thay vì những tầng phòng và những bản thờ nhỏ như ở những tịnh xá Thiên Trúc.



HÌNH VẼ SỐ 2

HÒA PHONG THÁP
xây lại năm 1738

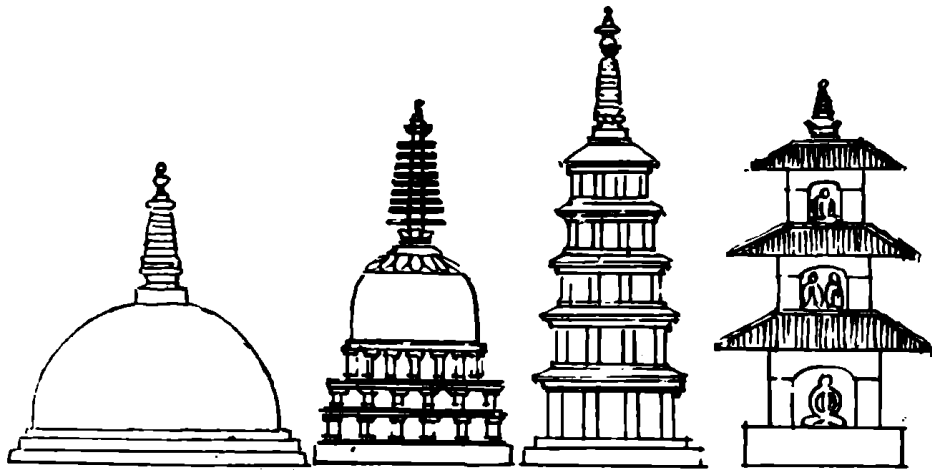
Pháp Vân tự
Khương tự — Thuận thành
Bắc ninh 1942

Cây tháp dựng ở sân chùa Pháp Vân ngày nay xây bằng gạch nung già để trần (không tô), tường rất dày, bình đồ vuông, trông bên ngoài gồm có ba tầng cách nhau bằng những vành mái nhỏ, mỗi tầng đều có trở cửa cuốn tò vò nằm trong ô chữ nhật ở cả 4 mặt, nhưng trong lòng để thông suốt từ nền lên tới vòm nóc. Lòng tháp có bốn tượng Thiên vương mặc giáp trụ như võ tướng đứng trấn bốn góc. Còn vòm mái tháp thì xây cuốn bằng gạch trông bên ngoài uốn khum khum như mái long đình. Có những đường bờ bằng đá từ chân bệ một hồ lô hình bầu rượu đặt trên chóp mái, chạy đồ xuống viền bốn cạnh mái và vươn trả lại thành những đầu rồng. Thuở xưa những đầu rồng này chắc có ngậm những chuỗi chuông khánh nhỏ gọi là lục nhạc (lục lạc) rủ xuống bốn cạnh góc tháp.

Tháp trang hoàng bằng những đường trụ viền ở cạnh góc tháp và bằng hàng tàu gạch nhỏ dần ra đỡ những tầng mái nhỏ. Ở trên cửa chính tầng giữa có gắn một tấm bảng ngạch lớn bằng đá xanh là vật trang trí đẹp hơn cả. Tấm bảng này có khắc ba chữ Hán đại tự : « Hòa Phong tháp » và thêm hàng chữ nhỏ ghi niên hiệu : Vĩnh Hựu tứ niên (1738). Dưới chân tháp có dựng cây bia đá khắc một bài văn cho biết đại ý là trong năm Vĩnh Hựu nhà Lê, nhà sư trụ trì pháp danh là Tính Mộ cùng đệ tử thấy ngôi tháp cổ ở nơi đây đã đổ nát lâu ngày bèn đứng lên hô hào thập phương đóng góp công của để xây lại. Cây tháp cổ đổ nát đó phải chăng là, theo tương truyền, do trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi đã xây cao tới 9 tầng lúc đại trùng tu chùa tới 100 gian và bắc cầu 9 nhịp vào cuối thế kỷ XIII. Nếu chuyện này có thực thì trạng nguyên cũng chỉ xây lại hoặc trùng tu tháp dựng ra từ đời Tùy (cuối t.k.VI). Sở dĩ ta có thể tin được như vậy là vì cây bảo tháp của Văn đế nhà Tùy cho lập ra phải thiết lập ở vị trí đặc biệt nổi đẹp nhất trong quy mô chùa Pháp Vân theo quan niệm bố trí kiến trúc bấy giờ (t.k. VI - t.k. VII). Vậy không thể ở nơi nào khác hơn là tại giữa sân trước chùa, tức là ở vào địa điểm cây tháp Hòa Phong ngày nay. Nhưng hình dáng, kiểu cách của cây tháp đời Tùy như thế nào? Có thể rằng cũng là 1 cây tháp xây bằng gạch, bình đồ vuông theo truyền thống những hình khắc tại động Vân Cương và Long môn tại miền Bắc Trung Hoa (t.k. V), và đã được các cuộc trùng tu tái thiết sau này tôn trọng. Mỗi tầng tháp là một tầng mái và trên chóp đắp một tòa phù đồ (stupa) nhỏ mang một tàn lọng theo như truyền thống phát xuất từ Ấn Độ. Như vậy cây tháp Hòa Phong kiểu cách có thể cũng không khác xa cây tháp nguyên thủy lắm, chu vi có thể cũng tương tự nhưng chiều cao tức số tầng tháp thì tháp xưa chắc cao hơn nhiều có thể là 5

tầng như số tầng tháp thông thường về đời Lương (thế kỷ VI), đời Tùy. Kiểu thức trang trí thì chắc chắn phải khác hẳn nhau vì ở tháp Hòa Phong kiểu thức triều Hậu Lê bộc lộ rõ rệt trong tấm biển gạch bằng đá, trong mặt tường xây dày dặn kiên cố bằng gạch Bát Tràng bắt mạch và trong hình dáng vòm mái cong như long đình ở các tháp sư đời Lê. Còn những chùa tháp đời Bắc Ngụy, đời Tùy mái vẫn làm thẳng chưa thấy hót cong lên.

HÌNH VẼ SỐ 3



*Từ tòa phủ thờ Ấn độ đến cây bảo tháp Á đông
Từ trái sang phải : Kiểu Ấn độ căn bản ; Kiểu miền Bandhara,
Kiểu tháp Trung hoa làm bằng đá ; Bảo Tháp mái gỗ lợp ngói
hình dung ở động Vân Cương Trung hoa.*

Theo lệnh Tùy Văn đế, Lưu Phương dựng tháp để bảo tàng xá lợi nhưng đến năm đầu Thông Thụy nhà Lý (1034) thì sư chùa Pháp Vân thấy « trong chùa có nhiều tia hào quang phóng ra. Theo tia sáng đào thấy một hòm bằng đá, trong có một hòm bằng bạc, trong hòm bạc có hòm vàng, trong hòm vàng có một bình lưu ly, trong bình có xá lợi» (1). Chi tiết này cho ta thấy tòa bảo tháp bấy giờ hoặc đã không còn hoặc đã đổ nát không đáng để ý đến nữa nên đến cuối thế kỷ XIII, Mạc Đĩnh Chi mới dựng lại chăng? Và cây tháp này ắt là cao lắm nên tương truyền khi tháp chùa Dầu còn đủ 9 tầng, nông dân đi làm ở đồng xa bị cỏ cây hoang dại bấy giờ chưa khai phá hết, che lấp lối đi, chỉ việc nhìn theo ngọn tháp mà tìm hướng về nhà.

(1) Việt sử lược, quyển nhi.

Nếu các tòa vũ của chùa kiến trúc theo chiều ngang, rộng cho ta cảm giác vững vàng, yên ổn và nhất là do ảnh hưởng của Thiền tông, những chốn thiền môn thường là những nơi cảnh trí u nhàn, thanh tịnh, thì những cây bảo tháp lại vọt cao lên để điều hòa lại theo luật tương phản. Cây tháp cũng đã tự điều hòa chiều cao bằng những gờ ngang và bằng nhiều tầng mái. Được trang trí nhiều hay ít thì cây bảo tháp cũng luôn luôn gợi cảm và 1 ít rêu phong, gạch nát cũng đủ gợi niềm hoài cổ, và hình dung tầng tầng vượt khỏi, tường mái, vòm cây, như vươn lên nền mây bạc, để đưa hồn mộng con người vào cõi không gian. Và lại chiều cao còn thường tiêu biểu cho một nêu đích xa rộng, một ý chí vươn lên, một tư tưởng, một chủ nghĩa cao siêu. Nghiên cứu về mỹ thuật học ta phải ghi nhận rằng điểm nổi bật nhất của kiến trúc Phật giáo là tòa phù đồ (stupa), và các xứ thuộc văn hóa Trung Hoa đã nhờ Phật giáo mà có đường nét kiến trúc mới lạ là tòa bảo tháp (pagoda).

TỪ PHÙ ĐỒ ĐẾN BẢO THÁP (1)

Phù Đồ (stupa) (2) và Bảo tháp (Pagoda) được lập ra đều là để ghi dấu tích Phật, nhưng hình dạng kiến trúc khác nhau dấu rằng bảo tháp bắt nguồn và là biến thể của phù đồ ở Ấn độ mà ra.

Phù Đồ hình dung từ thời tiền sử là những nắm mồ của các tù trưởng, vua chúa đắp hình vòm cầu, rồi phát triển thành những đài kỷ niệm và được Phật giáo xử dụng làm như vật tiêu biểu chính và làm trung tâm của những chốn thờ tự.

Kể từ khi vua A Dục (Asoka) (3) cho dựng 84.000 tòa phù đồ để ghi dấu tích Phật Thích Ca rải rác trên khắp lãnh thổ của đế quốc ngài, thì vật kiến trúc này trở thành thành phần căn bản, hầu như thiết yếu cho mỗi tu viện hay mỗi cảnh chùa, theo hình thể của những tòa phù đồ Ấn độ nguyên thủy hay biến diễn ra hoặc theo hình thể của những tòa bảo tháp Á Đông.

(1) Dietrich Seckel : L'art du Bouddhisme.

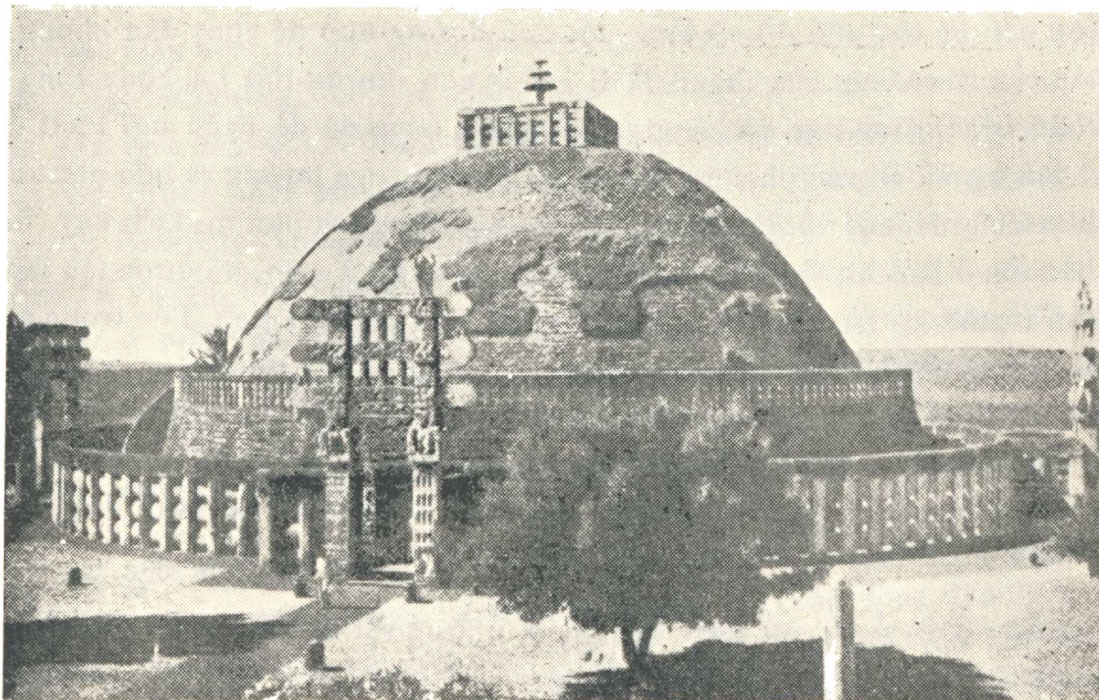
(2) Phù đồ (stupa) ở đây tác giả dùng danh từ phù đồ để chỉ ngọn tháp Ấn Độ và những tháp hình chuông úp hình chai lọ để dễ phân biệt với cây bảo tháp Á Đông (Pagoda).

(3) Vua A Dục về thế kỷ III trước tây lịch.

Phù đồ hay Bảo tháp nếu không phải dựng lên chỉ để làm kỷ niệm thì tất phải là để tàng chứa xá lợi, những di vật như bình bát, tịch trưng, áo mũ hoặc kinh sách, chú Đà la ni hoặc những hình tượng Phật, Bồ tát, và vì vậy được coi là vật thờ tôn kính.

Phù đồ được coi như là chính sự hiện diện của Phật nên ngay từ thuở ban đầu, được tôn thờ bằng những nghi lễ của Ấn độ như chạy đàn (vừa tụng niệm vừa đi) vòng quanh phù đồ theo đường mặt trời (từ trái sang phải), như dâng cúng, (cúng đàn), đủ thứ và bái lạy. Vì sự thích dụng này nên Phù đồ được xây cất đứng độc lập dù chỉ là một vật liên hệ phụ thuộc trong lòng một điện thờ.

Người ta có thể cho rằng Phù đồ là vật kiến trúc xưa nhất của Phật giáo vì khởi thủy các tu sĩ chỉ cần một chỗ trú ngụ tạm thời trong những hang động hay một mái lều đơn sơ, còn những tòa ốc thực sự sử dụng vào việc thờ phụng cùng với những tượng pháp chỉ có thể bắt đầu và cần thiết mãi về sau này khi Phật giáo đại thừa phát triển.



HÌNH CHỤP SỐ 1

*Đại tháp (Phù Đồ) tại Sanchi (Ấn độ)
(khoảng thế kỷ thứ III trước Tây lịch)*

Trong số những tòa Phù đồ đầu tiên được xác định là đã lập ra dưới triều vua A dục (Asoka) có một tòa Phù đồ ở Sanchi có lẽ đã lập ra từ thế kỷ III trước Tây lịch và Hình thù tòa Đại phù đồ ở Sanchi ngày nay vẫn tôn trọng hình thù tòa phù đồ nguyên thủy như tập tục đã định, ngoại trừ những hình điêu khắc trang hoàng trên các cổng và hàng rào bên ngoài.

Phù đồ gồm một vòm bán cầu xây đặc, trên một nền bệ tròn. Đỉnh vòm hơi dẹt xuống, có một khuôn viên bao lan hình vuông, ở giữa cắm một cây trụ mang ba tầng lọng tròn phẳng, đều làm bằng đá.

Ở những nơi khác cái khuôn viên bao lan này thường là một khối đá vuông (harmika) đội từ ba đến nhiều tầng phiến đá nhô dần ra bên trên cắm cây lọng, cây lọng này dùng làm vật tiêu biểu cho quyền uy, nghi vệ. Số tầng lọng này theo thời gian gia tăng mãi lên nhưng tới mức tối đa là 13, đã cùng với cây trụ chiếm giữ một vai trò tối quan trọng trong trạng thái biến chuyển hình thù và ý nghĩa của kiến trúc này.

Trên nền bệ tòa phù đồ có làm một con đường nhỏ để chạy dàn chung quanh vòm bán cầu và có một cầu thang để đi xuống con đường thứ hai chạy vòng quanh dưới chân bệ. Đường này có hàng rào cao làm bằng đá để ngăn nơi Phật địa với cõi thế bên ngoài. Đi vào phải do bốn cây cổng nguy nga hướng ra bốn phương trời. Cổng làm bằng đá, cột và đá chạm trổ rực rỡ. Những tòa phù đồ kiểu này, nay còn được bảo tồn ở Sanchi, ở Bharut và ở vài nơi khác tại Ấn độ, đã được tạo lập trong thời gian từ thế kỷ III trước Tây lịch đến thế kỷ I sau Tây lịch. Bên trong cái khối đặc của phù đồ có những tường xây quay tròn và tường xây từ tim tỏa ra các phương hướng theo hình tượng hoa Mạn Đà La. Khoảng giữa những tường này lấp bằng những vật liệu sộp hơn. Tại những tòa phù đồ xưa của Ấn độ người ta đã phát hiện được những bình xá lợi tại nhiều địa điểm khác nhau : ở dưới đáy vòm cầu, ở trên đỉnh hoặc thường ở trong trục lối.

Ở Ấn độ và ở các xứ theo Phật giáo, những vật di lưu, xá lợi này thường để trong những bình nhỏ sứ làm bằng những chất liệu quý nhất như ngọc, vàng. Những bình này lại để trong nhiều bình, hộp khác, càng ở ngoài càng kém quý giá, chẳng hạn như bằng bạc rồi bằng đồng rồi ngoài cùng bằng đá hay bằng sành. Những bình xá lợi này thường làm theo hình dáng của một tòa phù đồ.

Tất cả những hình dạng khác về bảo tháp và phù đồ tại toàn thể các xứ Phật giáo ở Á châu đều trực tiếp hoặc gián tiếp do kiểu mẫu căn bản tả trên mà biến diễn ra.

Người ta nhận thấy rằng giai đoạn đầu tiên của sự biến hóa là đặc biệt ở miền Gandhâra (Tây Bắc bán đảo Ấn độ) nhưng cũng cả ở miền Amarâvati (Đông Nam Ấn độ) và trong những động đá ở miền Tây-Ấn trong khoảng từ năm 50 đến 120 Tây lịch. Trước hết là cái bệ tròn của tháp vươn lên thành một hình ống cao nhiều hay ít và có những gò đai chia ra thành những tầng. Vòm bán cầu vì vậy được đưa lên cao nhưng trở nên nhỏ hơn so với nền bệ. Vì ảnh hưởng của nghệ thuật kiến trúc La Hy cổ thời kéo dài, những tầng bệ ở Gandhâra được trang trí bằng cả một dàn cột trụ, vành cuốn, ô khám ăn khớp với nhau. Răng ô khám làm lõm vào thân tháp là chỗ dành cho các pho tượng thờ và những hình tượng diễn tả những sự tích Phật để cho các tín đồ khi làm lễ chạy đàn, vừa tụng kinh vừa chiêm ngưỡng.

Cái ngọn trên cũng kéo dài lên và càng ngày càng thêm những tàn lọng. Những tàn này xấp lại gần nhau và càng lên cao càng nhỏ dần đi để thành một hình chóp nhọn hoặc mập hoặc thanh. Chính cái vòm cầu cũng có thể vươn dài lên hoặc ngược lại hoặc dẹt bớt xuống. Kết quả của sự thay đổi này là hình thù của tòa phù đồ trở thành gần như là một cái ống tròn mà cái phần chính là vòm cầu trở nên kém quan trọng còn những phần phụ thuộc thì càng phát triển. Không những thế ở Gandhâra hình tháp Gandhâra lại xuất hiện ra một thành phần mới là cái chân bệ trước tròn thì nay lại vuông. Cái chân này chẳng mấy chốc phát triển thành ra gồm nhiều tầng cấp và có ở mỗi mặt một cái cầu thang để dẫn lên con đường chạy đàn nơi chân phù đồ chính thức ; ở đây cũng chia ra thành những tầng với những hàng trụ tường, những vành cuốn hình lá bồ đề và những ô khám trong lòng có tạc tượng. Kiểu này được tra chuộng từ khoảng năm 150 đến 400 Tây lịch và cũng thấy cả ở miền Trung Á.

Cái kiểu chân đế vuông xây thành tầng cấp với những cầu thang ở các mặt có thể là đã do từ miền Lưỡng hà (Mesopotamie) ở Trung đông đến thâm nhập vào nghệ thuật Gandhâra và đặc biệt phát triển kể từ khoảng năm 100 Tây lịch. Nhưng kiểu kiến trúc này cũng rọi phát về phía Đông và phía Nam, ảnh hưởng lan cả đến những xứ thật xa ở ngoài Ấn độ như thấy ở Borobodur tại Java, như ở những đền đài tại Cao miên, tại Miến điện, Thái lan v.v... Miền Amarâvati ở Đông Nam Ấn

trái lại không thu nạp kiểu kiến trúc này. Ở đây vẫn theo kiểu phù đồ nguyên thủy có vòm cầu, mà chỉ kéo dài lên một chút, trên chạm trổ rục rờ và nhấn mạnh những đường lối đi đến tháp.

Ở Tích lan, ở các xứ thuộc bán đảo Ấn Hoa, những tòa phù đồ phỏng theo kiểu nguyên thủy mà không hề biết đến những sự biến đổi hình dạng ở miền Bắc. Đáng rằng những tòa phù đồ ở các xứ này cũng vươn cao lên nhưng so sánh giữa ba phần đế, thân và ngọn thì phần giữa vẫn quan trọng hơn cả và tại các xứ trên bán đảo xứ Ấn Hoa nhất là tại Thái lan cái phần này nguyên là vòm cầu biến dạng ra hình một quả chuông (kiểu Âu châu), bên trên cắm một cái ngọn vuốt dài nhọn trông thật thanh tao.

Những tòa tháp Lạt ma giáo ở Tây tạng, ở Mông cổ và ở Trung hoa cũng tồn trọng tính cách căn bản của tòa phù đồ cổ Ấn độ, nghĩa là thân tháp vòm cầu vẫn được coi là thành phần quan trọng hơn cả, nhưng cái vòm cầu này đã được biến dạng ra hình những chai lọ, vai mở tròn thót, cổ cao và đội một cái tàn bằng đồng chạm thủng.

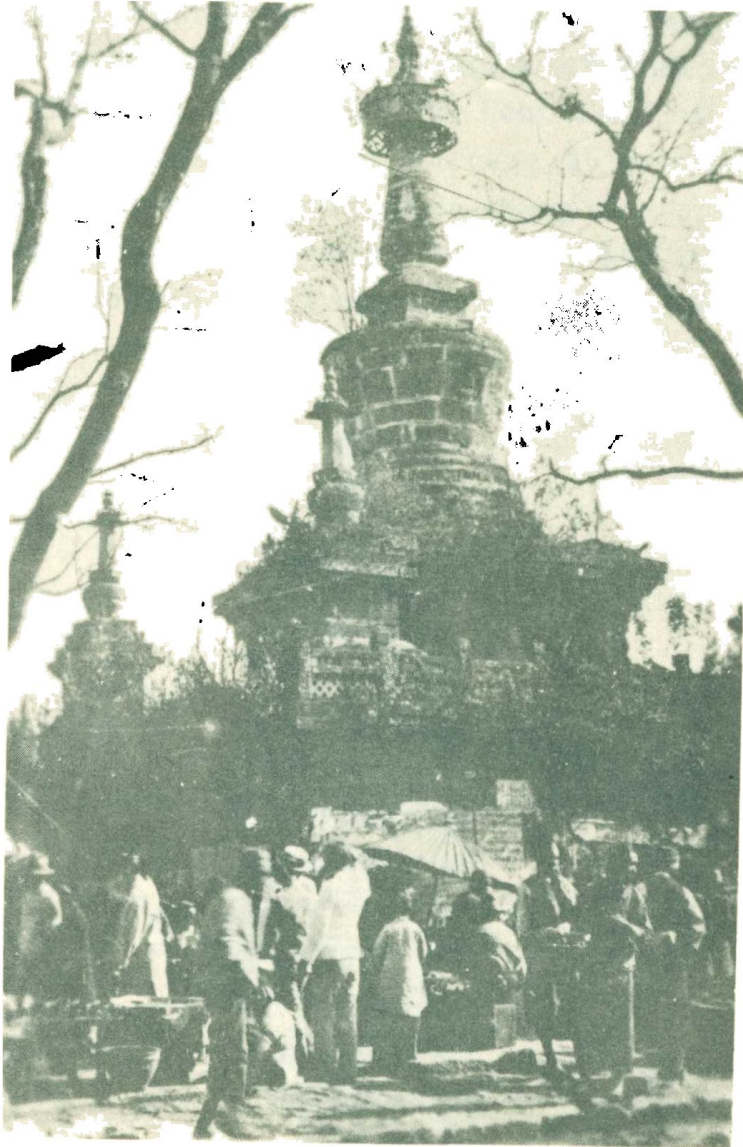
HÌNH CHỤP SỐ 2

THÁP MIỀN ĐÔNG Á

Hình dáng những cây tháp Trung hoa và ở các nước miền Đông Á theo Phật giáo đại thừa, thoạt trông khác hẳn tháp phù đồ của Ấn độ và của các nước theo Phật giáo tiểu thừa.

Tháp Đông Á chỉ vươn theo nguyên một chiều cao mà không phát triển theo chiều ngang rộng nơi chân bệ và thân tháp ở những tòa phù đồ của Ấn độ và các nước Phật giáo tiểu thừa.

Thân tháp hoặc vuông hoặc lục lăng, bát giác (đa giác) chia ra làm nhiều tầng theo số lẻ, có những mái hoặc những vành mái ngấn nhấn rõ những tầng tầng của chiều cao. Cái vòm cầu của tòa phù đồ Thiên trúc nguyên thủy đôi khi còn được nhắc nhở trên từng nóc chót của tháp, nhưng rất nhỏ. Tuy nhiên cây tàn lọng lại thường được cắm một cách chân thành trên cái đế vuông hormika nhất là ở những cây tháp tại Nhật bản.

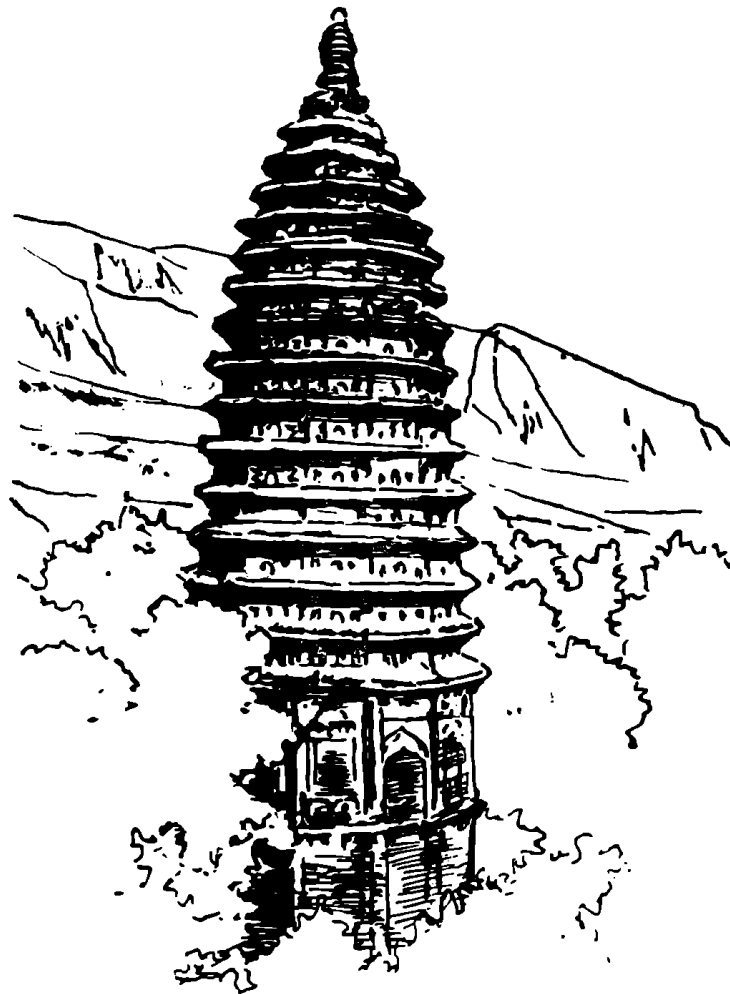


HÌNH CHỤP SỐ 2

Tháp tại Côn-Minh Văn-Nam.

Kiểu tháp được biết xưa nhất là những hình tháp chạm trong những dòng Vân cương (tỉnh Thái nguyên, Trung hoa) và Long môn (tỉnh Hà nam, Trung hoa), tạo ra từ năm 450-500. Những tháp này bình đồ vuông mang những tầng mái xòe rộng ra giống như mô hình chòi tháp canh Trung hoa thời cổ, tìm thấy trong những ngôi mộ đời Hán (206 trước đến 220 sau Tây lịch). Trên mái chót của hình tháp này chỉ thêm một tòa phù đồ (vòm cầu) nhỏ cùng cây tàn lọng. Trong văn liệu lại xác nhận là ngay từ khoảng thế kỷ IV đã có những tòa tháp dựng bằng gỗ gồm nhiều tầng và điều chắc chắn là từ thế kỷ VI đến thế kỷ VII có một số tháp kiến trúc rất phức tạp đã được dựng ở Trung hoa, Đại hàn và Nhật bản.

HÌNH VẼ SỐ 4



*Tháp 15 tầng tại chùa Trung Nhạc, núi Tung Sơn.
Khởi dựng khoảng năm 520. Tỉnh Hà Nam (Trung Hoa).*

Những cây tháp của chùa Pháp Long (Horyuzi), chùa Hokizi ở Nãi lương (Nara) là vật kiến trúc bằng gỗ còn lại từ thế kỷ VII và là kết quả trực tiếp của truyền thống kiến trúc được ghi trong những bức chạm ở các động nói trên. Truyền thống này phát triển ra nhiều hình thái dần dần thành những nét địa phương rõ rệt.

Những cây tháp bằng gỗ của Trung hoa từ thế kỷ X về trước không còn nữa. Chỉ còn lại những tháp xây bằng gạch, bằng đá hoặc có phối hợp một phần với kiến trúc bằng gỗ. Cây tháp còn lại được coi là xưa nhất ở Trung hoa là tòa bảo tháp xây bằng gạch tại chùa Trung nhạc ở chân núi phía Tây dãy Tung sơn, huyện Đẳng phong, tỉnh Hà nam. Tháp lập năm 523 triều Bắc ngụy, hình khum khum như những ngôi đền tháp Ấn độ. Tháp xây thập nhị giác (12 góc), gần như tròn, tại mỗi cạnh góc tầng dưới (tầng chính) xây một trụ tường, tại mỗi mặt xây một mặt khám trở một cửa cuốn tò vò. Tháp chia ra làm 13 tầng, tầng dưới cao trội, những tầng trên thấp hơn nhiều và cách nhau bằng những vành mái xếp chồng chất và thu nhỏ dần đến chóp thì thành vòm bán cầu trên cắm một ngọn lọng bằng đá hình con cúi.

Tòa tháp cổ này hẳn nhiên đã trực tiếp phỏng theo kiểu mẫu của những tòa phù đồ có nhiều tầng bệ đội vòm bán cầu lên trên cao của xứ Gandhara. Ảnh hưởng của miền Tây Bắc Ấn này đã qua miền Trung Á để truyền nhập vào Trung hoa.

Đây là cây tháp có lẽ độc nhất tại Trung hoa biểu hiện rõ rệt nét Thiên trúc hơn cả, vì sau đó còn lại là những cây tháp xây bằng đá, bằng gạch toàn là theo kiểu thức Trung hoa. Tuy nhiên những cây tháp có một tầng dưới xây cao trội, đội những tầng mái thấp xếp chồng chất bên trên rất có thể là đã chịu ảnh hưởng của cây tháp chùa Trung nhạc nhất là ở những cây tháp lục giác, bát giác. Còn những cây tháp chia ra thành từng tầng thu nhỏ đều đều hơn, có thể nói là theo truyền thống kiến trúc của những tầng lầu Trung hoa.

Dù kỹ thuật bằng gạch, đá hay bằng gỗ thì ta cũng có thể tin rằng cây bảo tháp miền Đông Á cũng là một sáng tác Phật giáo kết hợp hai nguồn ảnh hưởng là tòa phù đồ vòm cầu hoặc ngôi đền tháp kiểu sikhara của Ấn độ và cây tháp chòi canh bình đồ vuông hoặc tòa nhà lầu đa giác của Trung hoa đều có mái xoè rộng ra với « con sơn » chồng chất và hành lang bao quanh.

Sikhara là kiểu kiến trúc chung cho cả Phật giáo lẫn Bà La Môn giáo, xuất hiện ngay từ thế kỷ II nhưng về sau là sở hữu riêng của Ấn độ giáo. Đây là kiểu cung thờ, gồm chỉ có một phòng vuông bên ngoài xây cao lên thành một cây tháp tầng dưới cao, những tầng trên thu nhỏ dần và thường chồng chất sát trên nhau thành những tầng giả, đến đỉnh thì chụm lại dưới một bầu tròn vệt tựa như trái bí đao.

Ở Gandhâra, nền bệ phù đồ làm hình vuông đề hướng ra bốn phương trời. Những cây tháp ở Đông Á cũng theo nguyên tắc đó nhưng ngoài ra còn tăng thêm các cạnh góc để thành lục lăng, bát giác theo sự ưa thích đặc biệt của người Trung hoa. Cây tháp đa giác Trung hoa có thể nói là kết quả của cuộc gặp gỡ những đền tháp Ấn độ và đã khuyến khích một kiểu kiến trúc địa phương sẵn có, là kiểu nhà lầu bình đồ đa giác mà người Trung hoa vẫn ưa chuộng xưa nay.

Trung hoa rất thành thạo trong việc thực hiện những kiến trúc bằng gỗ, nhưng loại vỏ bình đồ tròn của kiến trúc Ấn độ và thay thế những chi tiết theo sở thích thẩm mỹ của mình. Nên từ thế kỷ V đến thế kỷ VII cây tháp Trung hoa được coi làm khuôn mẫu cho những tháp báu ở Đại hàn, Nhật bản, Việt nam.

Rất đáng chú ý là giữa cây tháp bằng gỗ Á đông và những ngôi đền Méru (Tu di) ở đảo Bali (Ấn ni) ở Népal, ở Miến điện có những điểm căn bản tương tự nhau và có thể cả ở chi tiết. Đền Méru là một kiến trúc vươn cao với những tầng mái gỗ lợp ngói xòe ra rất rộng và là tượng hình cho cơ cấu thế giới. Có thể cũng là do những kiến trúc tương tự của Ấn độ trước đó đã biến thể ra như trường hợp tháp Á đông nhưng vì sao mà ra cái hình thù đặc biệt thì chưa ai rõ.

Về trường hợp của hầu hết những tòa tháp lớn của Trung hoa thì hoặc là xây toàn bằng gạch, bằng đá có những vành mái ít nhô ra, hoặc là gồm một cái trụ nòng xây ở giữa ruột và phần kiến trúc bằng gỗ bọc chung quanh có những hiên hồi lang và những mái vươn ra xa. Ngọn tháp là một cái cây bằng đá hay bằng kim loại, cao thấp thay đổi, mang nhiều cái tàn hay vòng tròn, và cắm lên cái đế vòm cầu. Đây là di tích tòa phù đồ Ấn độ đã tả ở trên. Từ ngọn cây tàn đến góc tầng mái cao nhất thường có giăng những dây chuông nhỏ (lục lạc) và ở góc những tầng mái dưới cũng treo những chùm chuông khánh nhỏ để gió thổi thì ngân vang đi xa những âm hưởng của đạo lành. Vào những ngày hội, người ta treo thật nhiều đèn lên tháp cho cảnh Phật thêm phần rực rỡ và để soi sáng cõi đời.

Trong lòng cây bảo tháp Trung hoa hoặc xây một cây trụ đặc làm nòng, chung quanh làm cầu thang leo lên tới tầng chót, cầu thang này cũng dùng để vừa đi vòng quanh vừa tụng kinh, hoặc là lòng tháp để trống, thông suốt từ dưới lên tầng thượng như một cái giếng, ở giữa « giếng » này tạc một pho tượng Phật. Khoảng cách chung quanh khá rộng đủ làm chỗ chạy đàn. Từ đường chạy đàn tại mỗi tầng có những đường xây cuốn chạy ra cửa sổ mở ra các phương hướng. Ngoài ra có thể còn có thêm những đường khác, những ô khám hoặc những bàn thờ nhỏ ở trong lòng tháp. Như vậy tổ rằng tháp chính là một vật thể rạng nở như một bông hoa ra tứ phương, bát hướng từ một cái nhân dù đặc dù rỗng vẫn được coi là toàn bị. Cái nhân này là hình tượng Phật hay là cái trụ tim tháp xuyên từ nền móng lên suốt chiều cao của tháp để đội cây tàn lọng ở trên đỉnh. Trong cây trụ này có xây dấu xá lợi, bên ngoài có tạc những pho tượng Phật ngồi dựa lưng vào và nhìn qua những đường xây cuốn và cửa sổ ra tứ phương, bát hướng để soi sáng thế gian. Theo ý nghĩa thì cái trụ tim tháp với tượng Phật, xá lợi tượng trưng cho thể xác, còn kinh, chú, tượng trưng cho tinh thần của Phật hoặc có thể thay đổi cho nhau nghĩa là được coi là cũng như nhau.

Nhiều tòa tháp trên mặt tường ngoài còn chạm đắp nhiều hình Phật hình dung cho Thiên Phật ; Thiên Phật chứng hiện với những ai đầy công suy niệm tịnh quán.

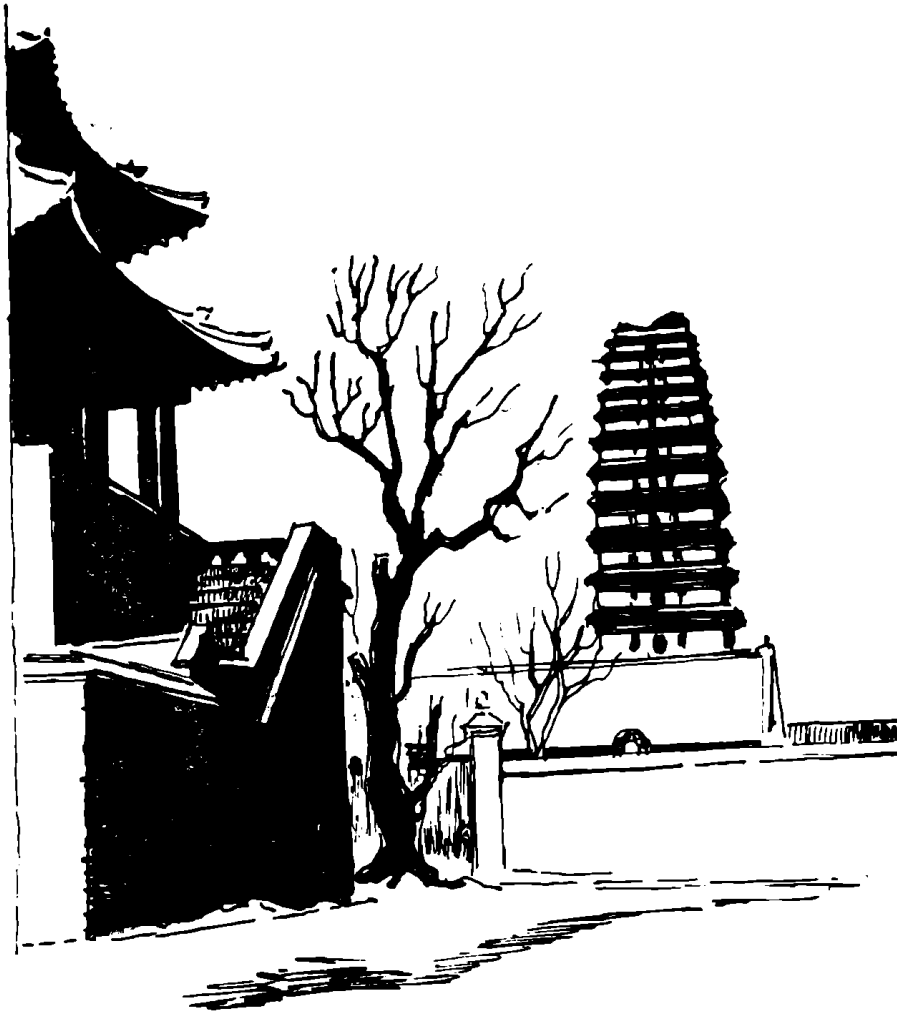
Những cây tháp đời Đường (618-906) còn lại tại Trung hoa hầu hết làm theo hình vuông nhưng đều là những kiến trúc bằng gạch, mái nhô ra ít, tầng dưới thường cao trội, bên trên là những tầng chông chắt và thu nhỏ dần, trên chóp cắm cây tàn lọng thường làm bằng đá và thường biến thể thành hình tượng trưng. Ở mỗi mặt tầng dưới (tầng chính) có một cửa bên trên trang trí bằng một vành cung uốn nhọn và hai bên đắp hai pho tượng Kim cương hình dung võ tướng đứng trấn cửa. Nét chung của những cây tháp xây đời Đường là vẻ đơn giản, đường nét rõ ràng, hình khối cân xứng cao sang.

Tiêu biểu cho những tháp vuông thời này là :

1— Mộ tháp của Pháp nguyên thiên sư (niên tịch năm 791), dựng trên núi Tung sơn, tỉnh Hà nam. Tháp chỉ gồm có một tầng là một khối vuông, cửa trang hoàng bằng một vành cung uốn nhọn và tượng hai vị hộ pháp.

2— Tháp nhỏ ở chùa Văn Thủ trên Phụng sơn tỉnh Hà bắc dựng về đầu thế kỷ VIII. Tháp xây bằng đá, gồm một tầng dưới cao trang hoàng cũng như mộ tháp Pháp nguyên, nhưng bên trên đội nhiều tầng mái.

HÌNH VẼ SỐ 5



小雁塔 在城南荐福寺凡十五層 高約十二丈

Tiểu nhạn tháp tại Tràng An (Tây An) Tháp vuông gồm 15 tầng, cao khoảng 48m nay còn 41m. Kiến trúc năm 707.

3— Đại nhật tháp dựng ở chùa Từ ân, kinh thành Tràng an (nay là Tây an) là nơi ngài Huyền Trang sau khi đi Tây du trở về trụ trì ở đây từ năm 645. Tháp dựng vào năm 652 gồm năm tầng cao 175 bộ (khoảng 58m), nhưng đến những năm 701-705 sửa lại làm bảy tầng cao 190 bộ (khoảng 63m). Tháp xây bằng gạch nhưng gọi lại nét kiến trúc gỗ như có những trụ tường chia tầng dưới ra làm chín gian, tầng chót năm gian, nhưng chỉ có gian giữa là khoét một cửa tò vò. Trong hình khối toàn thể vững chãi như một kim tự tháp vươn cao.

4— Tiểu nhật tháp cũng dựng ở Tràng an (Tây an) tại một ngôi chùa do Võ Tắc Thiên nữ hoàng lập ra năm 684 để cầu siêu cho chồng là vua Đường Cao Tông. Tháp xây vuông, gồm 15 tầng, tầng dưới cao, những tầng trên thấp, hai tầng chót đã mất, nay còn cao 125 bộ (khoảng 41m,25) là vật kiến trúc về đầu thế kỷ VIII (năm 707).

5— Tại Côn minh (Vân nam) hai tháp Đông tự và Tây tự cũng có tên là Pháp vân tháp và Chỉ vụ tháp dựng về khoảng đời Đường Trinh Quán (627-649). Hai tháp này cùng xây vuông bằng gạch, gồm 13 tầng. Tầng dưới cao, những tầng trên thấp, mỗi mặt trở một cửa sổ tò vò trong bày một pho tượng Phật. Tháp cao 150 tới 160 bộ (khoảng từ 50 đến 53m). Theo một tài liệu khác thì : một tháp cao 42m dựng khoảng năm 1410, một tháp cao 50m dựng năm 1465-1488.

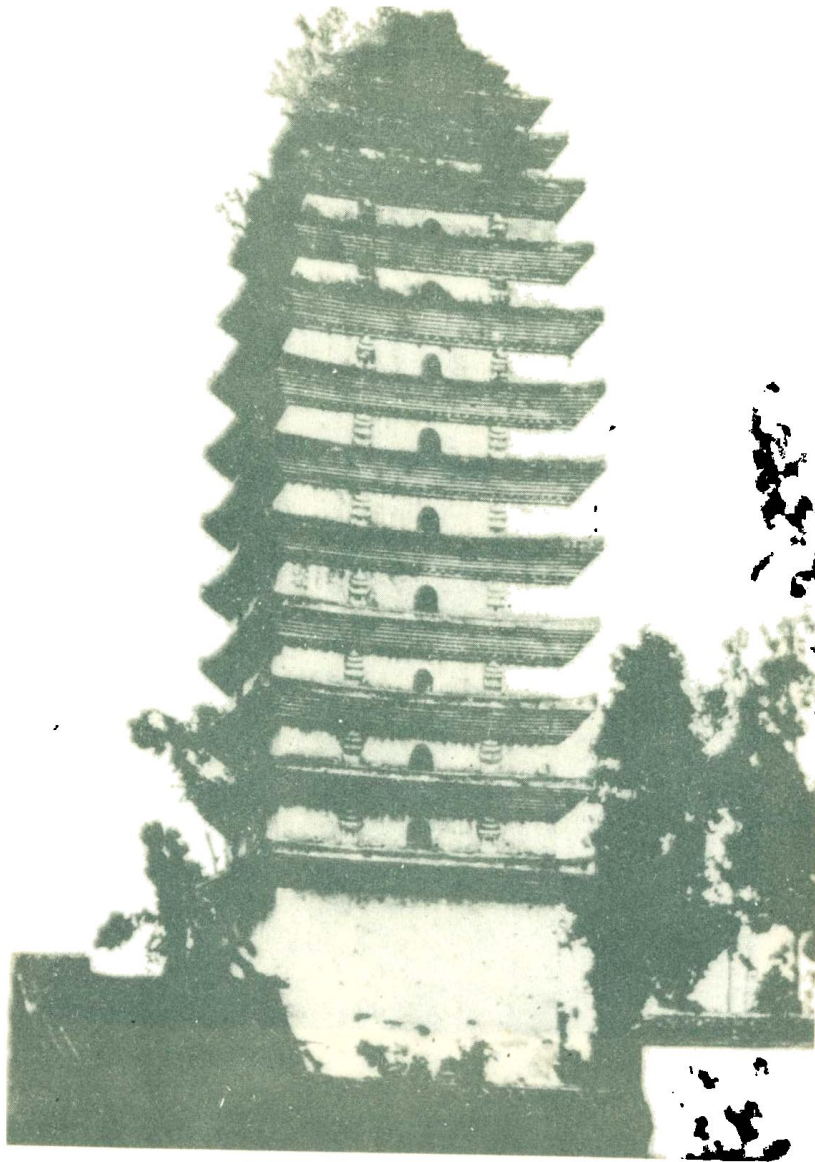
HÌNH CHỤP SỐ 3

Tháp vuông xuất hiện tại Trung hoa, tuy nhiên điều mà người ta nhận thấy rõ là người Trung hoa đặc biệt ưa thích kiểu đa giác : lục giác, nhất là bát giác, thích xây bằng gạch, đôi khi bằng đá học, trang trí nhiều, bằng những hình chạm khắc, bằng những màu sắc mạnh mẽ nhất, do những hòn ngói tráng men màu rực rỡ, và ở lưu vực sông Dương tử và ở miền Nam thì làm mái cong veo.

Sau đây là danh sách một số tháp bát giác danh tiếng :

1— Bạch tháp tại chùa Quảng hựu, tỉnh Liêu dương cao 100m gồm 13 tầng tương truyền sáng lập từ thời Đông Hán (25-220) Uất Trì Cung đời Đường trùng tu (thế kỷ VII). Đây là đệ nhất cổ tháp tại miền Đông bắc Trung hoa (Mãn châu).

2— Hoa tháp tại chùa Lục dung, tỉnh Quảng đông, gồm bảy tầng xây bằng gạch, dựng dưới triều nhà Lương (502-557).



HÌNH CHỤP SỐ 3

*Tháp Đông-Tự tại Côn-Minh (Văn-Nam)
Tượng truyền xây về đời Đường
Ninh-Quán (627-649)*



HÌNH CHỤP SỐ 4

***Đông tháp và Tây tháp tại chùa Khai Nguyên
ở Tuyên Châu (tỉnh Phúc Kiến)
Xây bằng đá khoảng năm 1228-1250***

3— Tháp Hồ Khâu ở Tô Châu (Chiết Giang) gồm bảy tầng, xây về đời Tùy Nhân Thọ (601-605).

4— Tháp xây bằng gạch tại chùa Linh Ân (tỉnh Sơn Tây) dựng về thế kỷ VII, cao 51m,60 gồm chín tầng.

5— Lục Hòa tháp trên Nguyệt Luân sơn ở Hàng Châu, mười ba tầng cao 48m khởi dựng năm 970, trùng tu năm 1152-1156, năm 1894 và 1901.

6— Tháp Liễu tịch ở chùa Khai Nguyên, tỉnh Hà Bắc, mười một tầng, dựng năm 1055 là tiêu biểu cho kiểu kiến trúc tháp gạch đời Tống.

7— Tháp chùa Phò Quang ở Sơn Tây dựng năm 1056 bằng gỗ năm tầng là một cổ tích rất quan trọng của Trung Hoa vì kỹ thuật và vì thời gian.

ẢNH CHỤP SỐ 4.

8— Hai tháp Đông, Tây tại chùa Khai Nguyên ở Tuyên Châu, tỉnh Phúc Kiến xây bằng đá vào khoảng năm 1228-1250 gồm năm tầng, phỏng theo kiến trúc sườn gỗ.

9— Thiết tháp tại Khai Phong gồm mười ba tầng xây vào giữa thế kỷ XI.

10— Bạch tháp tại chùa Bạch tháp ở Nhiệt Hà dựng về cuối thế kỷ XI sang đầu thế kỷ XII.

THÁP NUNG ĐỜI ĐƯỜNG TẠI VIỆT NAM.

Di tích nghệ thuật Phật giáo đời Đường tại Việt Nam có thể tin rằng xác thực là những cây tháp nung tìm thấy tại núi Bát Vạn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

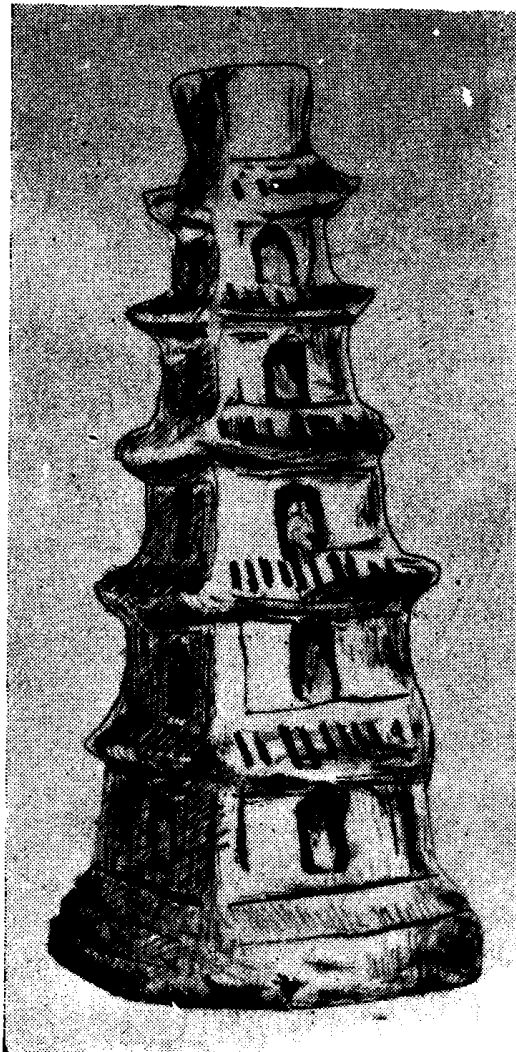
Tương truyền Cao Biền (1) đời Đường cho nung tám vạn hòn gạch hình dung những cây tháp nhỏ, dưới trôn mỗi hòn để chừa một lỗ sâu, rồi cất đại quân cho mỗi sĩ tốt sóc ngọn giáo vào một hòn, vác đến núi Lãm sơn (2) đồng thanh hô câu

(1) Cao Biền được vua nhà Đường cử làm tướng năm Ất Dậu (865) để dẹp Nam chiếu và được cử làm Tiết độ sứ Giao châu năm 866 cho đến năm Ất Mùi (875).

(2) Lãm sơn ở huyện Võ Giàng, còn Bát vạn sơn nay tại huyện Tiên Du tỉnh Bắc Ninh. Vậy tài liệu xưa có ghi lầm chăng?

« Thông vận hoàng đế » rồi xếp chồng lên thành một ngọn tháp lớn. Từ đó núi này mang tên là Bát vạn sơn. Hồi trước chiến cuộc Việt Pháp (1945-1954) người ta còn thấy nhiều cây tháp nung này đem xếp thành một bức tường ở trước miếu Sơn thần nơi chân núi phía Đông, hoặc lăn lóc nơi bãi cỏ chung quanh và cả dưới ao gần

HÌNH VẼ SỐ 6



THÁP NUNG ĐỜI ĐƯỜNG — THẾ KỶ IX
Tháp nung xuất xứ tại Bãi cháy (Hongai) tỉnh Quảng Yên
Cao khoảng 0 m 45, chân rộng 0 m 15.

đỏ. Có hõn in cả hàng chữ : « Tháp chủ khai thiên thông vận hoàng đế ». Những hõn gạch ở đây đều nung màu đỏ son, hình dung một cây tháp nhỏ vuông, dưới rộng khoảng 16, 17cm trên thu nhỏ dần đến chóp là một hình nhọn. Tháp chia làm năm tầng thêm một bệ cao ở bên dưới và một chóp dài nhọn ở bên trên. Chóp này nhắc lại truyền thống tòa phủ đồ Ấn Độ, gồm một vòm cầu đội một cây tàn lọng nhưng làm to sù sì tựa như một con tiện hình chóp nhọn. Những tầng được chia

HÌNH VẼ SỐ 7.

*Mẫu tháp bằng đất nung đỏ cao 0m49
Xuất xứ tại Bát Vạn Sơn, Huyện Tiên Du, Bắc Ninh*



Fig 1 : Poterie Architecturale en terre cuite gris ardoise de Thờ Hà, Hauteur : 0m315



Fig 2 : Modèle de Tour Stûpa en terre cuite rouge, non vernissée. Hauteur : 0m49 — Epoque T'ang Province Bắc Ninh — Tonkin

ra theo nhịp thu nhỏ khá đều đặn và cách nhau bằng vành mái cong nhẹ nhẹ, có khắc thành những đường ngói ống và những tầng gờ đỡ bên dưới. Giữa mỗi mặt tháp gần như vuông ở mỗi tầng là một ô khám hình chữ nhật, bên trong ngự tọa một hình tượng Phật và mỗi cạnh tháp, mỗi tầng đều có gờ nổi lên tựa như trụ vuông để đỡ đà ngang cho mỗi tầng mái. Dáng dấp mỗi tầng cũng như toàn thể tháp trông dễ coi. Những mẫu tháp này phản ảnh nét kiến trúc giản dị, rõ ràng của những cây tháp vuông đời Đường và những cây tháp đương thời mà nay không còn thấy : dưới trời Việt Nam. Tại hang Đầu Gỗ trong vịnh Hạ Long và ở Bãi cháy (Hòn-Gai) cũng thấy những cây tháp nung tương tự. Cũng là kiểu tháp vuông gồm năm tầng ở chân tháp mỗi mặt đo được 15cm, trong lòng có khoét một lỗ tròn để bớt đất đi cho đỡ nặng, hầu di chuyển được dễ dàng hơn và để xây gấn cho thêm phần vững chắc. Ngọn tháp hình ống tròn có những đường khía thành nhiều vòng tròn chồng lên nhau. Ngọn này làm rời ra nhưng có chốt để cắm vào đầu tháp. Riêng kiểu tháp nung ở Bãi cháy thì ngọn lại làm to như một cái đầu vuông.

Khi quân Nam Chiếu chiếm đóng La Thành (Hà Nội) thì nhà Đường phải tạm rời thủ phủ Giao Châu ra Hải Môn (tức là miền Quảng Yên, Hạ Long ngày nay) Cao Biền được cử sang dẹp giặc năm 864 cũng đóng quân ở đây, vậy phải chăng những tháp nung nói trên đã được tạo ra trong thời gian này.

THUẬT PHONG THỦY

Truyền thuyết rằng Cao Biền tinh thông địa lý, nên sau khi đánh đuổi xong Nam Chiếu, thường đi dò xét những chốn đại địa, quý huyết mà trấn yểm để phòng sự vùng dậy giành độc lập của người địa phương do ảnh hưởng phong thủy của miền đất được coi là có nhiều khí thiêng sông núi. Cao Biền đem những cây tháp nung đến Bát Vạn sơn để dựng thành một cây tháp lớn nói trên, theo tương truyền chính là vì dụng ý đó. Ngoài ra, họ Cao còn lập chùa Linh Diên bên thành Đại La, chùa Kim Ngưu cũng tại Bát Vạn sơn trong huyện Tiên Du để lại nghi chũng (mồ giả) ở Đông Côi (phủ Thuận Thành) dựng tháp trên núi Đông Cứu (huyện Gia Bình trong tỉnh Bắc Ninh) là nơi mà Cao Biền đã đóng quân trên chặng đường tiến đuổi Nam Chiếu. Vậy ngoài ngụ ý trấn giữ những địa huyết, họ Cao còn có ý ghi dấu tích của mình cho được trường tồn bằng việc dựng chùa, xây tháp chăng ?

Chúng ta nên nhớ rằng bấy giờ Phật giáo đã phổ thông, chùa chiền rất được tôn trọng, lại thêm thuyết phong thủy làm người ta tin rằng những chốn linh địa có ảnh hưởng thần bí quan trọng đến sự yên ổn của dân cư cả một vùng, nên rất ít ai dám xâm phạm đến những nơi thắng địa có thờ tự.

Thuật phong thủy đã có từ lâu, đến đời Đường thêm ảnh hưởng của đạo Lão và đạo Thiên, cả hai đều ưu ái thiên nhiên nên lại càng được đề ý ; sự linh nghiệm đến như thế nào không rõ nhưng cứ lấy mắt thường mà nhận xét thì ta cũng phải nhận rằng thuật này quả có đưa ra nhiều nguyên tắc hữu lý về việc lựa chọn những thế đất cho thích hợp với thiên nhiên, cho cảnh trí thêm thuận đẹp.

Trước đây tại Việt Nam cũng như tại Trung Hoa, như việc định âm phần (mồ, mả, lăng, tẩm) và thiết lập dương cơ (nhà cửa, chùa đền, cung phủ, dinh thự, thành trì) nhất nhất đều tìm phương định hướng theo thuật phong thủy. Nguyên tắc ấy như thế nào ? Soạn giả xin trích một đoạn sau đây của sách : An tượng do chùa Thiên Pháp, thôn An Trạch (Hà nội) ấn tống, để lấy làm thí dụ về việc chọn đất dựng chùa :

XEM PHỤ BẢN HÁN VĂN

DỊCH HÁN VĂN

« Tạo tự chi xứ, nghi trạch cát địa, cát nhật, cát thời, cát địa giả, tả biên nghi không khoáng, hoặc hữu giang, hà, hồ, trì miên bảo : hữu biện chi, hồ sơn nghi cao hậu, phiến phiến hồi đầu, hoặc hữu liên hoa, tràng phan, bảo cái, hoặc hữu long, phụng, quy, xà triều cung, thị vị dương cơ ái hồ dã ; hựu nghi đảo ky, như nhân ky mã, đầu tại tiền hành, thủy nghi đảo tả ; đảo ky giả ; mạch nhập vu tiền dã ; tiền hoặc hữu minh đường, hoặc vô minh đường diệc khả ; hậu bất nghi bức sơn, thị vị cát địa, cát nhật, cát thời, nghi dụng Ngọc hạp, Tu cát chư thư tế tế khán chi. Nhược năng như thị phương, năng hưng hiền đạo pháp. Trụ trì giả, sinh trí tuệ, thi chủ hữu đại công đức, phúc âm vu tử tôn hỹ. Nhược bất năng như thị, hậu tất tốc hoại, vô công đức giả, thận chi ».

DỊCH NGHĨA

« Lập chùa ở xứ nào, nên chọn đất lành, ngày lành, giờ lành. Đất lành là bên trái nên rộng trống, hoặc có sông ngòi, ao hồ ôm bọc, bên phải hồ sơn (tay hồ) nên cao dày, lớp lớp quay đầu lại ; hoặc có hoa sen, tràng phan, bảo cái (1), hoặc có rồng, phượng, rùa rắn (2) châu báu. Ấy là đất dương cơ ưa (tay) hồ vậy. Cũng lại nên cưỡi đảo lại, như người cưỡi ngựa đi thi đầu phải ở phía trước, giòng nước chảy đảo sang bên trái. Nếu là đảo ky (cưỡi đảo lại) ; mạch vào từ phía trước vậy. Trước mặt hoặc có minh đường hoặc không minh đường đều được cả. Đằng sau không nên có núi (áp) bức. Thế là đất lành. (Còn muốn coi) ngày tốt, giờ tốt, nên dùng các sách Ngọc Hạp, Tu Cát, xem nhận cho kỹ.

Nếu hay (được) những phương (cách) như thế, thì hay (được) hưng hiền Đạo pháp, người trụ trì (ở chùa) sinh trí tuệ, người thi chủ được đại công đức, âm phúc đến con cháu vậy. Nếu không được như thế, thì sau tất sớm hư hoại không có công đức gì. Hãy cẩn thận vậy. »...

(1) Những gò đất có hình thế giống những vật ấy.

(2) Đất xây dựng nhà cửa, trái với đất âm phần là đất đê mồ mả.

陽居愛虎右虎高厚多山尤美。

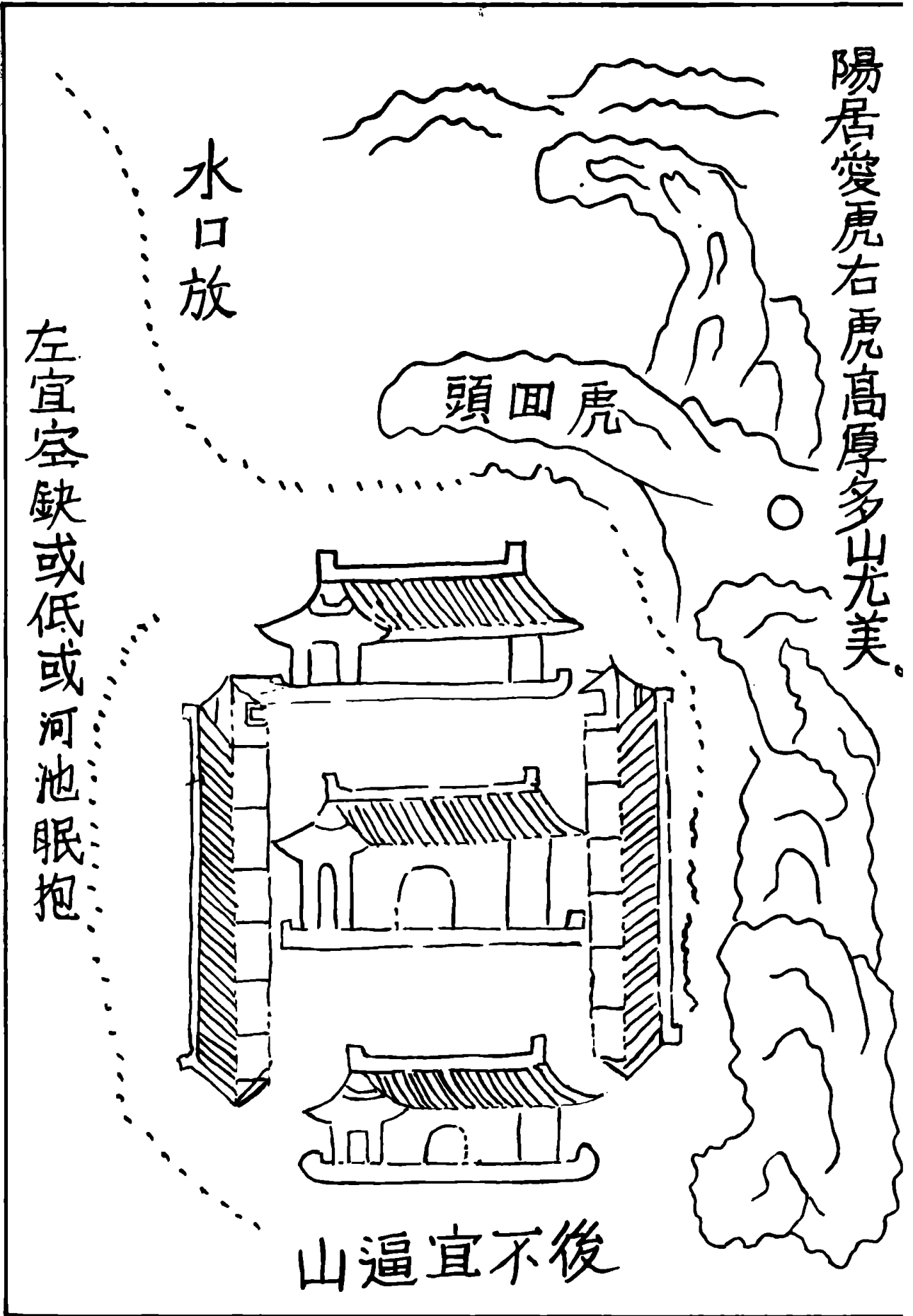
虎田頭

水口放

左宜空缺或低或河池眠抱

山逼宜不後

安像三昧集 河內省文廟之右安宅村闡法寺藏板



造寺之處宜擇吉地吉日吉時吉地者左邊宜
空缺。或有江河湖池眠抱。右邊之虎山宜高厚。
片片回頭。或有蓮花。幢幡寶蓋。或有龍鳳龜蛇
朝拱。是爲陽基愛虎也。又宜倒騎。如人騎馬頭
在前行。水宜倒左。倒騎者。肱入于前也。前或有
明堂或無明堂亦可。後不宜逼山。是爲吉地吉
日吉時。宜用玉匣。諏吉諸書。細細看之。若能如
是。方能興顯道法。住持者生智慧。施主有大功
德。福蔭于子孫矣。若不能如是。後必速壞。無功德也。慎之。

Vì tin tưởng vào ảnh hưởng quan trọng của thuyết phong thủy nên địa điểm, phương hướng và coi ngày, giờ khởi dựng của các chốn già lam xưa đều được lựa chọn rất kỹ lưỡng. Hướng chùa vì vậy không nhất định theo một phương nào nhưng vẫn kiêng tránh phương Bắc lạnh, độc.

Những ngôi chùa lớn dựng ở những thế đất to có đủ sơn thủy thường khéo phối hợp kiến trúc với thiên nhiên nên một già lam danh tiếng (danh lam) cũng lại là một chốn cảnh đẹp nổi tiếng (thắng cảnh).

Các chốn danh lam linh địa thường còn được các vị cao tăng đến tu trì, được chọn làm chốn tổ của một tông phái và được các vua chúa danh nhân đến kiến tạo, trùng tu và cho đến nay những danh lam thắng cảnh này vẫn còn là tiêu biểu rõ rệt cho sắc thái và hình ảnh đất nước.

Các chốn danh lam còn thường liên quan đến lịch sử, nhất là lịch sử Phật giáo nước nhà. Đến đây soạn giả xin phác lại lịch sử PHẬT GIÁO VIỆT NAM cùng các chốn danh lam liên quan như sau :

LƯỢC SỬ PHẬT GIÁO VIỆT NAM

TỪ THUỞ DU NHẬP ĐẾN THẾ KỶ XIV

A) Kể từ thời Phật giáo du nhập Giao chỉ khoảng thế kỷ II đến thế kỷ VI là giai đoạn Giao chỉ chịu ảnh hưởng tín ngưỡng trực tiếp của Ấn độ (1). Bây giờ có nhiều tu sĩ Ấn độ đến đất Bắc Việt ngày nay, nhưng sách xưa chỉ ghi lại được có mấy người như :

— Ma Ha Kỳ Vực (Mahajivaka) (2) và Khâu Đà La (Ksùdra) người Đông Ấn đến Luy lâu (Liên lâu), dưới thời kỳ Sĩ Nhiếp làm thái thú (187-222).

— Chân Hỷ (Kalyanaruçi) người nước Nục Chi (Tây Bắc Ấn) đến dịch kinh Pháp tam muội khoảng năm 255-256.

— Chính Vô Úy (Kálasiva) người xứ Nguyệt Thị (Indoscythe) thế kỷ III.

— Tăng Hội (Seing houei) người xứ Khương cư (Sogdiane) đến dịch kinh chữ Phạn ra chữ Hán khoảng năm 280.

Tuy nhiên lại có người từ Trung Hoa sang nghiên cứu đạo Phật như : Mâu Bác đã viết sách Mâu-Tử-Lý khoảng năm 189-195.

— Chí Cương Lương dịch kinh Chân Hỷ năm 266. Trong giai đoạn này nhất là khoảng thời gian đầu cuối thế kỷ II, đầu thế kỷ III đất Giao Chỉ và sau đổi làm Giao Châu quả là nơi giao tiếp của những trào lưu văn hóa Ấn độ, Trung hoa với Lạc Việt, Đông sơn (3).

Trong số những Sĩ phu Trung Hoa sang lánh nạn, có cả những Đạo sĩ mang truyền các đạo khác như Thần đạo, Tiên đạo, Trường sinh đạo... Còn các tu sĩ Ấn độ ngoài Phật đạo ra ắt cũng có truyền bá đạo Bà La Môn mà chứng tích còn lại đến ngày nay là những đền thờ vua Đế Thích, miếu thờ thần Độc Cước và cả tục

(1) Tài liệu khảo cứu : — Trần văn Giáp (Le Bouddhisme en Annam)
— Thích Mật Thể (Việt Nam Phật Giáo Sử lược).

(2) Theo sách Tàu thì Kỳ Vực đến đất Lạc Dương năm 294.

(3) Nguyễn Đăng Thục (Lịch sử Tư tưởng Việt Nam).

thờ Tứ Pháp v.v... Nhưng người xưa hình như không cần phân biệt rõ, cho nên gộp chung cả vào đạo Phật, tất cả những tín ngưỡng nào từ Thiên Trúc tới. Giáo lý nhà Phật hồi đầu du nhập vào cuối thế kỷ II có lẽ cũng khá rõ ràng nên một nhà học rộng như Mâu Bác mới từ Quảng Đông bỏ sang nghiên khảo cứu và viết sách ca tụng Phật giáo.

Phật học được biết trong giai đoạn đầu này là Giáo Tông (Agama) và trung tâm Phật giáo là thành Luy Lâu với những ngôi chùa Tứ Pháp, nhất là chùa Pháp Vân, và theo truyện Đàm Thiên pháp sư thì trước thời vua Tùy Cao tổ (Văn đế 584-604), cõi Giao Châu đã dựng được hai mươi ngọn bảo tháp (hoặc tinh xá), độ được 500 tăng sĩ, dịch được 15 bộ kinh.

B) Giai đoạn hai, kể từ năm 580, có Tỳ ni đa lưu chi, ngụ tại chùa Pháp Vân, thành Luy Lâu (tỉnh Bắc Ninh) bắt đầu truyền dạy Thiên Na và lập ra phái Thiên Tông thứ nhất ở Việt Nam (1).

C) Giai đoạn ba, kể từ thế kỷ IX, bấy giờ là thời kỳ rực rỡ cho Phật giáo Trung Quốc đời Đường, có Thiên sư Vô Ngôn Thông từ Quảng Châu đến Annam (năm 820), lưu trú ở chùa Kiến Sơ (làng Phù Đổng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh). Ngài thực hành phép Bích quán của tổ Bồ Đề Đạt Ma và lập ra một Thiên phái thứ hai. Đây là giai đoạn Thiên đạo thuần túy.

D) Giai đoạn bốn, thế kỷ XI, Phật giáo rất phổ thông tại Đại Việt. Tin đồn là triều đình, vua quan, và khắp cả bàn dân thiên hạ. Bấy giờ nhà sư Thảo Đường được vua Lý Thánh Tôn chọn làm Quốc sư. Quốc sư ngụ tại chùa Khai Quốc bên thành Thăng Long, mở đạo tràng và lập ra Thiên phái thứ ba tại Việt Nam.

E) Giai đoạn năm, thế kỷ XIV, năm 1299 vua Trần Nhân Tôn xuất cung lên núi Yên Tử quy Phật và lập ra Thiên Phái Trúc Lâm. Đây mới là Thiên Phái thuần túy Việt Nam và Phật giáo Việt Nam bấy giờ mới thật là được tổ chức theo hệ thống.

(1) Theo sách tục Cao Tăng truyện của Đạo Tuyên thì dưới đời Tề (thế kỷ V) có Thích Huệ Thảng người Giao chỉ đã tập Thiên theo luận sư Đạt ma bồ đề và Thích Đạo Thiên là người « minh luật » cùng người Giao chỉ về cuối thế kỷ V sang đầu thế kỷ VI. (Góp vào việc nghiên cứu lịch sử Phật giáo Việt Nam thế kỷ thứ năm của Lê Mạnh Thát, Tư tưởng số 1 tháng 3-1972).

BẮC NINH : ĐẤT KHỞI PHÁT RA PHẬT-GIÁO VIỆT NAM

Trong hai giai đoạn đầu, chùa Pháp Vân, với thành Luy Lâu (phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh), được coi là trung tâm cho những hoạt động tôn giáo bấy giờ. Tới giai đoạn ba, thiền phái Vô Ngôn Thông xuất hiện từ chùa Kiến Sơ, làng Phù Đổng (huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh), cũng không cách xa chùa Pháp Vân, tại thành Luy Lâu.

XEM BẢN ĐỒ SỐ 3

Trong thời Bắc thuộc, đất Bắc Ninh ngày nay là nơi được đặt làm trị sở của Giao Chỉ, rồi Giao Châu, nơi sớm tiếp nhận và phát huy văn hóa từ Bắc phương truyền đến, nơi có thể coi là một đình trạm của Phật giáo trên đường du nhập vào Trung Hoa bằng đường biển, để rồi lại từ Trung Hoa truyền bá trở lại mà hoẵng dương ra các nơi khác. Bởi vậy, cho đến nay, Bắc Ninh vẫn là đất đặc biệt có nhiều danh lam (1) và ghi nhiều dấu tích lịch sử Phật giáo Việt Nam. Cảnh vật thanh tao nơi đây cũng là cái duyên quả cho hai thiền phái đầu tiên đã phát triển tại những chốn già lam với những danh tăng như sau :

A) Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi.

1) Các chốn tu hành quan trọng :

1— Chùa Pháp Vân, còn có tên là Thiền định tự (thời Lý Trần), chùa Duyên Ứng, chùa Dâu, nay thuộc hai làng Khương tự và Đại tự, phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, là nơi mà Thiền sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi (Vinitaruçi) từ Quảng Châu sang Giao Châu năm 580, đến trụ trì, dịch bộ kinh « Tổng trì », quảng bá đạo Thiền. Đây cũng là nơi trụ trì và tu học của các danh tăng :

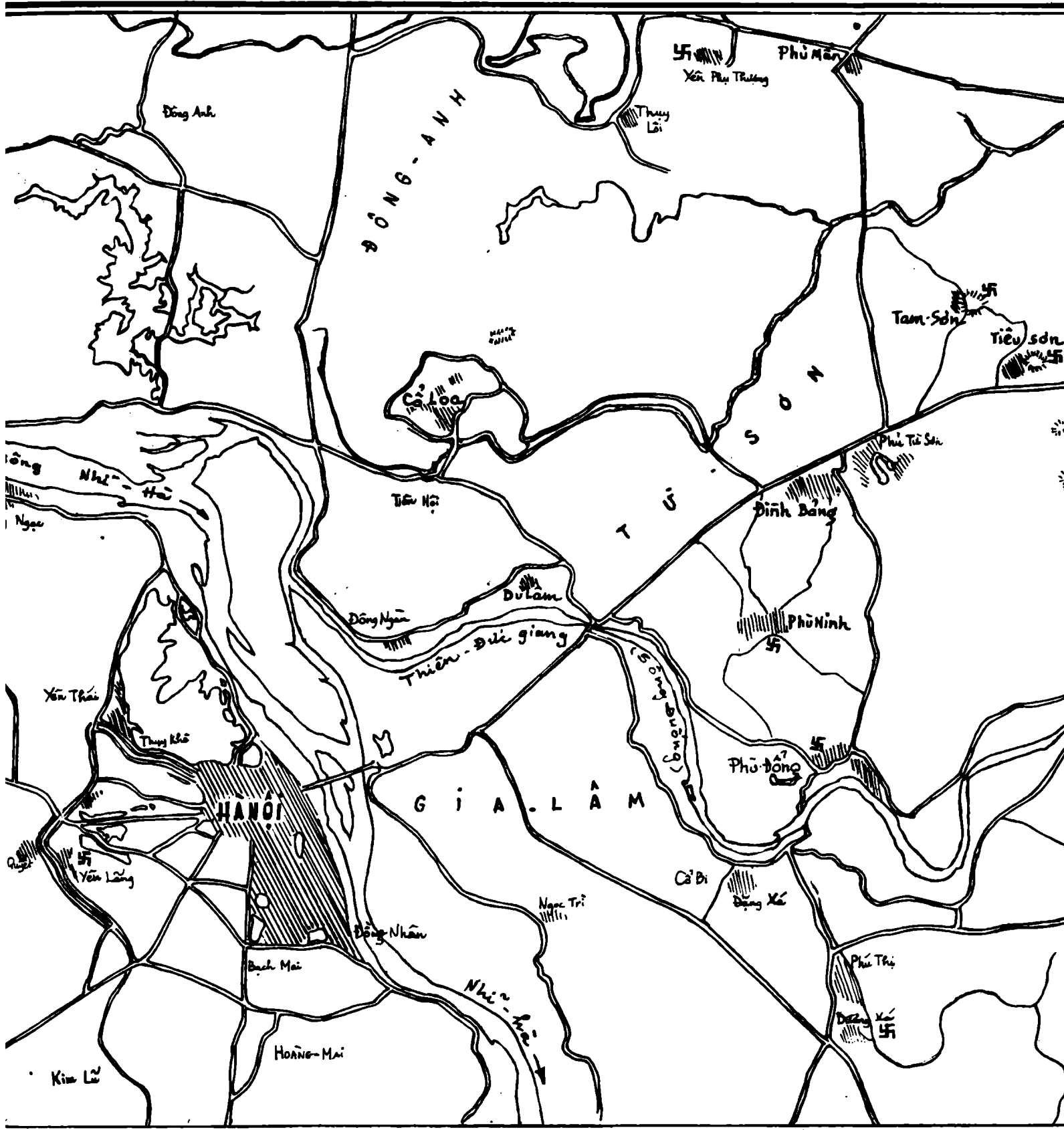
— Pháp Hiền (? — 626),

— Định Không (730-808)

— Tri Bát (? — 1107),

— Thiện Hội (? — 900)

(1) Miền Trung châu Bắc Việt có câu : « Cầu Nam, chùa Bắc, đình Đoài » để giới thiệu những loại kiến trúc đặc sắc tại mỗi địa phương.



Dong Anh

D O N G - A N H

Phu Man
Xu Phai Thang

Thuy Loi

Tam-Son
Tieu son

CAO LOU

Sông Nhị-Hà
Ngọc

Tieu Ho

T U S O N

Dinh Bang

Phu Tai Son

Dong Ngan

Du Lam

Thiên-Dien Giang

Phu Ninh

Xu Thai

Thuy Kho

HANOI

G I A - L A M

Phu Dong

Xu Lang

Sông
Tu Son (buông)

Ca Bi

Dong Xi

Dong Nhan

Ngoc Tri

Bach Mai

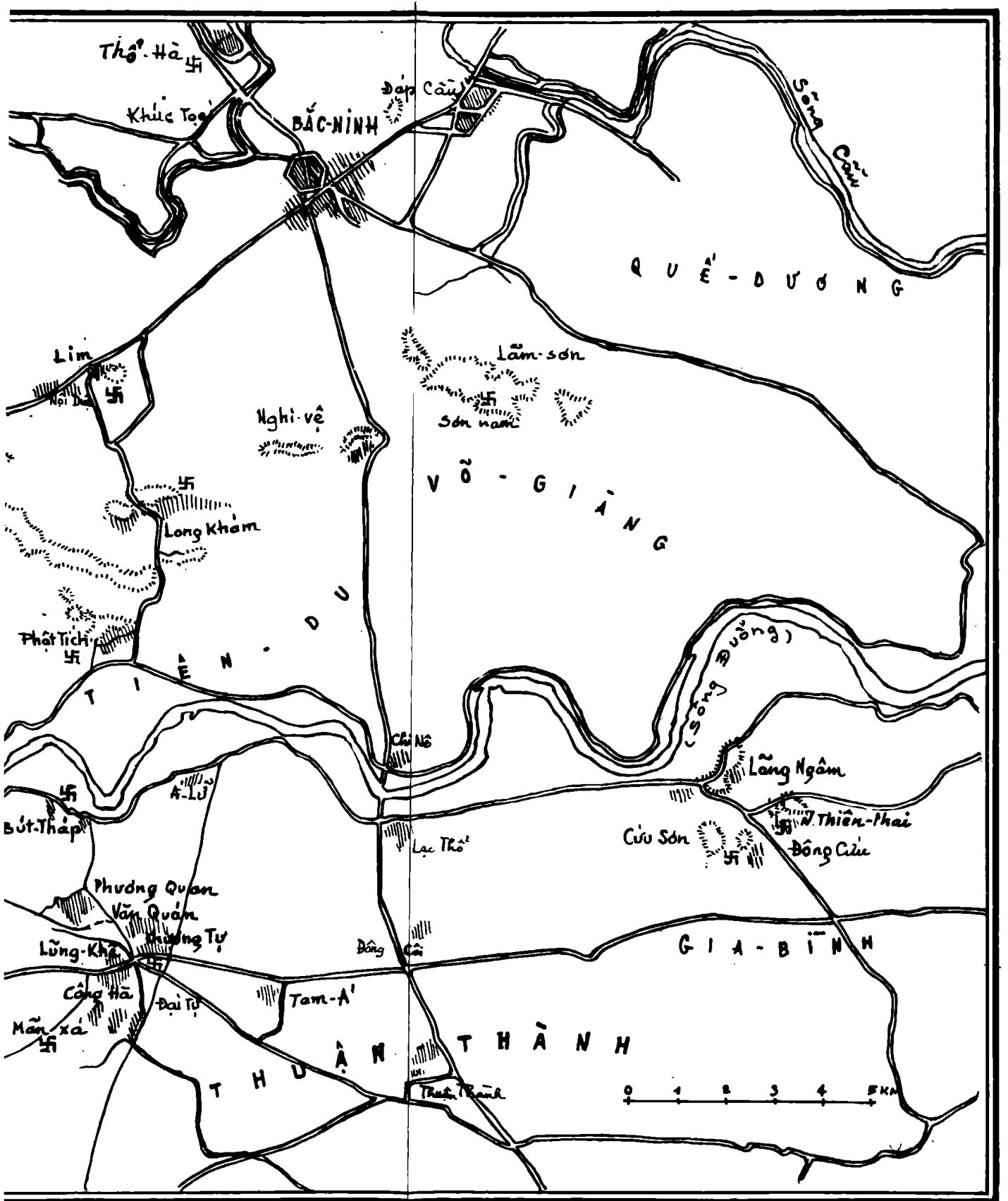
Nhu-Hoa

Phu Tai

Kim Lu

HOANG-MAI

Dinh K



BẢN ĐỒ SỐ 3

Địa-điểm các danh-lam và thắng-tích miền Bắc-Ninh

2— Chùa Thiên Chúng, làng Dịch Bảng (nay là Đình Bảng, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Là nơi trụ trì của Định Không trưởng lão (730-808), nơi tu học của La Quý An (852-935).

3— Chùa Trường Liêu, sau có tên là chùa Lục Tổ, cũng có tên là chùa Tiêu Sơn, chùa Thiên Tâm ở trên núi Tiêu Sơn (nay thuộc huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh) là đạo tràng giảng pháp của các thiền sư La Quý An (852-935), Vạn Hạnh (? — 1018), nơi tu học của Lý Công Uẩn (974-1028) lúc thiếu thời.

4— Miền Từ Sơn (tỉnh Bắc Ninh, phủ Từ Sơn) là nơi mà Pháp Hiền thiền sư lập chùa và từng làm đề quảng bá thiền tông. Trí Thiện thiền sư lập am Phù Môn trên núi Từ Sơn.

5— Chùa Song Lâm, làng Phù Ninh (huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh) là nơi tu trì và là đạo tràng của thiền sư La Quý An (852-935) và của thiền sư Sùng Phạm (? — 1087), Thiền Ông đạo giả (? — 979).

6— Chùa Tĩnh Lự trên núi Đông Cứu (huyện Lang Tài) và chùa Chúc Thánh trên núi Phả Lại, là nơi trụ trì của thiền sư Chân Không (? — 1100).

II) Các vị thiền sư danh tiếng :

1— Tỳ Ni Đa Lưu Chi (Vinitaruçi), tiểu sử đã nói ở trên. Ngài là sơ tổ phái thiền tôn thứ nhất tại Việt Nam. Thiền phái này truyền đến Y Sơn thiền sư (1216) là được 19 đời.

2— Pháp Hiền thiền sư (? — 626), họ Đỗ, quê ở Chu Diên (tỉnh Sơn Tây) thọ giới với Quan Duyên đại sư rồi với Tỳ Ni Đa Lưu Chi thiền sư ở chùa Pháp Vân. Sau khi Ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi mất, Ngài đến tu tại miền Từ Sơn (tỉnh Bắc Ninh), dựng chùa Chúng Thiện, quảng bá Thiền Na. Ngài là đệ nhị tổ Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi.

3— Định Không trưởng lão (730-808 thuộc dòng Tỳ Ni, đời thứ 8, họ Nguyễn, không rõ tên riêng, người làng Diên Uẩn (huyện Đông Ngạn, tỉnh Bắc Ninh), trụ trì chùa Thiên Chúng, làng Dịch Bảng, (nay là Đình Bảng, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh), được người đời mến tài cao, đức trọng mà tôn xưng làm trưởng

lão. Khoảng niên hiệu Trinh Nguyên, nhà Đường (785-805), Trưởng lão lập chùa Quỳnh Lâm ở nơi quê nhà, nhân vì đào được 10 chiếc chuông đồng, nên đặt lại tên làng là Cồ Pháp. Trưởng lão tịch năm thứ 3 Nguyên Hòa đời Đường (808), thọ 79 tuổi. Đệ tử là Thông Thiện dựng tháp ở phía tây chùa Trường Liêu, trên núi Tiêu Sơn (huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh).

Cồ Pháp, Đình Bảng, Tiêu Sơn cũng là nơi sinh trưởng của Lý Công Uẩn và được coi là nơi phát tích ra nhà Lý, triều đại nổi tiếng sùng Phật sau này.

4— La Quý An (852-935), thuộc dòng Tỳ Ni, đời thứ 10, người tỉnh Bắc Ninh trụ trì chùa Song Lâm, làng Phù Ninh (phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh), được tôn là bậc Chân Nhân. Là học trò sư Thông Thiên nên được truyền tâm pháp của Định Không trưởng lão. La Chân Nhân dựng chùa ở những nơi linh địa và đúc được sáu pho tượng tồ bằng vàng để thờ ở chùa Trường Liêu, trên núi Tiêu Sơn (huyện Yên Phong, Bắc Ninh) nên chùa này từ đó còn gọi là chùa Lục Tồ.

5— Thiên Ông đạo giả (? —), đời thứ 11 dòng Tỳ Ni, người làng Cồ Pháp, (huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh), họ Lữ, trụ trì chùa Song Lâm (làng Phù Ninh, phủ Thiên Đức, Bắc Ninh). Ngài tu học Định Không trưởng lão.

6— Vạn Hạnh thiền sư (?—1018), thuộc dòng Tỳ Ni đời thứ 12 người làng Cồ Pháp (nay là làng Đình Bảng, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh), họ Nguyễn (1), không rõ tên tục. Nhà ngài đời đời thờ Phật, từ thuở nhỏ đã nổi tiếng thông minh xuất chúng, học khắp tam giáo. Năm 20 tuổi, ngài xuất gia cùng với thầy Định Huệ, theo học Thiên Ông đạo giả ở chùa Lục Tồ trên núi Tiêu Sơn. Ngài rất giỏi về sách ngữ và độn số. Vua Lê Đại Hành rất tôn kính và thường hỏi ý kiến ngài. Khi vua Lê Ngọa Triều mất (1009), ông Đào Cam Mộc cùng một số triều thần đã cùng ngài thu xếp việc lập Lý Công Uẩn lên ngôi vua. Năm Thuận Thiên thứ chín, ngài vô bệnh mà tịch, vua Lý Thái Tổ và các đệ tử làm lễ hỏa táng và thâu hài cốt xây tháp để thờ. Sau vua Lý Nhân Tôn (1072-1127) cũng có bài truy tán ngài rằng :

(1) Có thuyết nói Sư Vạn Hạnh họ Lý. Vì nhà Trần diệt nhà Lý, nên sau kiêng, đổi họ Lý ra họ Nguyễn.

Vạn Hạnh dung tam tế	萬	行	融	三	際
Chân phù cổ sấm cơ (ky)	真	符	古	識	機
Hương quan danh Cổ Pháp	鄉	開	名	古	法
Trụ tích trấn vương kỳ.	柱	錫	鎮	王	畿

THÍCH MẬT THỂ dịch :

Thiền sư học rộng bao la
Giữ mình hợp pháp sấm ra ngoài lời
Quê hương Cổ Pháp danh ngời
Tháp bia đứng vững muôn đời đế đô.

7— Lý Thái Tổ (1010-1028). Ngài tên là Công Uẩn, làm con nuôi sư Lý Khánh Vân ở chùa Cổ Pháp, nên theo họ Lý, sau thụ giáo với ngài Vạn Hạnh. Lớn lên theo ngài Vạn Hạnh vào Hoa Lư làm quan với nhà Lê đến chức Tả Thân Vệ Điện Tiền Chỉ huy sứ. Khi vua Lê Ngọa triều mất, Ngài được tôn làm vua, lấy hiệu là Thái Tổ nhà Lý.

Vua Lý Thái Tổ xuất thân từ chốn cửa Phật ra nên khi lên ngôi hết lòng sùng thượng Phật giáo.

8— Sùng Phạm thiền sư (?—1087), đời thứ 11 dòng Tỳ Ni, người họ Mâu, ở chùa Pháp Vân, sang Thiên Trúc học 9 năm, trở về ở chùa Song Lâm, làng Phù Ninh (huyện Tiên Du, Bắc Ninh) truyền dạy kinh luật cho môn đồ.

9— Chân Không thiền sư, đời thứ 16 dòng Tỳ Ni, người làng Phù Đồng, huyện Tiên Du (Bắc Ninh), họ Vương tên Hải Thiêm, dòng dõi nhà quan. Thuở nhỏ học Nho học. Tuổi trưởng thành thích giao du cùng các nhà tu hành. Khi đến chùa Tĩnh Lự, núi Đông Cứu (huyện Lang Tài, Bắc Ninh) nghe Thảo Nhất thiền sư giảng kinh Pháp Hoa, bèn quy y, sau trụ trì ở chùa Chúc Thánh trên núi Phả Lại, mất năm 1100, thọ 55 tuổi.

b) Thiên phái Vô Ngôn Thông

I) *Các chốn tu hành quan trọng :*

1— Chùa Kiến Sơ, tại làng Phù Đổng (huyện Tiên Du, Bắc Ninh), ở ngay bên phải đền Xung Thiên Thần Vương tục gọi đền đức Thánh Gióng. Chùa nguyên là gia trạch của một người hào phú họ Nguyễn ở làng Phù Đổng đem dâng cúng làm chùa để rước Cấm Thành thiền sư đến trụ trì, rồi không bao lâu có Vô Ngôn Thông thiền sư đến ở đây (820) và truyền ra thiên phái thứ hai. Chùa trở thành chốn tổ của thiên phái Vô Ngôn Thông, có nhiều người đến tu học và nổi danh như :

- Thiện hội thiền sư (?—900)
- Đa bảo thiền sư (?)
- Định hương trưởng lão (?—1051)
- Thiên lão thiền sư (?—1057)
- Quảng trí thiền sư (?—1090).

2— Chùa Cấm Ứng trên đồi làng Tam Sơn (phủ Từ Sơn, Bắc Ninh) nên cũng gọi là chùa Tam Sơn. Đây là chốn trụ trì và là Đạo tràng của :

- Định hương trưởng lão
- Cứu chỉ thiền sư (?—1067)
- Bảo tính (?—1034)
- Tâm minh (?—1034).

3— Núi Tiên Du (huyện Tiên Du, Bắc Ninh), là ngọn núi danh tiếng, là nơi có nhiều vị cao tăng đến trụ trì như :

- Cấm thành thiền sư (?—860)
- Thiên lão thiền sư tại chùa Trùng Minh
- Cứu chỉ thiền sư tại chùa Quang Minh.

II) *Các vị thiền sư danh tiếng :*

1— Vô Ngôn Thông thiền sư (? — 820), người Quảng Châu, họ Trịnh. Khởi đầu học Phật tại chùa Song Lâm ở Vụ Châu (nay là huyện Kim Hoa, tỉnh Chiết Giang, Trung Hoa). Ngài thuộc chi phái Vi Ngưỡng là một trong năm chi phái xuất hiện từ đệ lục tổ Tào Khê, nguyên thuộc dòng Bồ Đề Đạt Ma. Năm Nguyên Hòa thứ mười lăm đời Đường (820), ngài đến Giao Châu, ở chùa Kiến Sơ (làng Phù Đồng, huyện Tiên Du, Bắc Ninh). Ở đây ngài thực hành phép Bích quán suốt nhiều năm, rồi truyền tâm ấn cho đệ tử là Cảm Thành thiền sư. Năm Đường Bảo Lịch thứ hai (826) sau khi đổi dăng lại cho Cảm Thành thiền sư, ngài chấp tay lại mà tịch. Cảm Thành thu nhặt xá lợi, đem nhập vào tháp xây trên núi Tiên Du. Sau đó người theo học thiền phái này ngày một đông cho mãi đến đời Khai Hựu nhà Trần (1337) mới hết.

2— Cảm Thành thiền sư (? — 860) là đệ tử của ngài Vô Ngôn Thông thiền sư, được truyền tâm ấn và cho pháp hiệu Cảm Thành. Thiền sư vốn người Tiên Du (Bắc Ninh), họ Thị (?), lúc đầu trụ trì ở một ngôi chùa trên núi Tiên Du, sau đó người hào phú họ Nguyễn mến đạo đức ngài, đem gia trạch cúng làm chùa, rước ngài về trụ trì tức là chùa Kiến Sơ, ở làng Phù Đồng, bên cạnh đền đức Thánh Gióng huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh ngày nay. Ngài ở đó ít lâu thì gặp Vô Ngôn Thông thiền sư, thờ làm thầy và phổ truyền thiền phái thứ nhì tại Việt Nam.

3— Thiện Hội thiền sư (? — 900), quê ở huyện Siêu Loại, Bắc Ninh, lúc nhỏ học ở chùa Định Thiên trong làng, lớn lên xuất gia thọ giới, tự hiệu là Tồ Phong rồi đi khắp nơi tìm thầy học đạo. Khi đến chùa Kiến Sơ, gặp được Cảm Thành thiền sư, bèn ở lại thờ làm thầy hơn mười năm, được thầy đặt cho pháp hiệu là Thiện Hội, nghĩa là « khéo hiểu ».

4— Khuông Việt thiền sư (930-1011) thuộc dòng Vô Ngôn Thông đời thứ tư. Ngài họ Ngô tên là Chân Lưu, người làng Cát Lợi, quận Thường Lạc (tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang). Thuở nhỏ ngài theo nho học lớn lên thọ giới với Vân Phong thiền sư tại chùa Khai Quốc, bên thành Đại La, sau về trụ trì ở chùa Phật Đà ở quê nhà. Năm 40 tuổi được vua Đinh Tiên Hoàng (968-979) phong chức tăng thống, rồi năm sau lại được vua phong làm Khuông Việt đại sư. Sang triều vua Lê Đại Hành, ngài vẫn giữ chức đó và rất được kính trọng. Sau ngài cáo lão về quê, lên núi Du Hi dựng chùa giảng pháp, môn đồ rất đông.

5— Đa Bảo thiền sư. Không rõ tên họ và quê quán, trụ trì tại chùa Kiến Sơ làng Phù Đổng. Ngài là đệ tử của Khuông Việt thái sư. Vua Lý Thái Tổ nghe danh, thường mời ngài vào triều hỏi đạo, bàn luận việc nước và ngoại giao. Nhà vua cũng ra lệnh trùng tu chùa Kiến Sơ, nơi ngài trụ trì. Ngài thường vân du đi khắp nơi đề thuyết pháp, truyền đạo, sau không rõ tịch ở đâu và bao giờ.

6— Định Hương trưởng lão (?—1051), thuộc dòng Vô Ngôn Thông đời thứ sáu. Ngài họ Lữ, quê ở Chu Minh, là đệ nhất môn đồ của Ngài Đa Bảo thiền sư. Sau Ngài về trụ trì chùa Cẩm Ứng, làng Tam Sơn, phủ Thiên Đức, nay là ở Từ Sơn, Bắc Ninh, học trò rất đông. Ngài giáo hóa được nhiều người đắc đạo.

7— Thiền lão thiền sư (? — 1057), trụ trì ở chùa Trùng Minh, huyện Tiên Du (Bắc Ninh), là đệ tử của Đa Bảo thiền sư. Sau khi học đắc đạo, về cẩm xích trưng tại Từ Sơn (chùa Trùng Minh ?), mở trường dạy, tiếng tăm lừng lẫy, học trò kẻ trên ngàn người. Chỗ ở thành một tùng lâm đồ hội.

8— Cứu Chỉ (?—1067) thuộc dòng Vô Ngôn Thông đời thứ bảy. Ngài họ Đàm, người làng Phù Đàm, phủ Chu Minh. Thuở nhỏ rất ham học, đọc kỹ các sách Tam giáo. Sau tới chùa Cẩm Ứng xin học Định Hương trưởng lão. Thầy giảng tới đâu là hiểu ngay tới đó, nên được đặt tên là Cứu Chỉ. Sau ngài đến trụ trì chùa Quang Minh trên núi Tiên Du (Bắc Ninh) luôn sáu năm không bước chân xuống núi. Tiếng đồn tới Kinh, vua Lý Thánh Tông mấy lần tới chùa thăm hỏi và Tể tướng Dương Đạo Gia cung thỉnh về trụ trì ở chùa Diên Linh trên núi Long Đồi (núi Đồi, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam) khoảng năm 1054-1059.

9— Bảo Tĩnh (? — 1034) họ Nghiêm và Tâm Minh thiền sư (? — 1034) họ Phạm. Cả hai là người Chu Minh và trụ trì ở chùa Cẩm Ứng, tu học thầy Định Hương và cùng đi phổ độ thiên hạ. Năm Thiên Thành thứ bảy nhà Lý (1034), hai vị được vua Lý Thái Tông mời vào triều đình làm lễ giảng kinh. Khi trở về cả hai lên đàn hỏa thiêu để lại ngọc thất bảo. Vua Thái Tông sắc đem thờ ở chùa Trường Thánh (thành Thăng Long) và coi đó là điềm tốt cho triều đại, bèn đổi niên hiệu là Thông Thụy.

10— Đại Xá thiền sư (?—1180), đời thứ mười dòng Vô Ngôn Thông, người Đông Tác (Hà-Nội), trụ trì chùa Báo Đức trên núi Vũ Ninh (huyện Vũ Giang, Bắc

Ninh), họ Hứa. Thuở thanh niên theo thầy Đạo Huệ, ham nghiên cứu kinh Hoa Nghiêm và Phổ Hiền. Thiền sư dựng trên ngọn Tuyên Minh Hồ một ngôi chùa để dạy giáo lý Phật.

11— Trí Bảo thiền sư (?—1206) đời thứ mười dòng Vô Ngôn Thông, người Ô Diên (nay là Hạ Mỗ, huyện Từ Liêm, Hà Đông), họ Nguyễn, là cậu Tô Hiến Thành, làm quan đời Lý Anh Tông (1138-1175). Thiền sư tu học ở chùa Thanh Tước trên núi Du Hi. Sau đi Vân du tìm thầy học đạo, khi gặp Đạo Huệ thiền sư liền trở về tu viện ở Việt vương trì (huyện Vũ Ninh) để truyền dạy Phật pháp. Thiền sư tịch năm 1206, các đệ tử làm lễ hỏa thiêu rồi dựng tháp bảo táng xá lợi ở trước chùa Thanh Tước.

12— Thường Chiếu thiền sư (?—1203), đời thứ 12 Vô Ngôn Thông, người làng Phù Ninh (huyện Tiên Du, Bắc Ninh), họ Phạm, trước làm quan đời Lý Cao Tông, giữ nhiều chức quan trọng ở triều đình, rồi quy y, theo Quảng Nghiêm thiền sư tại chùa Lục Tổ. Sau về tu tại một ngôi chùa cỏ và phổ độ chúng sinh.

NHỮNG THỜI KỲ TỰ CHỦ

Dưới những thời kỳ tự chủ của nhà Tiền Lý (544-602), nhà Ngô (939-965), nhà Đinh (968-980), nhà Tiền Lê (980-1009), Phật giáo rất có uy tín, được các nhà cầm quyền bấy giờ tôn sùng, nhiều vị danh tăng được các nhà vua tin dùng phong tước chức quốc sư như Khuông Việt thiền sư. Vạn Hạnh thiền sư đã nói ở trên.

Phật giáo thịnh đạt là thế nhưng phần vì việc nước còn bề bộn, phần vì các triều vua trị vì không mấy lâu dài nên không có dựng chùa xây tháp bao nhiêu, chỉ thấy sách Tây Hồ chỉ ghi rằng vua Tiền Lý Nam Đế dựng chùa Khai Quốc (1) tại bến Yên Phụ (góc Tây bắc thành phố Hà-Nội ngày nay) trên nền cũ điện An Trì (2). Triều Ngô có danh tăng Nguyễn Văn Phong tu bổ lại, đầu triều Lý, nhân việc thiên đô ra Thăng Long, có trùng tu lại.

Sách Thiên Uyển tập anh cho ta thấy qua phần tiểu sử của các vị danh tăng thì hình như việc dựng chùa lập am là phần vụ riêng của giới tăng già, ngoại trừ một mẫu sử liệu khác cho ta biết vua nhà Tiền Lê có dựng một ngọn chùa tại kinh đô Hoa Lư là chùa Vạn Tuế, và khoảng 963 người ta có phát hiện được tại Hoa Lư, làng Trường Yên những cây bia đá ghi những câu kệ và chú Đà La Ni, dựng vào những năm 973 đời Đinh do Tinh Hải quân Tiết chế Nam Việt vương Đinh Liễn lập, là một cây trụ đá có tám mặt, mỗi mặt rộng 6, 5 cm. Trên mỗi mặt đều có khắc chữ Hán, bắt đầu bằng câu : « Phật đảnh tối thắng già cú linh nghiệm Đà La Ni (3) và kinh tràng dựng năm 995 thời Lê Đại Hành có một bài kệ với những câu :

« Chư thiên thương văn Phạm ngữ thanh
Văn niệm Phật đảnh Đà La Ni
Tắc đắc cụ túc trai giới... »

Nghĩa là :

« Các thiên thần thương nghe âm thanh tiếng Phạm (Om)
Nghe niệm tụng Phật Đà La Ni
Thì được đầy đủ trai giới... »

(1) Tây Hồ chỉ là sách viết về đầu triều Nguyễn, không rõ tác giả.

(2) Điện An Trì, theo tương truyền, lập ra từ đời Hồng Bàng ?

(3) Hà Văn Tấn : Từ Một cột, kinh Phật năm 973 vừa phát hiện ở Hoa Lư. Tạp chí nghiên cứu lịch sử số 76 tháng 7 năm 1965.

Những di vật này chứng tỏ rằng việc tụng niệm chân ngôn Đà La Ni rất thịnh hành thời Đinh, Lê và thế kỷ X. Lại cũng chứng tỏ thêm rằng chính quyền bấy giờ rất tôn trọng Phật pháp nhưng dù sao thì cũng phải đợi đến Lý Công Uẩn và các vua nhà Lý ta mới thấy Phật giáo thật là toàn thịnh tại Việt Nam.

NHÀ LÝ VÀ CÁC XỨ LÂN BANG

Đương thời nhà Lý, trong khoảng thế kỷ (XI-XIII) các xứ Á Đông và Đông Nam Á, lân bang Đại Việt đang ở vào thời kỳ thịnh đạt, văn hóa phát triển rực rỡ.

Phương Bắc thì sau thời đại Ngũ Quý, nhà Tống thừa kế di sản tinh thần của nhà Đường đã làm cho hậu thế phải tán thưởng về một nền văn hóa vô cùng thanh tao tế nhị. Đến nay những đồ men sứ, những tác phẩm hội họa của thời đại này vẫn không ngớt được toàn thể nhân loại thưởng thức khâm phục. Những thủ đô Biện lương (Khai Phong) của Bắc Tống, Lâm An (Hàng Châu) của Nam Tống là những chốn đệ nhất phần hoa, thanh lịch trong thiên hạ. Hàng Châu theo sự nhận xét của Marco Polo, nhà đại du hành của thế kỷ XIII, là thành phố tao nhã nhất hoàn cầu. Con Tây Hồ là thắng cảnh của Hàng Châu, theo một câu Ca dao được sánh với thiên đàng trên Thượng Giới.

Tại phương Nam, đế quốc Chân Lạp (Khmer) vươn lên tới độ phú cường. Lãnh thổ được mở rộng đến mức chưa từng thấy, thâu gồm lưu vực sông Cửu Long, sông Ménam, biên cương phía Tây tới giáp Miến Điện, phía Bắc giáp Vạn tượng và Luang Prabang, phía Nam tới bán đảo Mã lai, phía Đông mấy phen chiếm cứ lãnh thổ Chiêm Thành.

Tại thủ đô Angkor vua Udayâdityavarman II (1050-1065) dựng ngôi « đền núi » tại Baphuom bọc vàng sáng chói, và đào hồ nước phía Tây Baray rộng 8km x 2km,20; giữa hồ dựng đền Mébon.

Vua Sūryavarman II (1113-1150) thực hiện một tuyệt phẩm kiến trúc Khmer là ngôi đền Angkor Vat ; ngôi đền quy mô vĩ đại mà cơ cấu kiến trúc vẫn điều hòa, đường nét tinh thuần tiêu biểu cho niềm khát vọng của con người luôn luôn chiêm hướng đến cái đẹp. Vua Jayavarman VII (1181-1200) dựng Angkor Thom lỏ nhỏ những tháp mặt người và san sát những cung điện dát vàng lát gương ; Các vị vua này đã đưa nền văn hóa mỹ thuật Khmer lên tới đỉnh huy hoàng rực rỡ.

Đến nay mặc dầu trải qua mấy thế kỷ bị hoang tàn quên lãng (kể từ năm 1433 đến cuối thế kỷ XIX) chốn núi đền, rừng tháp mà không một mét vuông mặt đá nào không mang nét đục chạm tinh vi, vẫn được khách năm châu trầm trở ca



HÌNH CHỤP SỐ 5

***Thần diều (Garuda) tại tháp Mắm, lĩnh Bình-Định
Nghệ-thuật điêu khắc Chăm, thế Kỷ XIII***

tung và công nhận là chốn đệ nhất kỳ quan ở cõi Đông Nam Á.

— Chiêm Thành mặc dầu phải đương đầu với Đại Việt là một xứ vừa trở nên hùng cường, nguy hiểm nhưng vẫn còn là một quốc gia đáng kể và vẫn tiếp tục phát triển một truyền thống văn hóa rực rỡ. Di tích ngày nay còn được thấy là những tòa tháp nguy nga đứng trấn bên trong và bên ngoài thành Chà Bàn (Phật thế) hoặc đứng xấp đôi, xấp ba trên những ngọn đồi nhấp nhô trên nền trời Bình Định. Đề trang trí những cung điện đền đài thời này còn biết bao những vật điêu khắc bằng đá, nào là thần điều (garuda) rồng, voi, sư tử, thủy quái (makara), bò thần (nandin) nét khắc hoa mỹ linh động ; nào là những tượng thần Çiva, Uma uy nghi, những Hộ pháp hình dung lẫm liệt, những thiên nữ Apsara múa may uyển chuyển tất cả như muốn dẫn ta đi vào thế giới thần bí của tín ngưỡng Chiêm Thành.

XEM HÌNH CHỤP SỐ 5

Về phương tây là Miến Điện ; xứ này mặc dầu mới lập quốc nhưng nhà Vua Anawratha rất sùng đạo Phật, cũng khai sáng ra một kỷ nguyên rực rỡ vì những công tác kiến trúc tôn giáo, tỷ dụ như việc xây ngôi chùa Nalanda ở Pagan vào năm 1090. Kỷ nguyên này mở đầu với năm nhà vua lên ngôi (1044) kéo dài hai thế kỷ rưỡi tới khi quân Mông Cổ đến tàn phá thủ đô Pagan vào năm 1287. Ngày nay tại đây cũng còn lại cả ngàn cổ tích gồm đền, chùa, tháp, tu viện... tọa lạc trên một diện tích 400 cây số vuông, nơi này nghiêm nhiên, sau Angkor được coi là khu tàn tích vĩ đại nhất của miền bán đảo Ấn độ China.

Cùng trong một nhịp phát triển chung ấy và do kết quả của những sự giao thiệp hòa hiếu, lại cả đôi khi bằng chinh chiến nữa, ảnh hưởng tương lân tất nhiên phải có, thêm nữa biết đâu chẳng phải vì tinh thần tranh đua mà nhà Lý bấy giờ cũng đã thực hiện những công trình kiến trúc đáng kể và tạo ra cho triều đại này một sắc thái mỹ thuật vừa thanh tao vừa hoa mỹ; phản ảnh sự phấn khởi của một dân tộc đang say sưa kiến quốc, với những niềm tin tưởng thích ứng và phóng khoáng mặc dầu quốc gia Đại Việt nhỏ bé còn phải luôn luôn đương đầu bằng quân sự với ngoại bang như việc ngăn chặn và phá tán cuộc liên minh của hai đế quốc lớn nhất Á Châu bấy giờ là Đại Tống và Chân Lạp hiệp với Chiêm Thành để ba mặt cùng giáp công xâm lăng trong khoảng thời gian 30 năm trời, khởi sự từ năm 1030 do nhà vua Chân Lạp Suryawarman I chủ trương đến tận năm 1060 theo như sử Trung Hoa đã ghi.

PHẬT GIÁO TRIỀU LÝ

Niềm tin chính thức dưới triều Lý là Tam Giáo (Thích, Nho, Đạo) trong đó Phật (Thích) giáo chiếm hàng đầu. Phật giáo tuy đã thịnh hành dưới thời Bắc thuộc, nhưng đến thời độc lập, mới thật phổ biến trong chốn dân gian và trở nên thịnh đạt nhất dưới triều các vua nhà Lý không những các nhà vua lập nhiều chùa, tháp mà cả các quan, các người có thế lực cũng hăng tàm hăng sản đóng góp khuyến khích những việc xây cất chùa chiền nữa.

Những danh sơn, thắng cảnh như núi Sài Sơn ở Quốc Oai (tỉnh Sơn Tây); núi Lạn Kha ở Tiên Du; núi Tiêu Sơn ở Yên Phong; núi Lãm Sơn ở Quế Dương (tỉnh Bắc Ninh), núi Đờ Sơn ở Nghi Dương (tỉnh Kiến An); núi Phi Lãi ở Ý Yên (tỉnh Nam Định); núi Long Dội ở Duy Tiên (tỉnh Hà Nam); núi Dục Thúy (tỉnh Ninh Bình)... đều có có dựng chùa, dựng tháp. Thật đúng là « hễ có danh sơn thắng cảnh thì có chùa chiền... » theo như văn bia chùa Linh Xứng, núi Ngưỡng Sơn tại Hà Trung (tỉnh Thanh Hóa) dựng năm Thiên Phù duệ vũ thứ bảy (1126).

LÒNG SÙNG PHẬT CỦA NHÀ LÝ

Nhà Lý sùng Phật đã khiến cho sử thần xưa viết rằng: « Vua Lý thái Tổ sinh trưởng nhờ cửa Phật, Khánh Vân nuôi lớn, Vạn Hạnh dạy dỗ, thuyết nhân quả ăn sâu ở trong lòng, cho nên khi mới kiến quốc, đã cho sáng tạo ra nhiều chùa, cấp diệp độ tăng chúng, muốn đưa cả thế giới vào nước Phật, bất luận hiền ngu đều muốn cho qui Phật, đến đời sau nhà Lý mới khởi lên ngôi chùa cao sát mây, lập nên cột chùa bằng đá cao vót, lấy sự thờ Phật làm việc thường phải có của cả một nước (lập hơn 300 ngôi chùa, đúc quả chuông nặng tới một vạn hai ngàn cân đồng). Khi khánh thành chùa thì mở hội, xá các tội nhân, một nhà sư tự thiêu mà cũng cải niên hiệu, vị tướng đánh được giặc mà cũng tạ ơn Phật, Bụt mọc ở chùa Pháp Vân mà lập nên chùa, tự giới mình và giới đến người khác, trên dưới như điên như dại... »

Lời nhận xét trên của sử thần thiết tưởng đã theo quan điểm của một nhà nho ưa đạo ngũ luân, xử thế hơn việc cứu giải chúng sinh nên đã phê bình bằng giọng mỉa mai cho rằng các vua nhà Lý quá mê đạo Phật đến nỗi « trên dưới như điên như dại », sau cùng mất nước và quy lỗi đó cho vua Thái Tổ; nhưng thịnh suy, âu cũng là luật trời. Nhà Lý chẳng vì đạo Phật mà kém thịnh, về những buổi đầu mà nếu chẳng có đạo Phật cũng vẫn có thể suy vào lúc cuối, rồi nhà Trần kế

tiếp, các vua ban đầu cũng rất sùng Phật, nào việc nước có vì vậy mà không hùng cường, thịnh trị đầu và về sau dù Nho học trở nên thịnh đạt hơn Lão, Thích mà vận nước cũng vẫn suy vi, nhân tâm phân tán đến nỗi mất nước vì ngoại bang. Trong triều đại nhà Lý quả thật các vua hay tin, hoặc thích những điềm, những hiện tượng đề ứng nghiệm, điều này không hẳn xuất phát từ nguyên lý Phật giáo thuần túy mà đã pha trộn Bùa chú giáo (Mật giáo) và Đạo giáo. Triều Lý đạo Phật cực thịnh nhưng không độc tôn, đạo Lão, đạo Khổng cũng vẫn được khuyến khích ; ngay trong các ngành nghệ thuật đương thời cũng thường thấy phản ảnh tư tưởng khoáng đại bao dung của thời đại này.

Các Vua nhà Lý lấy đạo từ bi, quảng đại làm phương châm trị dân, trị quốc, lại luôn luôn lo sao lấy được lòng dân, hợp ý trời, nên có lẽ vì vậy rất đề ý đến những điềm tượng thiên nhiên. Nhà vua rất vui sướng khi thấy điềm lành xuất hiện vì tin rằng việc chấn dân đã làm đẹp ý trời nên đã được trời đất tỏ lộ cho bằng những điềm lành đó, còn ngược lại thì Thiên tử được biết đường đề lo tu sửa. Tất nhiên là phạm điều gì quá ham mê thì người ngoài cũng thấy có cái để chỉ trích. Nhưng nếu hậu quả tai hại không bao nhiêu so với kết quả chung tốt đẹp khiến ta có thể nói rằng các vua triều Lý đã thực hiện việc trị quốc bằng lòng nhân từ, lấy lượng khoan hòa mà thu nạp các học thuật tôn giáo, đã tô điểm non sông ngày thêm tươi đẹp và tạo cảnh đời sống yên vui cho khắp dân gian mà đối ngoại thì làm cho các lân bang kính nể, nên đối với hậu thế được coi là một thời đại huy hoàng dễ cảm mến, như vậy thiết nghĩ ta phải ca tụng công đức thay vì chê bai Lý Công Uẩn là người khai sáng ra triều đại này.

NHÀ LÝ BỒI ĐÁP PHẬT GIÁO

Những lời bàn của sử gia nêu trên, ta thấy rõ là đã căn cứ vào điều mà các vua triều Lý đã bồi đắp Phật giáo như sau :

TRIỀU LÝ THÁI TỔ (1010 - 1028).

Ngay khi vừa lên ngôi (Thuận thiên nguyên niên = 1010), Lý Thái Tổ liền ban phẩm phục cho các hàng tăng sĩ và xuất tiền kho hai vạn quan để lập tám ngôi chùa ở nơi quê nhà là phủ Thiên Đức (tỉnh Bắc Ninh).

Tại Thăng Long, nhà vua cho dựng chùa Hưng Thiên Ngự và, gần điện Thái Thanh, dựng chùa Vạn Tuế; tại đây năm thứ 5 Thuận Thiên (1014) nhà vua lập đàn cho tăng chúng thụ giới.

Ngoài thành cho lập những chùa Thiên Quang, Thiên Đức, Thiên Vương, Thăng Nghiêm ở ngoài thành, phía Nam dựng chùa Cầm Y, Long Hưng, Thánh Thọ (1) v.v..., tất cả 300 ngôi tại khắp nơi trong nước. Ngoài ra triều đình còn sắc cho tất cả các làng hễ có chùa nào hư nát thì phải tu sửa lại.

— Năm thứ 9 Thuận Thiên (1018), nhà vua sai triều thần là Phạm Học và Nguyễn Đạo Thanh sang Tống thỉnh kinh Tam Tạng và cử thiền sư Phi Tri sang Quảng Tây đón về, để vào kho sách Đại Hưng.

— Năm sau (1019) vua phái tăng sĩ đi giảng kinh, thuyết pháp khắp nơi trong nước để phổ độ dân chúng.

— Năm thứ 15 Thuận Thiên (1024) nhà vua lập chùa Chân Giác để làm nơi ngài thường đến dự khóa lễ tụng kinh, giảng đạo. Chùa dựng ở nơi mà ngày nay gọi là ngọn Phục Tượng, núi Vạn Bảo tại bờ phía Nam Hồ Tây (Hà Nội).

TRIỀU LÝ THÁI TÔN (1028-1054).

Nhà vua cũng rất sùng đạo Phật, tu tại gia và thụ giáo Ngài Thuyền Lão thiền

(1) Chùa Thánh Thọ nay ở thôn Đông xã, phường Yên Thái, phía Nam Hồ Tây.

sur và thích bàn luận về triết lý của Phật giáo với các thiền sư nổi tiếng bấy giờ như Cửu Chỉ, Bảo Tánh, Minh Tâm là những bậc đại đức của phái Vô Ngôn.

— Năm thứ 4 Thiên Thành (1031) vua thân chinh đi dẹp giặc Chiêm ở Hoan Châu (Nghệ An). Dẹp xong, hoàn cung, ngài muốn phò biến đạo từ bi cho dân chúng nên sắc lập 150 ngôi chùa. Khi hoàn thành cho mở hội lớn, tha tù tội và đại xá thuế một năm cho cả thiên hạ.

— Cùng năm này (1031) vua chuẩn lời tâu của đạo trưởng Trịnh Tứ Không cho tất cả các đạo sĩ điện Thái Thanh trong Hoàng thành lên chức ký lục (1).

— Năm đầu Thông Thụy (1034) nhà Tống tặng kinh Đại Tạng, vua Thái Tôn cử triều thần đi đón rước rất long trọng. Trong năm này có hai vị thiền sư là Nghiêm Bảo Tĩnh và Phạm Minh Tâm ngộ đạo, tự thiêu, tro tàn biến thành ngọc thất bảo. Nhà vua cho là điềm tốt sức cho rước vào thờ ở chùa Trường Thánh. Nhân đó đổi niên hiệu là Thông Thụy.

— Năm thứ ba Thông Thụy (1036) tháng giêng đúc xong tượng Phật Đại Nguyên, vua cho làm lễ khánh thành tại sân rồng và đại xá cho các tội đồ bị phát lưu.

— Năm thứ hai Càn phù Hữu đạo (1040), vua sai thợ điêu hợa (khắc ?) trên một ngàn tranh Phật và làm một vạn bửu phan (phướn). Khi khánh thành mở hội La Hán, đại xá thiên hạ, thả tù tội, đồ lưu, nhân mạng và xá nửa thuế đinh, thuế điền.

— Năm đầu Sùng Hưng đại bảo (1049), Thái Tôn sắc dựng chùa Diên Hựu. Nguyên năm trước ngài nằm mơ thấy Quan âm Bồ tát dẫn ngài lên Đài sen. Tỉnh dậy ngài bàn hỏi đình thần, tất cả đoán là điềm chẳng lành. Có một vị tăng tên là Thiền Tuệ khuyên nên cất chùa. Vua theo lời xuống chiếu cho đào hồ, giữa dựng một cột đá, trên cất Liên Hoa đài (như một bông sen nổi trên mặt nước). Trong đài thờ tượng Quan âm Bồ tát như đã thấy ở trong mộng. Mùa Đông tháng mười,

(1) Nhà vua cũng ủng hộ đạo Lão.

hoàn công, hội chur tăng lại tung kinh cầu diên thọ. Chùa này còn gọi là chùa Một Cột, ở thôn Ngọc Thanh, (khu Ngọc Hà, Hà Nội).

TRIỀU LÝ THÁNH TÔN (1054-1072)

Vua Thánh Tôn sùng đạo Phật, và rất nhân từ, thương người. Ngài thụ giáo Thảo Đường thiền sư và là đệ tử đầu tiên của Thiền phái này. Trong đời ngài xây dựng chùa, tháp rất nhiều :

— Năm thứ hai Long Thụy Thái Bình (1055) vua cho xây chùa Đông Lâm và chùa Tĩnh Lự ở núi Đông Cứu (huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh).

— Năm thứ ba Long Thụy Thái Bình (1056), bầy hội La Hán ở điện Thiên An, mùa xuân tháng ba, vua cho khởi công xây dựng chùa Sùng Khánh (chùa Báo Thiên), lại xuất 12.000 cân đồng trong kho ra để đúc một quả chuông treo ở chùa đó. Vua ngự chế bài minh văn.

— Năm sau (1057) mùa xuân thứ ba, xây ở phía trước chùa một ngọn tháp lớn 12 tầng, cao 20 trượng đặt tên là Đại thắng tư thiên bảo tháp (gọi tắt là tháp Báo Thiên) (Chùa và tháp ở tại vị trí nhà thờ lớn Hà Nội ngày nay).

— Tháng chạp năm này (1057) xây chùa Thiên Phúc và Thiên Thọ lại lấy vàng đúc tượng Phạm Vương (Brahma) và Đế Thích (Indra) để bầy thờ tại hai chùa này (1)

— Cũng trong năm này (1057) vua sai Lang tướng là Quách Mãn xây tháp ở núi Lạn Kha (huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh) cao mười trượng (42 m) và tạc tượng Di Đà bằng đá mạ vàng cao 6 thước (2m,5) (Tượng nay còn).

XEM HÌNH CHỤP SỐ 6

— Năm Long Thụy Thái Bình thứ năm (1058), tháng sáu xây điện Linh Quang, bên trái dựng điện Kiến Lễ, bên phải dựng điện Sùng Nghi. Phía trước điện dựng lầu chuông một cột, sáu cạnh, hình hoa sen (Độc trụ, lục giác, liên hoa chung lâu).

(1) Đây là hai vị thần Bà la môn giáo, đã ảnh hưởng vào Phật giáo hoặc đã được Phật giáo hóa.



HÌNH CHỤP SỐ 6

***Chùa Phật-Tích, Huyện Tiên-Du, tỉnh Bắc-Ninh ;
Tượng Di-Đà bằng đá tạo tác dưới triều : Lý-thánh Tôn, năm 1057.***

Tháng chín, vua ngự ra cửa biển Ba Lộ, nhân đó ngự đến thăm chỗ xây tháp trên núi Đờ Sơn. Tháp cao 100 thước (42m), vua ban tên hiệu là tháp Trường Long.

Tháp về sau đổ nát, đến đầu triều Nguyễn, Gia Long năm thứ 3 (1804) địa phương dỡ nốt phần còn lại để lấy gạch xây thành.

— Năm Long Thụy Thái Bình thứ 10 (1063) vua sức xây chùa ở Ba Sơn (Tam Sơn, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) là nơi mà năm trước vua ngự đến làm lễ cầu tự, có rồng vàng hiện ra trong đàn lễ.

Vua đã 40 tuổi mà chưa có con trai, đi lễ chùa khắp nơi để cầu tự. Khi đến làng Thổ Lỗi (sau đổi làm hương Siêu Loại nay thuộc phủ Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh) gặp Ý Lan tuyền nạp vào cung phong làm phu nhân; phu nhân sinh con trai ngày 25 tháng giêng (1066) được phong làm thần phi, con là Càn Đức được lập làm thái tử, sau lên ngôi là vua Lý Nhân Tôn.

— Năm đầu Thần Võ (1069) vua Thánh Tôn đi đánh Chiêm Thành, có bắt được một thiền sư, tự hiệu là Thảo Đường, đem về phong cho làm quốc sư. Quốc sư trụ trì tại chùa Khai Quốc (trên bờ đông bắc Dâm Đàm tức Hồ Tây ngày nay). Tại đây ngài truyền thụ giáo lý cho rất đông đệ tử và lập ra một thiền phái gọi là phái Thảo Đường (tức đệ tam Thiền phái Việt Nam, sau thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi và thiền phái Vô Ngôn Thông).

Vua Lý Thánh Tôn là đệ tử đầu tiên của thiền phái này vậy.

— Năm Thần Võ thứ hai (1070) tháng chín xây đền Nhị Thiên Vương (tức thần Nhật Nguyệt : Civa Deva và Vishu Deva) ở phía đông nam kinh thành.

Năm sau (1071) vua ngự viết chữ Phật dài một trượng, sáu thước vào tháng giêng.

TRIỀU LÝ NHÂN TÔN (1072-1127)

Triều vua rất anh hùng, nước lớn phải kiêng sợ, nước nhỏ mến phục, mà vua Nhân Tôn là một ông vua rất từ bi, trong thời gian cầm quyền, thường tha tù xá thuế. Người thời ấy kêu ngài là Phật Hoàng. Thời này có nhiều vị thiền sư lỗi lạc như Viên Chiếu thiền sư, Ngô Ấn thiền sư... trước tác những kinh sách và làm vẽ vang cho Phật giáo Đại Việt.

— Năm thứ hai Quảng Hựu (1086) sắc dựng chùa Lâm Sơn và xây tháp đá tại huyện Quế Dương (tỉnh Bắc Ninh). Qua năm sau hoàn công, vua ngự giá đến khánh thành, mở hội đãi yến bá quan tại chùa và ngự chế bài thơ : « Lâm sơn dạ yến. »

— Nhà vua cho phân định các chùa trong nước ra làm ba loại : Đại, trung, tiểu giá lam. Mỗi chùa tùy hạng cấp ruộng hương đăng, kho tài vật và cất phu cung dịch. Trên hết có đặt một vị quan triều trông nom.

— Năm thứ tư Quảng Hựu (1088) phong Khô Đầu thiền sư làm chức Đại sư để cố vấn quốc chính.

— Năm Quảng Hựu thứ bảy (1091) dựng Linh Tế tháp trên núi Dục Thúy ở Ninh Bình.

— Năm đầu Long Phù (1101) trùng tu chùa Diên Hựu và đúc một quả chuông lớn. Chuông không kêu, đem bỏ ra thửa ruộng bên chùa. Ruộng ấy sau sản ra nhiều con rùa. Nhân đó người ta gọi chuông đó là Quy Điền chung.

— Năm thứ năm Long Phù (1105), lại sửa chùa Diên Hựu, chung quanh hồ Linh Chiểu của Liên Đài (chùa Nhất Trụ) dựng hồi lang, vách vẽ tranh Phật, tô màu rực rỡ. Ngoài hồi lang đào thêm hồ Khang bích bọc quanh, dưới thả sen, trên bắc cầu để từ hồi lang tứ phía đi ra sân vườn. Từ đầu cầu phía trước chùa xây hai cây bảo tháp bằng sứ trắng. Những ngày sóc vọng (mồng một và ngày rằm), vua thường ngự giá đến làm lễ và hàng năm nhân tiết Phật đản vua ra dự lễ tắm Phật.

Bên chùa còn dựng một phương đình cao 8 trượng (33m,60) xây toàn bằng đá xanh rất hoa mỹ làm nơi treo một quả chuông thật lớn. Công tác xây xong đã 14 năm tới năm thứ 9 Hội trường đại khánh (1118) mới hoàn thành. Mùa xuân tháng hai năm này có sứ thần nước Chân Lạp đến hiến phương vật. Vua sai bày nghi trượng trước điện Linh Quang để làm lễ khánh thành.

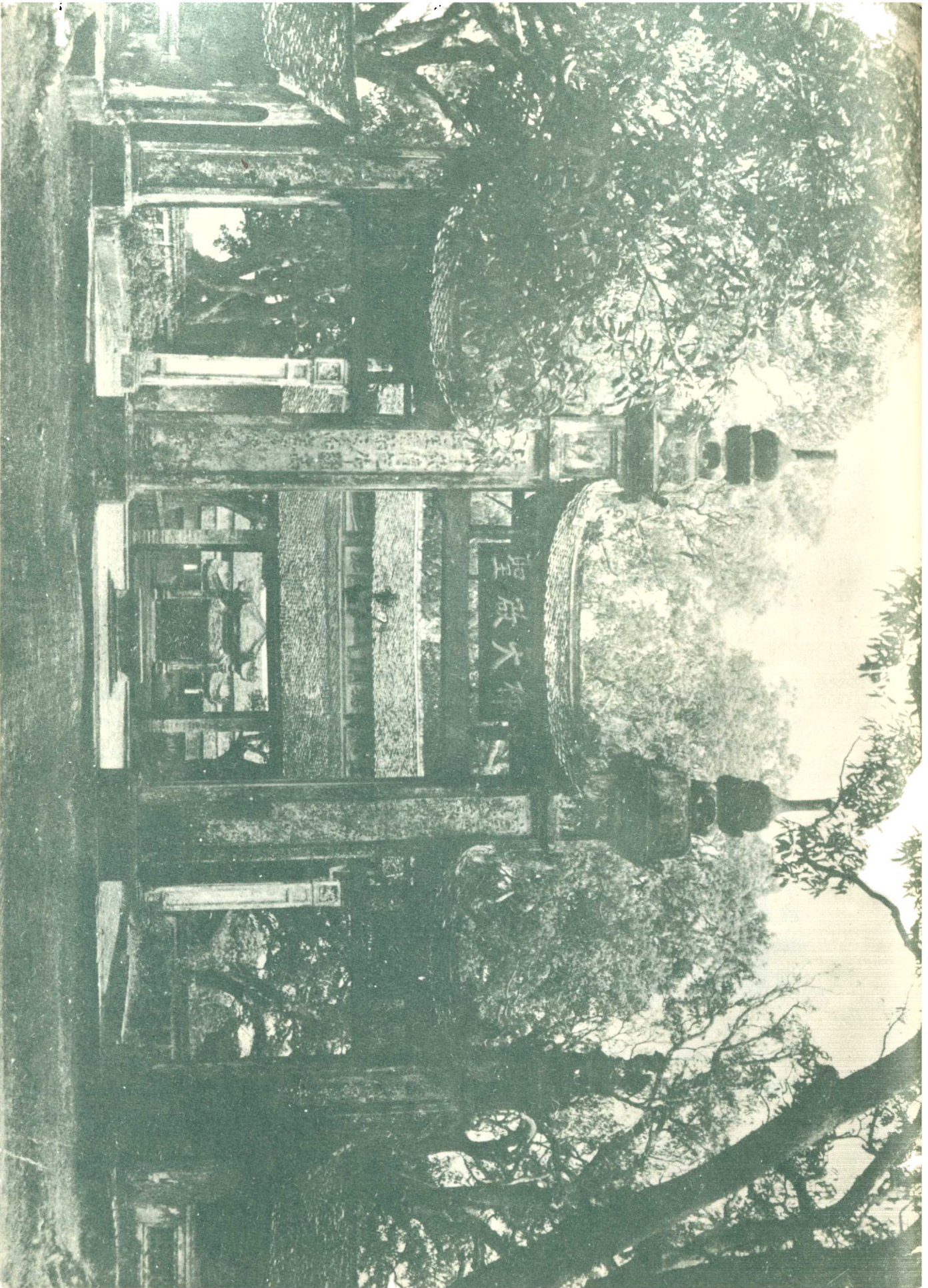
— Cũng năm này, có Chiêm sứ đến cống, vua mời dự hội Thiên Phật để khánh thành lầu Thiên Phật chứa 1.000 pho tượng Phật tại chùa Thăng Nghiêm Thánh Thọ (ở phía nam kinh thành).

— Hoàng thái hậu (Ỗ Lan thái phi) cũng xuất của riêng ra lập hơn 100 ngôi



HÌNH CHỤP SỐ 7

*Tượng thiền-sư Nguyễn Minh-Không
tại Đền Lý quốc sư ở Hà-Nội*



HÌNH CHỤP SỐ 8

*Chùa (hiệu-Thiền (chùa Lăng)
Thờ Tư Đạo Hạnh Thiền Sư và vua Lý Thần Tông
tại làng Yên Lãng (Hà Nội)
Khởi dựng từ triều Lý Anh-Tôn năm 1164. — Tam Quan.*

chùa ở khắp nơi, lại phát tiền bố thí cho dân nghèo và chuộc những con gái nhà nghèo đem thân cầm bán mà đem gả cho những đàn ông ở góa.

TRIỀU LÝ THẦN TÔN (1128-1138)

— Năm thứ 5 Thiên Thuận (1132) vua Thần Tôn khởi công dựng chùa Quảng Nghiêm tư thánh vào chùa Linh Cảm. Đến tháng chín năm thứ 5 Thiên Chương bảo tự (1137) khi hoàn thành mở hội khánh thành ra ơn đại xá tù cả thiên hạ.

— Vua cho làm 84.000 bảo tháp (có lẽ đây là những tháp nhỏ bằng đất nung) khi làm xong mở hội khánh thành tại Thiên Phù các là một gác dựng về đầu triều Lý trên sông Giã La (nay tại ấp Nghĩa Đò, bờ tây nam Hồ Tây, Hà Nội).

XEM HÌNH CHỤP SỐ 7

— Năm thứ 4 Thiên Chương bảo tự (1136) vua Thần Tôn tự nhiên mắc bệnh hóa hổ. Thiền sư Minh Không chữa khỏi, được phong làm quốc sư. Quốc sư mở trường dạy rất đông đệ tử. Tương truyền ngài sang Tàu quyên giáo đồng về đúc thành bốn cửa báu của nước Nam nổi tiếng đẹp và to lớn là :

1 — Tháp Báo Thiên, nhưng có lẽ chỉ là chóp tháp gọi là Đao Lợi thiên và biển ngạch (đề tên tháp) làm bằng đồng

2 — Phật Quỳnh Lâm (tại Đông Triều, Tỉnh Hải Dương)

3 — Vạc Phổ Minh (tại Tức Mặc, Tỉnh Nam Định),

4 — Chuông Phả Lại (tại huyện Quế Dương, Tỉnh Bắc Ninh)

Những cảnh chùa Quỳnh Lâm tại Đông Triều, chùa Phả Lại, chùa Thần Quang còn gọi là chùa Keo (Tỉnh Thái Bình) đều do Ngài lập ra.

TRIỀU LÝ ANH TÔN (1138-1175)

Anh Tôn là đệ tử Không Lộ thiền sư (phái Thảo Đường), được truyền tâm pháp.

— Năm thứ 6 Đại Định (1145) dựng chùa Vĩnh Long Phúc Thánh,

— Năm thứ 7 Chính Long Bảo Ứng (1169) trùng tu chùa Chân Giáo.

— Cũng năm này lập chùa Chiêu Thiên tại làng An Lăng (Láng) là nơi thác sinh của thiền sư Từ Đạo Hạnh.

XEM HÌNH CHỤP SỐ 8

TRIỀU LÝ CAO TÔNG (1176-1210)

Vua Cao Tôn thọ giáo với ngài Trương Tam Tạng thiền sư về phái Thảo Đường.

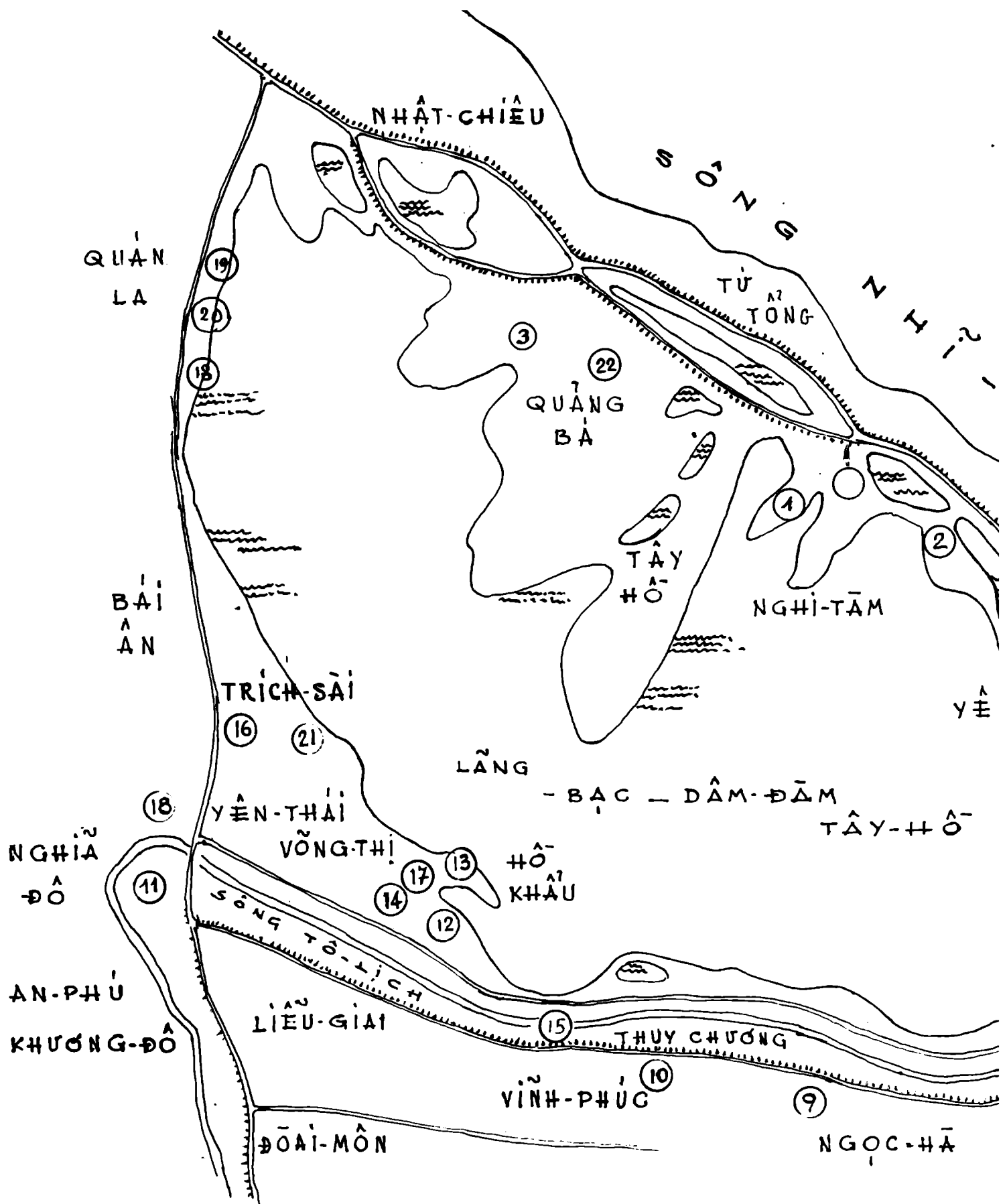
— Năm thứ 10 Thiên Tư Gia Thụy (1195) bắt đầu khảo thí tam giáo (Nho, Phật, Lão).

* * *

Những chùa kể trên, đến nay một số đã bị xóa bỏ hoàn toàn một số đã thay đổi tên gọi hoặc nếu còn có thì cũng đã thay hình đổi dạng nhiều lần nên vấn đề tìm hiểu nguyên trạng như thế nào thật là khó khăn, nguyên một việc dò xem những di tích lịch sử xây cất ở những địa điểm nào, nhiều nơi cũng còn chưa thể xác định được. Tuy nhiên vang bóng Lý triều không đến nỗi mờ ảo lắm, riêng tại Hà Nội vùng Hồ Tây, nhờ còn lại những áng cổ văn và nhờ những thôn xóm quanh hồ còn ấp ủ nhiều chùa xưa miếu cũ.

BẢN ĐỒ SỐ 4

Các cung điện, chùa miếu triều LÝ tại miền Hồ Tây (Hà Nội)



NHẬT-CHIỀU

SÔNG

QUẢN
LA

TỪ
TONG

NH

19
20
18

3

22

QUANG
BÀ

BÀI
AN

TÂY
HỒ

NGHI-TÂM

1

2

TRICH-SÀI

Y

16

21

LÃNG

- BAC - DÂM-ĐÂM

TÂY-HỒ

NGHIA
ĐỒ

18

YÊN-THAI

VÔNG-THỊ

HỒ
KHẦU

17

13

14

12

SÔNG TỒ-LỊCH

AN-PHÚ
KHƯƠNG-ĐỒ

11

LIỆU-GIẠI

THUY CHƯƠNG

15

VĨNH-PHÚC

10

9

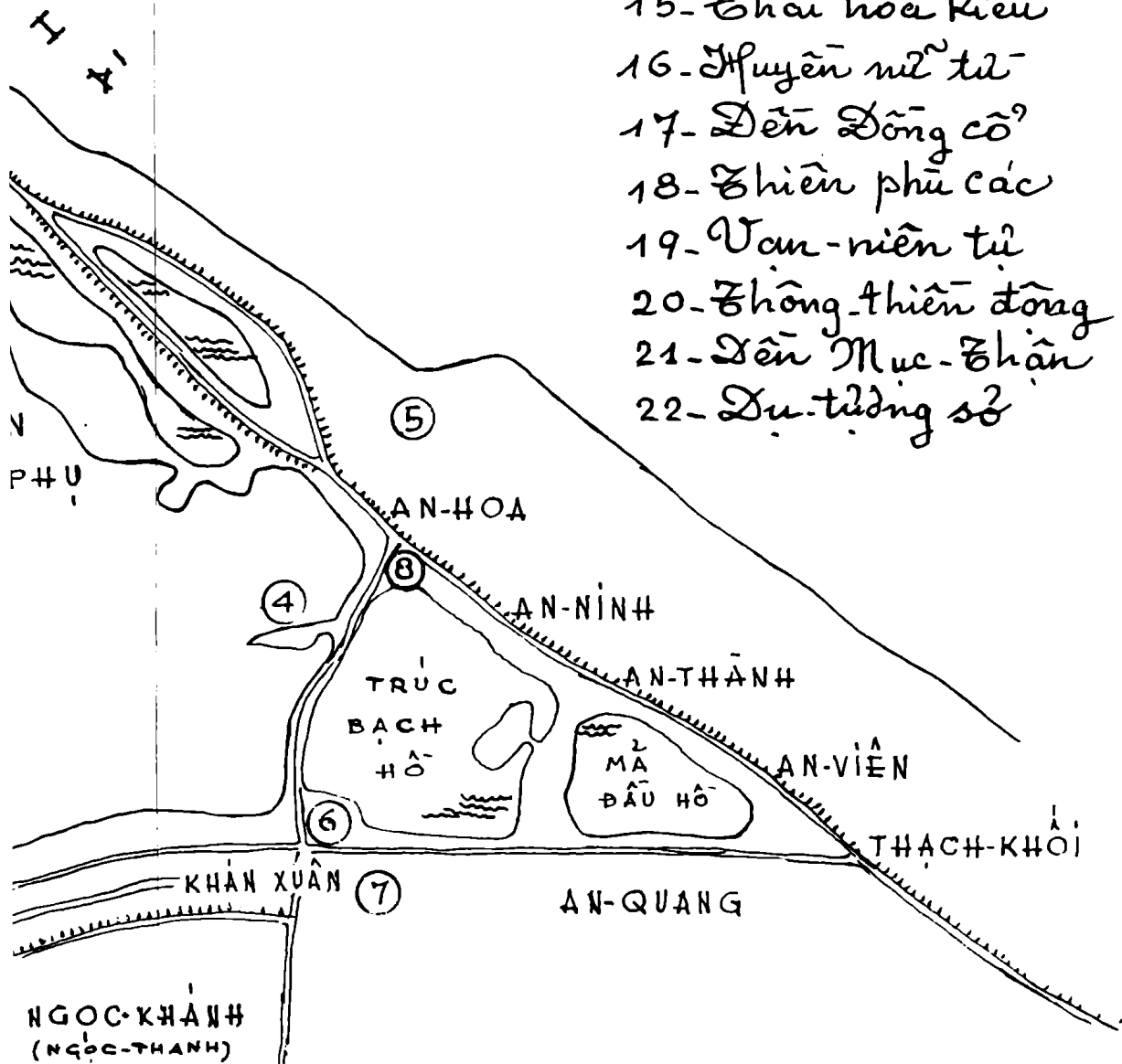
ĐOÀI-MÔN

NGOC-HÀ

NHỮNG CHÙA MIẾU TRIỀU LÝ TẠI VÙNG HỒ TÂY

- 1 - Quan ngũ cung
- 2 - Tử-hoa cung
- 3 - Bảo-ân tự
- 4 - Thủy-hoa cung
- 5 - Khai-quốc tự
- 6 - Trấn-vũ quán
- 7 - Cầu mẫu thân miếu

- 8 - Cầu nhì thân miếu
- 9 - Chân giáo tử
- 10 - Hậu-hỷ Nam đế quán
- 11 - An-thành miếu
- 12 - Đức-thánh điện
- 13 - Vệ quốc tửng quân điện
- 14 - Thủy công chùa miếu
- 15 - Khai hòa kiều
- 16 - Huyền nữ tử
- 17 - Đền Đông cô
- 18 - Thiên phủ các
- 19 - Vạn-niên tử
- 20 - Hồng-thiên đờng
- 21 - Đền Mục-Điền
- 22 - Dụ-tửng sở



TRIỀU LÝ VÀ DÂM ĐÀM

(Tài liệu : Tây Hồ chí)

Cổ thời (triều Hùng) Tây Hồ gọi là bến Lâm áp (1). Có lẽ vì bấy giờ còn là một nhánh hay một khúc của sông Nhĩ Hà. Kể từ Thục An Dương Vương, gọi là Đạp Hối. Từ Đông Hán mới có tên là Lãng Bạc (2), nơi mà Mã Viện coi là một thủy quốc và than vởi thuộc hạ rằng :

« Dưới thì nước đọng, trên thì sương mù, khí độc bốc lên ngùn ngụt, ngửa trông thấy con diều hồng liệng sa xuống mặt nước ... »

Thứ sử Lư Hoán đời Đường dựng quán Khai nguyên trong niên hiệu Khai nguyên (713-739) ở bờ phía tây hồ, nay tại ấp Quán La. Rồi đến Cao Biền đời Đường (thế kỷ VIII) nhân đắp thành Đại La (năm 866) có dựng một ngôi chùa tại bến Mã Tân về phía đông hồ (ở địa điểm chùa Linh Sơn, làng An Ninh ngày nay), đặt tên là Linh Diên tự, đó là những thắng cảnh đầu tiên của hồ.

Tuy nhiên phải đợi đến nhà Lý, nơi đầm nước cỏ lau hoang dại này mới được sửa sang có ranh giới, bờ bến phong quang và được đổi tên là Dâm Đàm (3). Cũng từ đó, cung điện, lầu đài, chùa miếu mới được xây dựng nhiều để điểm tô cho chốn trời nước mơ màng này thành một đại thắng cảnh của kinh thành Thăng Long. Sau đó các triều đại Trần, Lê cũng theo gương mà điểm tô cảnh sắc, cất dựng cung điện, đền, chùa.

XEM BẢN ĐỒ SỐ 4

— *Tại phía bắc Hồ :*

1 — Năm Chương Thánh Gia Khánh (1060) Lý Thánh Tông lập Quán ngự cung là một hành cung ở Hoa Điền (nay tại làng Nghi Tâm) để các vua ngự du đến xem đánh cá. Nhân dịp vua Thánh Tông dựng cung Dâm Đàm quá rục rờ tráng lệ, sử gia xưa phê bình là làm phao phí của dân.

Sau này nhà Trần cũng theo lệ ấy và nhà Lê thì dựng hành cung ở bãi Ngự đại gần thôn Tây Hồ (nay gọi là gò Hành Cung).

(1) Theo Tây hồ chí

(2) Lãng = sóng, Bạc = đầm, hồ, hoặc đậu thuyền ở bến (Theo Tây hồ chí)

(3) Dâm Đàm = Chỗ nước mưa đầm đọng lại.

2— Lý Thần Tôn dựng cung cho con gái là Từ Hoa công chúa, nên cung này gọi là Từ Hoa cung. Cung lập ở trại Tầm tang. Ý hấn vua muốn cho công chúa tập quen nghề trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ và canh cửi. Sau nhà Trần đổi tên trại ra làm phường Tích Ma. Đến cuối đời Trần, dân ở đây dựng chùa Đổng Long trên nền cung cũ. Nhà Lê Trung Hưng đổi Tích Ma ra làm Nghi Tâm. Chúa Trịnh sửa làm hành cung rồi lại làm chùa gọi là Kim Liên tự, vẫn ở trên nền cung Từ Hoa.

3— Trên bờ hồ thuộc phường Quảng Bá, đầu triều Lý, (thế kỷ XI), lập ra một cảnh chùa gọi là Báo Ân tự (khoảng niên hiệu Thông Thụy, 1034-1038), có đạo sĩ Trần Tuệ Long tu hành đắc đạo tại đây, sau thiêu hóa, đệ tử thu xá lợi xây tháp để thờ.

Triều Trần Anh Tôn, mùa xuân năm Hưng Long (1308) đệ tam tổ Trúc Lâm là Huyền Quang từ núi Yên Tử về kinh dự lễ Triều hạ xong, có đến giảng kinh Thủ Lăng Nghiêm trước khi trở về Vạn Tải (tỉnh Bắc Ninh).

Niên hiệu Thuận Thiên (1428-1433) nhà Lê trùng tu chùa, đời Hồng Đức (1470-1497) thường cầu đảo tại đây. Lê Trung Hưng đổi tên chùa là Sùng Ân. Niên hiệu Phúc Thái thứ hai (1644) đời vua Lê Chân Tông, mùa hạ, Chuyết Công thiền sư giảng kinh Niết Bàn ở đây trước khi đi thuyền về nhập diệt tại chùa Ninh Phúc, xã Nhạn Tháp (phủ Thuận Thành, Bắc Ninh) vào tháng 7 năm ấy.

Triều Nguyễn, năm Tân Ty (1821) vua Minh Mệnh ngự giá bắc tuần, có đến viếng chùa, ban mấy trăm quan làm tiền hương đăng và đổi tên là chùa Hoằng Ân vì bà cô tổ (từ đầu đời Lê Trung Hưng) là Từ Thuận phu nhân, tên Ngọc Tú, vợ chúa Trịnh Tráng có xuất gia tu ở đây. Khoảng niên hiệu Thiệu Trị (1841-1847) lại đổi tên là Long Ân.

— *Tại phía đông hồ :*

4— Đầu triều Lý dựng cung Thúy Hoa trên bãi Đại Quy thuộc phường An Hoa, làm nơi du lãm của nhà vua.

Đến đời Trần đổi làm điện Hàm Nguyên.

Nền cũ nay là chùa Trấn Quốc hay Trấn Bắc.



HÌNH CHỤP SỐ 9

**Hồ Tây (ở phía tây bắc Hà-Nội)
chụp từ đường Cồ-Ngư ra chùa Trần-Quốc
Núi Tản-viên ở Chấn trời**

5— Cũng đầu triều Lý, nhân việc thiên đô, có sửa sang lại chùa Khai Quốc là ngôi chùa do triều vua Tiền Lý Nam Đế (544-548) dựng lên trên nền cũ của đền An Trì mà theo tương truyền lập ra từ thời Hồng Bàng. Chùa ở bến Yên Phụ trên bờ sông Nhị phía ngoài đê. Danh tăng triều Ngô là Nguyễn Văn Phong có tu ở đây. Khoảng hai triều Đinh, Tiền Lê, quốc sư Khuông Việt thường trụ trì ở đây. Rồi đến các vị danh tăng như Thảo Đường thiền sư, Ngô Thông Biện, Viên Học, Tịnh Không triều Trần cũng thường lại đây du ngoạn cảnh núi xa sông rộng, cánh buồm ngược xuôi.

Chùa này đến năm Đại Bảo nhà Lê (1440-1442), đổi tên là An Quốc tự. Khoảng niên hiệu Hoảng Định, bờ sông bị lở, người dân đắp ròi vào trong hồ, nay là chùa Trấn Bắc.

XEM HÌNH CHỤP SỐ 9

— *Tại phía nam hồ :*

6— Trấn Vũ quán (nay hay gọi là đền Quan Thánh) do vua Lý Thánh Tông dựng khoảng niên hiệu Long Thụy Thái Bình (1054-1058) trên gò Hồi Long.

Tích cũ truyền rằng : Khi xưa yêu hồ cùng lũ rắn, rùa làm hại nên đê sông Nhị thường vỡ. Nhà vua lập đàn cầu đảo, Huyền Thiên trấn vũ chân quân còn gọi là Huyền Đế giáng thần tại đó, rồi sấm sét, giông bão nổi dậy, yêu quái tuyệt tích, sông nước bình yên. Nhà vua sắc dựng thờ ngay nơi thần giáng hiển đạt, tên là Trấn Vũ quán.

Quán xưa ở trong hoàng thành. Năm 1472, vua Lê Thánh Tông vì cần mở rộng cung điện nên di đền ra ngoài hoàng thành, tại bờ phía nam Hồ Tây, ở vị trí hiện nay.

7— Miếu Thần Cầu Mẫu ở trên núi Khán Sơn.

Khi họ Lý chưa dời đô về Thăng Long, tại chùa Thiên Tâm trên núi Ba Tiêu, châu Bắc Giang (nay thuộc Bắc Ninh) có một con chó trắng mang thai bỗng lội qua sông lên ở núi Khán Sơn, sau sinh một con trai, dân chúng lấy làm lạ. Năm Nhâm Tuất, Lý Thái Tổ thiên đô, hai mẹ con chó đã hóa. Có người tâu trình, vua phán : « đó là chó thần » bèn xuống chiếu dựng miếu trên Khán Sơn thờ chó mẹ, và miếu trong hồ thờ con.

8— Miếu này gọi là Thần Cầu nhi, miếu ở bến Châu Chử, góc đông bắc hồ, triều Trần gọi là bến Thần Cầu. Từ Hậu Lê thuộc hồ Trúc Bạch.

Miếu Thần Cầu Mẫu đến đời Lê vẫn còn, vua Lê Thánh Tông thường ngự du tại đây. Đến niên hiệu Vĩnh Tộ (1619-1628) miếu đổ nát được thay thế bằng một ngôi chùa gọi là chùa Khán Sơn (Ngày nay núi và chùa đều không còn).

9— Chùa Chân Giáo do vua Lý Thái Tổ lập vào mùa thu năm Thuận Thiên 15 (1024) làm nơi để các vua nhà Lý dự lễ tụng kinh cúng Phật. Lý Huệ Tông truyền ngôi cho con gái là Lý Chiêu Hoàng rồi xuất gia cũng tu ở đây.

— Chùa xưa lập trên đỉnh ngọn Phục Tượng, núi Vạn Bảo trong thành Đại La. Trước chùa có ao Ngoạn Thiềm, triều Trần có bắc cầu Lâm Ba bên trên để đi đến cung Cảnh Linh và quán Thái Thanh.

10— Hậu Lý Nam Đế quán thờ Lý Phật Tử tục gọi Hồng Vương ở ngọn Vĩnh An núi Vạn Bảo. Nhà Lý thiên đô chọn nơi này dựng quán thờ ông. Vua Lý Thái Tông thường ngự du tại đây. Quán không còn, nền cũ là đền thờ Vĩnh An.

11— Miếu An Thành, tổng Vĩnh Thuận ở bờ đông nam hồ thờ hai công chúa Phù Dung và Kim Châu là con thứ hai và thứ tư vua Lý Nhân Tông. Cả hai tính tình phong nhã ưa dạo chơi sơn thủy. Một chiều kia cùng thả thuyền dạo chơi hồ Dâm Đàm thưởng sen, lúc về tới bến An Hoa (nay là Yên Phụ) thì thủy hóa, hiển linh. Nhà vua sắc lập miếu thờ tại nơi đó.

12— Đền Dực Thánh là nền cũ của điện Kiền (Càn) Nguyên (1) triều Lý. Đền ở phía bắc ấp Hồ Khâu, địa thế đẹp. Đền thờ Dực Thánh tướng quân, người ấp Hồ Khâu cùng em là Vệ Quốc tướng quân có công dẹp giặc ở châu Bạch Hạc (nay thuộc tỉnh Vĩnh Yên) khoảng niên hiệu Thiên Thuận. Dực Thánh mất, chiếu vua dời điện Càn Nguyên làm đền thờ.

13— Đền thờ Vệ Quốc tướng quân.

Vệ Quốc là em Dực Thánh (không rõ tên họ của hai anh em là gì). Nhà ở

(1) Điện Kiền Nguyên là điện chính, nơi thiết triều của nhà Lý. Vậy có phải là ở nơi này ?

ấp Hồ Khẩu trên gò Ngự Đại, quay lưng xuống hồ, mặt trông ra sông Tô Lịch. Sau khi hóa, người trong ấp nhận nhà cũ lập làm đền thờ.

14— Miếu Thủy Công chúa.

Công chúa là con vua Lý Thần Tông, xinh đẹp khác thường, vua rất yêu mến. Người đời bấy giờ tin là con gái Động Đình Quân giáng thế. Khoảng năm Thiên Thuận vua gả cho Vệ Quốc Công. Không bao lâu, công chúa đi qua cầu Tân Lang trên sông Tô Lịch mà hóa. Vua xuống chiếu dựng miếu thờ bên sông, trước cầu Tân Lang và ban cho tấm biển ngạch đề ba chữ : Thăng Long điện.

Đời Lê Cảnh Hưng, hương cống làng Vân Canh là Trần Công Kiêm có soạn những câu đối đề ở miếu thờ như sau :

— Nhĩ thủy thất bách tải đô thành, đỉnh định long cơ bằng nhất xuất.

耳水七百載都城鼎定隆基憑一出

— Động đình tứ thiên niên thích phủ, khôn tư mỹ nghiệp nhã trùng quang.

洞庭四千年咸譜坤資美業迓重光

Nghĩa nôm :

— Bảy trăm năm sông Nhĩ thành đô, đỉnh vạc, lâu dài thu một mối.

— Bốn ngàn tuổi Động Đình chung họ, phong tư, nhan sắc hợp trùng quang.

Và ở ngoài cột trụ hoa biểu :

— Nhất sơ khai tịch gia vi quốc 一初開闢家為國

— Vạn cổ bang trì miếu dĩ đô 萬古邦池廟以都

Nghĩa là :

— Một phen gây dựng nhà nên nước

— Muôn thuở sông hồ, miếu ấy đô.

15 — Thái Hòa Kiều là cầu bắc qua sông Tô Lịch, nay là tại bến làng Thụy Chương. Cầu do vua Lý Thái Tông bắc khoảng niên hiệu Thông Thụy (1034-1038), là một thắng cảnh trên sông Tô, nhà vua thường ngự du và sai từ thần vịnh thơ. Có những sứ thần đến viếng Thăng Long cũng phải ca ngợi Thái Hòa Kiều là đẹp.

Sách Annam chí nguyện của Cao Hùng Trưng có viết : « Trên sông Tô Lịch bắc 5 cây cầu đều tuyệt đẹp ».

— *Tại phía tây nam hồ :*

16 — Mùa xuân niên hiệu Đại Định 21 (1160) đời Lý Anh Tôn vì có xi vụu yêu khí nên làm đền để trấn áp tại ấp Trích Sài, trên bãi Loa trong hồ Phương Đàm. Sở dĩ gọi là bãi Loa vì bãi hình tròn rộng hàng mấy mẫu (giống con ốc), đền tên là Huyền Nữ từ, trong sử chép : « Lập đền Huyền Nữ xi vụu » theo Tây Hồ chí vậy là sai. Còn tục gọi là Loa công chúa.

17 — Đền Đồng Cồ ở Đông Xã.

Sau vụ dẹp các hoàng thân Võ Đức vương, Dực Thánh vương, và Đông Chinh vương làm loạn để tranh ngôi (năm 1098) vua Lý Thánh Tôn mới lập lệ cứ hàng năm các quan phải đến đền Đồng Cồ làm lễ đọc lời thề rằng : «Làm con phải hiếu, làm tôi phải trung, ai bất hiếu, bất trung, xin quỷ thần làm tội ».

Trước khi tam vương chưa làm phản, nhà vua bấy giờ còn là thái tử Phật Mã nằm mộng thấy một vị thần tự xưng là thần núi Đồng Cồ ở xã Đam Nê, huyện Chân Định, tỉnh Thanh Hóa) báo cho biết trước việc mưu loạn để đề phòng. Đến khi thấy việc xảy ra đúng như lời thần đã mách, vua Thái Tôn phong thần Đồng Cồ làm tước vương, lập đền thờ ở sau chùa Thánh Thọ, là ngôi chùa lập ra từ thời Lý Thái Tổ.

— *Phía tây hồ :*

18 — Đầu triều Lý, dựng Thiên Phù các (gác) trên sông Giã La. Vua Lý Thần Tôn cho làm 84.000 bảo tháp. Khi làm xong mở hội khánh thành tại đây. Triều Trần đổi tên là gác Thiên Thụy. Các vua thường đến du hành. Sau đổi làm đền thờ Triệu Đô Úy, là một vị tướng quân triều Hồ, tính tình cương trực, có tiết tháo. Di tích lịch sử này nay thuộc thôn Trung Nha, xã Nghĩa Đô.

19 — Vạn Niên tự ở ấp Quán La (xưa gọi là Động Giã La), sách Tây hồ chí ghi rằng cổ thời tên là Vạn Tuế, nơi mà, niên hiệu Thuận Thiên thứ 5 (1014) vua Lý Thái Tổ chuẩn lời tâu của tăng thống Hữu Nhai, lập đài cho tăng thống thu giới, nơi mà sử chép có trận mưa ra gạo xuống đầy sân chùa và là nơi mà các danh tăng như Lâm Tuệ Sinh, Thảo Đường và Biện Tài kế tiếp trụ trì.

— Theo sử cũ thì chùa Vạn Tuế do vua Lý Thái Tổ cho dựng tại Thăng Long.

gần điện Thái Thanh hoặc quán Thái Thanh? Nếu là gần quán Thái Thanh thì tức là cũng ở gần chùa Chân Giáo tại miền gò núi Vạn Bảo tại phía nam Hồ Tây, mà chùa Vạn Niên hiện nay ở mãi cuối phía tây Hồ Tây, vậy xin hãy đề tồn nghi vấn đề này.

20 — Gò Thất Diệu cũng ở ấp Quán La, là một thắng cảnh tại bờ phía tây của Tây Hồ.

Thứ sử Lư Hoán đời Đường khi mới sang đến đây, thấy cảnh đẹp có hồ rộng, gò cao mát mẻ, lại có dòng sông Giã La uốn khúc giữa chốn đất bằng, cây cối lưa thưa, bèn nảy ý kiến dựng một lầu quán trên ngọn gò lớn nhất trong 7 ngọn Thất Diệu. Quán dựng vào khoảng giữa niên hiệu Khai Nguyên (713-741) nên lấy niên hiệu làm tên quán, ý muốn xưng tụng công nghiệp nhà Đường. Nhưng tục quen gọi là quán Giã La (1). Quán thờ Huyền Nguyên Hoàng đế tức là Thái thượng lão quân tức Lão Tử. Lão Tử họ Lý, các vua nhà Đường cũng họ Lý nên có ý nhận làm tổ và năm Thiên Bảo nguyên niên (742), vua Đường Huyền Tôn truy hiệu Lão Tử làm Huyền Nguyên hoàng đế và thờ ở Tân miếu tại kinh đô Trường An. Đạo Lão vì vậy rất phát triển dưới triều đại này.

Đến triều Lý, quán vẫn còn, cảnh trời nước mông lung, gió hè lộng thổi, nơi đây được các vua triều này mến ưa nên thường đến du ngoạn, lại thấy chân gò có hang, tuy không rộng nhưng dài sâu bèn sai lấy đá xây thành nhà như vòm cuốn, đặt tên là Thông Thiên động. Iâu ngày người ta không rõ sự tích nên nhận lầm là nơi người Tàu để của. Quán Khai Nguyên đến đầu niên hiệu Khai Hựu triều Trần (1329-1340) có đặt sĩ Trần An Quốc ngụ cư tại đây, lại có những tao nhân mặc khách thường qua lại hội ẩm, ngâm vịnh như Tư Đồ Trần Quang Triền, và Thái học sinh Thích hiệu Nguyên Sinh .

Khoảng niên hiệu Thiệu Phong đời Trần Du Tôn (1341-1357) nhà sư Văn Thao sửa lại quán làm chùa đặt tên là An Dưỡng tự, nhưng rồi sư phải bỏ đi nơi khác vì không chịu được sự phiền nhiễu ở nơi đây. Chùa bỏ hoang, sau dân cư dùng làm miếu thờ Sơn thần.

(1) Vua Lý Nhân Tôn dựng quán Khai Nguyên, vậy phải chăng cũng là quán này.

NHỮNG DI TÍCH KIẾN TRÚC DANH TIẾNG TRIỀU LÝ

Cho đến nay ai cũng công nhận là Phật giáo Việt Nam toàn thịnh dưới triều đại nhà Lý và các vua triều này đã hết lòng phù trợ Phật giáo, dựng chùa xây tháp khắp nước, không thời nào sánh kịp, nhưng ngót ngàn năm, trải qua bao cuộc tang thương, binh hỏa, lão hoại, những công trình kiến trúc xưa chẳng còn lại được bao nhiêu. Trong số còn lại, lại bị tu sửa, canh tân nên chỉ còn dăm ba ngôi chùa còn giữ lại ít nhiều đường nét triều Lý, một hai ngọn tháp hoặc tàn tích đặc biệt may mắn là còn bảo tồn được hình trạng kiến trúc và kiểu thức nguyên thủy của thời đại văn hóa rực rỡ và độc đáo nhất này trong lịch sử Việt Nam.

Những di tích quý báu đó là mấy ngôi chùa và những ngọn tháp đã nói ở trên trong đoạn « Nhà Lý bồi đắp Phật giáo ». Ngoài ra nhiều nơi còn đủ những chi tiết để làm chứng tích rõ ràng như sau :

Tại miền ngoại ô phía Tây Hà Nội, người ta thấy nhiều những đồ gốm, những hòn gạch, những viên ngói, những mảnh sành mảnh sứ trang hoàng tinh vi, rực rỡ và kiểu thức thì độc đáo, nên nhân vùng này có di tích thành Đại La mà các nhà học giả của trường Viễn Đông Bác Cổ gọi là nghệ thuật Đại La. Nhưng dần dần người ta thấy tại nhiều nơi khác trong miền Trung châu Bắc Việt cũng có những vật như thế và tuy nhận ra rằng phần lớn là những thành phần trang trí kiến trúc như gạch hoa, ngói men, những đề tài trang hoàng trên nóc mái, nhưng có nhiều cái vẫn không xác định được vị trí hay công dụng như thế nào. Phải chờ đến khi phát hiện ra ngọn tháp Bình Sơn, rồi nền tháp chùa Phật Tích và cả một số tháp nung, nhiều hồ nghi thắc mắc mới được giải đáp.

Trước hết tại vùng Đại La và Thăng Long xưa, người ta thấy nhiều cây tháp nung màu gạch đỏ, kiểu cách tương tự như những cây tháp nung đời Đường tại Bát Vạn Sơn. Tháp thường gồm có 7 tầng, tầng dưới to, trên nhỏ dần. Thân tháp tầng dưới cùng mỗi mặt rộng khoảng 15 cm. Tại giữa mỗi mặt có một hình Phật ngồi trong ô cửa sổ tò vò. Phần thân tháp hai bên trang trí bằng một nền vân hoa thị 4 cánh. Mỗi tầng cách nhau bằng ba đợt gờ đỡ một vành mái ngói âm dương, tất cả đều uốn cong vênh lên ở 4 góc.

Ta có thể đoán rằng đây là một di tích còn lại trong số 81.000 cây tháp mà vua Lý Thần Tông đã đặt mở hội khánh thành năm 1129 (hoặc năm 1132?) tại gác Thiên Phù nơi góc Tây Nam Dâm Đàm (Hồ Tây). Cũng ở những nơi đây người ta tìm thấy những mảnh, những đoạn tháp nung hình dáng thất nở rõ rệt hơn, và trang hoàng hoa mỹ hơn. Có đoạn là tầng dưới của một cây tháp đặt trên một nền bệ tòa sen hai tầng cánh hoa, chân bệ có đính những hình lá bồ đề (hay lá sồi) chạy theo một đường dài khắp 4 mặt bệ. Thân tháp cũng trang hoàng bằng những hình hoa thị 4 cánh, hai bên cửa vào ở mỗi mặt có 2 pho tượng Kim cương mang trụ giáp như những võ tướng đứng chống gươm giữ cửa. Bên trên thay vì làm vành mái thì có những gờ chỉ thất rồi nhô ra như hình cổ dăng để đỡ những tầng trên thu nhỏ hẳn lại.



HÌNH VẼ SỐ 8

THÁP NUNG ĐẠI LA
(Đời Lý) Thế kỷ XII
Tháp nung đồ gốm Bát Tràng



HÌNH CHỤP SỐ 10

THÁP NUNG ĐẠI LA (Đời Lý) thế kỷ XII
Tháp nung màu gạch đỏ dầu thế kỷ XII
Xuất xứ : Đình Phật Lộc Hà nội

Có những mảnh tháp cho ta thấy thân tháp trang hoàng bằng những ô hộc nhỏ ở 2 bên cửa tò vò chính giữa. Trong mỗi ô này có một hình Phật nhỏ. Đây là kiểu tháp Thiên Phật. Có những mảnh tháp cho ta thấy dấu tích những cái mào trang trí hình lá đề gắn trên mỗi đầu ngói tròn thành một hàng ngang dài nơi diềm mái, và những chóp pháp có khi làm theo hình một búp hoa sen.

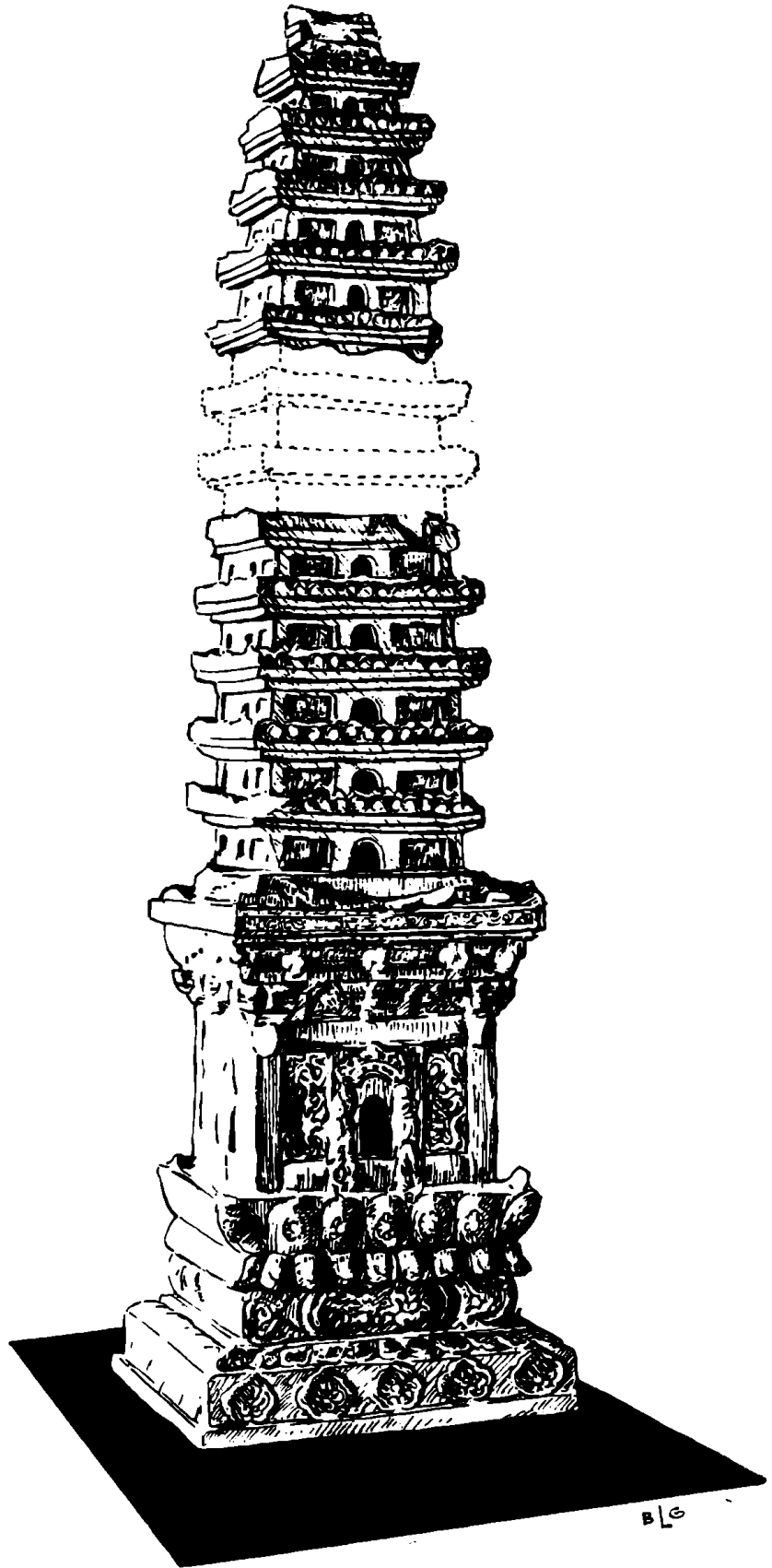
THÁP CHÙA PHẬT TÍCH

Trong những năm 1937 và 1940 trường Viễn đông Bác cổ đảo nền chùa Phật Tích tại huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, tìm thấy một nền tháp vuông mỗi chiều rộng 8m, 50, nhiều vật điêu khắc trên sa thạch và nhiều gạch nung lớn nhỏ khác nhau, đều một màu đỏ tươi in khắc hàng chữ : « Lý triều, đệ tam đế, Long Thụy Thái Bình

Tháp «thu nhỏ» làm ở Bát Tràng của riêng ông Đỗ Đình Thuật

HÌNH VẼ SỐ 9

Tháp sư, sản phẩm Bát Tràng tìm thấy ở Đại La, sưu tập Đỗ Đình Thuật.





HÌNH CHỤP SỐ 11

***Nghi thần (Kimari) tạc bằng đá
Phát hiện dưới nền chùa Phật-tích
Huyện Tiên-du, tỉnh Bắc-Ninh khoảng năm 1940***



HÌNH CHỤP SỐ 12

*Chân tảng bằng đá chạm phát hiện tại nền chùa Phật Tích
khoảng năm 1942, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.
Nghệ thuật triều Lý Thánh Tôn. (1054-1072)*

đệ tứ niên» (1057). Những vật bằng đá đào được gồm : một tượng Bồ tát, một pho tượng Kim cương, mấy pho Ca lãng tần già (hay Nghi Thần Kinnari : thiên nữ đầu người mình chim chơi nhạc khí), nhiều đá tảng trạm vòng cánh sen và những nhạc công, hai mảnh tảng đá chân cột và những bộ « con sơn chông đấu ».

XEM HÌNH CHỤP SỐ 11

Những đồ vật này đều chạm trổ tinh vi như mặt thêu trên đá, diễm lệ như đồ trang sức và sinh động như thấy hiển hiện trước mắt đoàn vũ công vừa nhảy vừa hòa tấu rộn ràng.

Tương truyền ngày xưa trên nền chùa Phật Tích có một ngọn tháp cao đến nổi từ kinh đô (Thăng Long) cũng trông thấy. Sau cây tháp đổ người ta thấy còn lại một pho tượng Phật bằng đá bèn làm chùa để thờ gọi là Phật Tích hay Vạn Phúc.

XEM HÌNH CHỤP SỐ 12

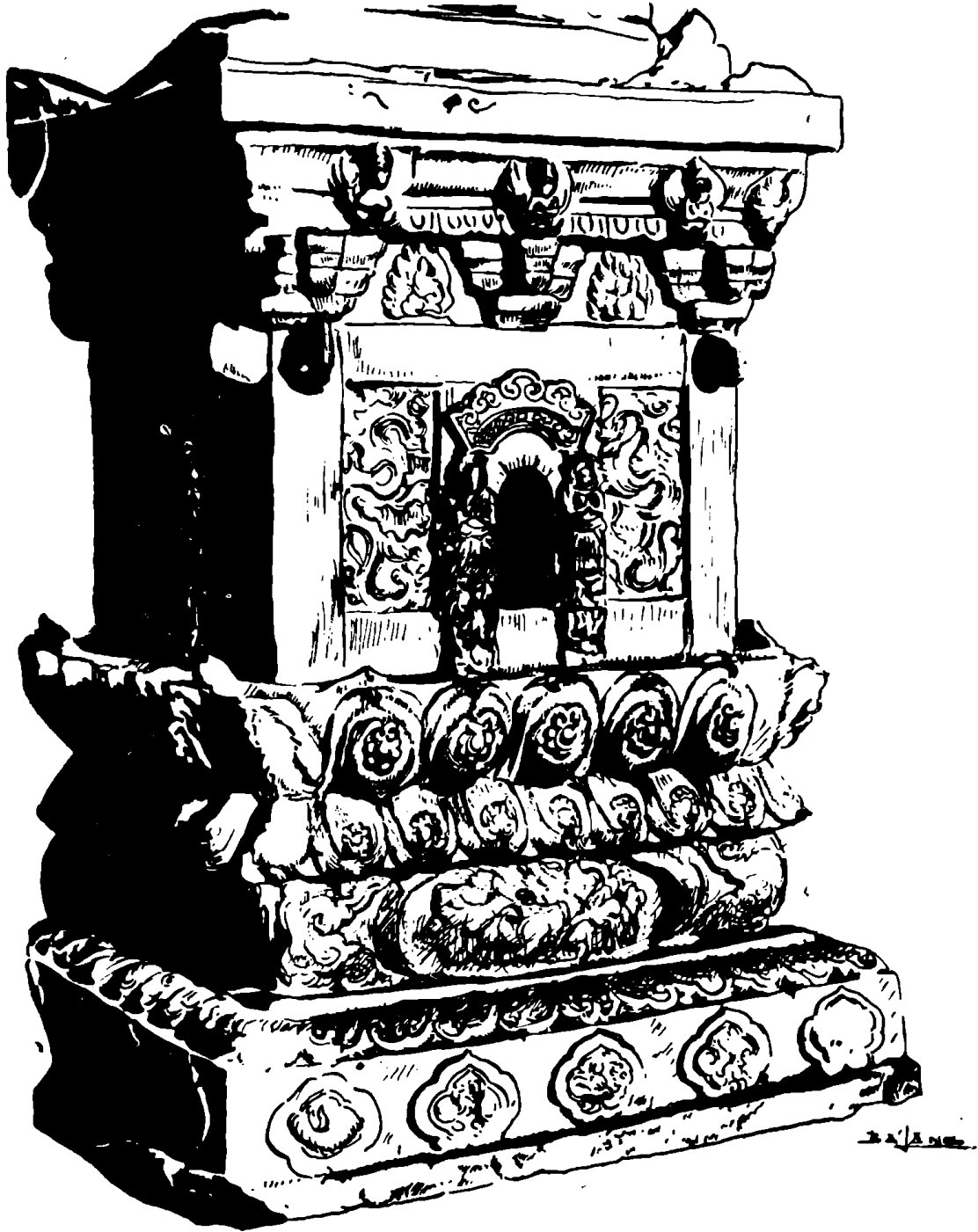
Theo tấm bia chính của chùa thì năm thứ 4, Long Thụy Thái Bình (1057) vua Lý Thánh Tông sắc dựng một ngọn bảo tháp cao 10 trượng (42m) và tạc một pho tượng mạ vàng cao sáu thước (2m, 4). Ngày nay sau cuộc tàn phá vì chiến tranh khoảng năm 1947, còn lại ở giữa nền chùa pho tượng Di Đà ngồi trên tòa sen, mưa nắng đã róc hết lớp sơn phủ ngoài để lộ nguyên mặt đá màu xám trắng và những nét điêu khắc sắc sảo tinh vi. Ngoài ra còn có những con rồng mảnh mai, mình rắn, mũi dài miệng rộng kiểu thủy quái Makara của Mỹ thuật Chăm — Ấn Ni (Nam Dương) cùng những đường thủy ba và vân núi chập chùng trang hoàng nơi chân bệ. Tượng tạc lớn bằng người thật và chiều cao gồm cả bệ tòa sen vào khoảng 2m,5. Vậy rõ ràng pho tượng nói trong bia và những đồ đào được là tàn tích cây tháp của vua Lý Thánh Tông (1).

THÁP SỨ « BÁT TRÀNG » ?

Hình dung cây tháp như thế nào, ta có thể căn cứ vào những tác phẩm đã đào được giống những thành phần trang trí trên cây tháp nung « Sứ trắng Bát

(1) Ô. Bezacier viết trong « L'art Vietnamien » trang 138 và 181 rằng đây là di tích cây tháp do Cao Biền dựng lên khoảng năm 866-870, nhưng ông đã lầm vì sách Đại minh Dục thông sử ghi là nơi Cao Biền dựng tháp không phải là núi Phật Tích hay Vạn Phúc, tuy hai nơi cùng ở trong địa hạt Bắc Ninh ngày nay.

tràng» cao 1m,05 thước, (không kể phần khuyết gãy), hình như tìm thấy ở Đại La (sưu tập Đỗ Đình Thuật) mà phục nguyên công trình kiến trúc này với một



HÌNH VẼ SỐ 10

Tháp sứ Bát Tràng (tầng dưới)
(sưu tập Đỗ Đình Thuật)
tìm thấy trong miền Đại La (ngoại ô Hà nội)

tỷ lệ to lớn gấp bội : Trước hết tháp có một tòa bệ sen chạm trổ lộng lẫy rồi đến tầng nhất, tầng cao lớn quan trọng hơn cả và cũng nhiều đề tài trang trí hơn, gồm có tượng Kim cương mặc giáp trụ đứng trấn hai bên mỗi ô cửa, trên cửa có đắp một tấm trướng (1) nẩy ra như một vành khăn trên trán. Cạnh góc cửa tháp có gờ trụ vuông nhắc lại những dàn cột trong kiến trúc bằng gỗ với những bộ «*con sơn chông đầu*» đỡ tầng mái. Mỗi bộ «*chông đầu*» có một thiên nữ (Ca lãng tần già) xòe cánh đậu bên trên và khoảng trống giữa hai bộ đầu có chạm một hình lá sồi hay lá bồ đề. Diềm mái tận cùng tầng tháp chạm hoa dây lá cuốn chạy quanh bốn mặt. Những tầng trên kém quan trọng và nhỏ thấp dần dần để tận cùng bằng chóp tháp.

THÁP BÁO THIÊN

Cùng lúc dựng tháp ở núi Phật Tích (hay Lạn Kha), vua Lý Thánh Tông còn cho dựng cây tháp Đại Thắng tư thiên, gọi tắt là tháp Báo Thiên trong chùa Sùng Khánh tại kinh thành Thăng Long (2). Tháp Báo Thiên chắc là còn vĩ đại, lộng lẫy hơn tháp Phật Tích và các tháp ở Việt Nam từ trước đến nay. Khởi công năm 1057, tháp được xây cao 20 trượng; chia ra làm 12 tầng, ngọn bằng đồng hình tựa ngọn núi (3) chót vót trên nền trời Đé đô.

	Trấn áp Đông tây củng đế kỳ	鎮	壓	東	西	鞏	帝	畿
	Khuy nhiên nhất tháp độc nguy nguy	轟	然	一	○	獨	巍	巍
報	Sơn hà bất động kinh thiên bút	山	河	不	動	擎	天	筆
	Kim cổ nan ma lập địa chùy	金	古	難	磨	立	地	錘
天	Phong bãi chung linh thời ứng đáp	風	擺	鐘	鈴	時	應	答
	Tinh di đặng chúc dạ quang huy	星	移	燈	燭	夜	光	輝
塔	Ngã lai dục tỷ đề thi bút	我	來	欲	比	題	詩	筆
	Quần lãnh xuân giang tác nghiên tri	管	領	春	江	作	硯	池

Phạm Sư Mạnh (4)

Tạm dịch vần :

Trấn áp đông tây giúp đế kỳ,
Vọt cao một tháp vẻ uy nghi.

(1) Trướng là thành phần trang hoàng bên trên những ô cửa xưa, trên những hoành phi. Cửa võng cho thêm phần trang trọng lộng lẫy.

(2) Địa điểm ở chỗ nhà thờ lớn Hà nội ngày nay.

(3) Trần bá Lãm : La Thành cổ tích vịnh (triều Lê).

(4) Phạm sư Mạnh, người Kinh Môn (Tỉnh Hải Dương làm quan triều Trần).

Chống trời chẳng động non sông bút,
Tháp vững bao đời vẫn chẳng suy.
Gió thổi chuông ngân vang ứng đáp
Đêm sao, đèn đuốc ánh lưu ly.
Đến đây những muốn câu thơ sánh,
Nhận lãnh sông xuân làm nghiêng tri.

Tháp này là đệ nhất danh thắng của chốn đế kỳ trải bao triều đại, cho đến khi Vương Thông nhà Minh bị Bình Định Vương vây hãm bèn phá hủy tháp để lấy đá làm vật liệu chống cự vào năm 1414. Nền tháp còn lại to rộng như cả một quả đồi, có thời dùng làm nơi họp chợ, đến năm Giáp dần (1791) khi dỡ ra để lấy gạch đá xây thành còn thấy 8 pho tượng Kim cương, chia đứng trấn 4 cửa, những tượng người tiên, chim muông cho đến những giường ghế chén bát không kê xiết đều bằng đá cả. Những hòn gạch hoa hòn nào cũng khắc những chữ : « Lý gia đệ tam đế, Long Thụy Thái Bình tứ niên tạo » (1).

THÁP CHÙA DIÊN HỤU VÀ ĐỘI SƠN

Năm Long Phù thứ 5 (1105) vua Lý Nhân Tôn cũng cho xây trước chùa Diên Hựu (chùa Một Cột) hai ngọn tháp sứ trắng. Nay đào tìm trong đất chùa còn nhặt được những hòn gạch nguyên lành bằng đất trắng, cạnh trạm rồng và hoa lá, nét



(Gạch tráng men sứ trắng tìm thấy ở Hữu Tiệp Hà nội)

HÌNH VẼ SỐ 12

*Gạch Sứ chạm rồng, phát hiện tại Hữu Tiệp (ngoại ô Hà nội)
và tại khuôn viên chùa Nhất Trụ.*

(Nghệ thuật triều Lý Thế kỷ XI—XII)

sắc sảo tinh vi, tất cả đều phủ men trắng. Năm thứ 9 Hội trường Đại Khánh (1118) vua dựng trên núi Long Đội (nay thuộc tỉnh Hà Nam) ngọn Sùng thiện Duyên linh bảo tháp ; sự tích tháp như sau :

(1) Tùng Niên : Tang thương ngẫu lục : Tháp Bảo Thiên.

SỰ TÍCH CHÙA ĐỘI SƠN (1)

Ngày tháng 5, năm thứ 9 đời Hội Tường Đại Khánh (1118) vua thứ tư nhà Lý, thuở bấy giờ thiên hạ thái bình, vua ngự thuyền đi chơi, xuống qua làng Đội Sơn, trông thấy núi mọc chia ra bờ sông, hình đá lởm chởm, mà trên núi lại phẳng phắn, mới sai đậu thuyền ở đó, đòi các quan đi theo hầu lại mà hỏi rằng : « Trẫm muốn làm chùa ở đây, các quan nghĩ thế nào ? » Các quan tâu rằng : « chúng tôi có nghe các ông già ở trong làng này nói chuyện rằng, núi này ngày xưa có một ông tu hành đắc đạo, rồi thiêu mình để thành Phật, người ta lấy xương để vào một cái hòm mà thờ trong cái chùa ở núi ấy ; nay Hoàng đế có lòng làm phúc mở rộng lớn ra, xin đặt tên cho cái núi này là núi Long Đội ».

Vua lấy làm bằng lòng. Lúc ấy mới khởi công làm, sai người xem hướng, trước mặt trông xuống sông Kinh, lúc im gió thì nước phẳng như tấm lụa biếc, sau lưng dựa vào núi Diệp, khi tạnh mưa thời đá xanh như màu chàm, bên tả gần đồng bằng, bên hữu có nước chảy. Mà những thợ hết lòng dâng cách khéo, dân cố sức đến làm việc công, chạm đá làm cột, xây nên cái tháp 3 tầng cao ngất trời, mở ra bốn mươi cửa thông gió, (2) vách chạm ô rồng, cột treo nhạc vàng ; trên ngọn làm một người tiên bưng cái mâm hứng sương, tầng trên làm chỗ để cái hòm đựng xương, tầng dưới làm tám ông cầm gươm, tầng giữa làm một ông Phật Như lai, dựng cờ phướn, cầm lọng vàng ; thêm với sân có từng bậc lên xuống, hai bên tả hữu có nhà hành lang.

Vã lại bực thêm thứ hai, thời bên tả làm một cái nhà vuông cao, có hai con rồng nằm chầu, có tám ông tướng đứng hầu, bên hữu làm nhà để khám thờ Phật, bực dưới nữa thời làm cái gác cao. Ở đằng trước, treo một cái chuông đồng, và buộc một cái rui lớn xây tường chung quanh, mở hiên bốn mặt, bắc cầu làm đường, trồng thông hai dãy, riêng một bầu trời, mở ra cõi Phật, để cầu nguyện cho nhà nước lâu dài, đức vua tràng thọ.

Tính từ lúc khởi công là năm thứ 9 đời Hội Tường Đại Khánh đến năm thứ hai đời Thiên Phù Duệ vũ (1121) mới xong, vua đặt tên cái tháp rằng : Sùng thiện Duyên linh bảo tháp nghĩa là cái tháp quý để làm sự lành cầu sống lâu.

(1) Trích Recueil de textes nouveaux... par A. Cheon. Hanoi. Imprimerie F. H. Schneider 1903.
Bài này không ghi xuất xứ ở đâu ra. Có lẽ đây là bài dịch một văn bia chùa.

(2) Tháp 3 tầng, 40 cửa ; ở đây có sự ghi nhầm số tầng hoặc số cửa chăng ?

Khi đã làm xong rồi, mới mở hội thời quân quan chặt đường, ngựa xe như nước, khói hương quanh cả núi khe giống khí mù, cờ phướn khắp cả đường xá như giáng đổ, tiếng chuông tiếng trống tựa sấm vang, tiếng khánh tiếng mõ hình nước réo. Các bà trong cung kéo ra, các người bốn phương họp lại ; trước cửa thời bày trò chơi, trong chùa thì bày đàn chay, hội các sư lại mà tụng kinh cúng Phật, và phát gạo cho kẻ đói, ban tiền cho người nghèo, các bách thần ở trên thiên đình và dưới thủy phủ điều giáng hạ, cùng những người ở dương gian với hồn âm phủ cũng lai lâm. Cho nên Tiên Phật độ trì, trời đất phù hộ được mọi sự, lên ngôi trị nước sớm đẻ con trai, họ hàng thịnh vượng, xã tắc lâu dài, các đấng tiên hoàng khi ngự cõi tiên đều lên đất Phật, các ông hoàng thân đều khiêm nhượng, các bà cung phi cũng kính hòa. Bốn mùa khí thuận cây cối được mùa, muôn dân giàu thịnh, trong cõi yên lành, ngoài biển không có giặc cướp, trong nước không có rối loạn. Lớp ấy các quan có làm bài văn đề khắc vào cái bia ở chùa ấy, bà Thái hậu cúng vào chùa 72 mẫu ruộng, có chỉ tha thuế cả. Đến sau phải giặc Minh tàn phá, phong cảnh không được như trước. Qua năm Tân mao nhà Mạc, các quan và các làng ở sở tại đấy mới chữa nhà bia và cửa với tường lại. Năm thứ 2 đời vua Cảnh Hưng nhà Lê, ông tổ sư đời thứ nhất ở chùa ấy làm gác chuông, các động tháp điện, nhà tiền đường, nhà tổ, nhà hậu, và đúc thêm một quả chuông nữa, cùng tổ ông Phật Tứ Phủ, Phật Di Đà, Phật Quan Âm, Phật Di Lặc, mười tám tượng La Hán ».

Sau khi tháp bị quân nhà Minh phá năm 1413, nay còn lại 8 ông Kim cương « cầm gươm » giống kiêu tượng Kim cương tìm thấy ở nền chùa Phật Tích (Bắc Ninh).

XEM HÌNH CHỤP SỐ 13

THÁP BÌNH SƠN

Nhà Lý dựng nhiều bảo tháp, hầu hết bị vỡ phá nay rất may mắn mà còn lại một cây tương đối toàn vẹn gọi là tháp Then tại chùa Vĩnh Khánh, làng Bình Sơn, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Yên, bởi vì vị trí hẻo lánh của vùng này.

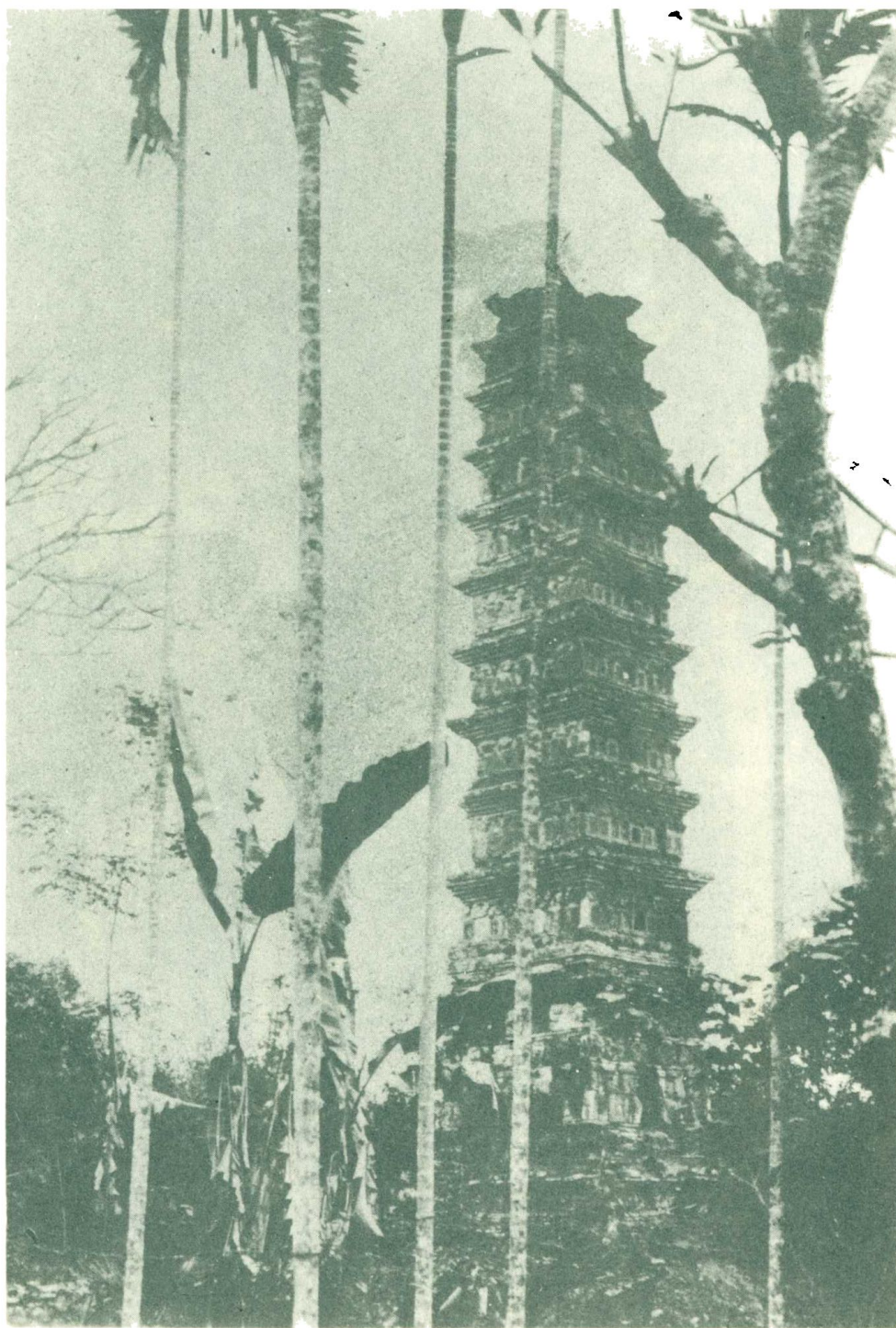
XEM HÌNH CHỤP SỐ 14

Tháp xây vuông, toàn bằng gạch nung già, màu đỏ xẫm. Chiều cao nay còn sót 15m, chân rộng dư 4m, ngọn thu lại còn 2m. Lòng tháp trống rỗng, thông suốt từ nền đến ngọn, nhưng mặt ngoài tháp chia làm 11 tầng đứng trên hai cấp bệ và



HÌNH CHỤP SỐ 13

***Chùa Đọi tại Long-Đọi Sơn
Tượng Kim-Cương bằng đá, tạc năm 1121.***



HÌNH CHỤP SỐ 14

*Tháp Bình Sơn
Huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh-Yên — Thế kỷ XI*

một tòa sen. Bệ dưới đơn giản nhưng cũng có một hàng gạch cao 12 phân, trạm thành một đường lá cúc uốn đi uốn lại mềm mại, sắc sảo. Đoạn đến phần bệ cổ đăng (1) thân chia ra thành những ô dài, chạm sư tử hí cầu khá linh hoạt; bên trên là đường lợi chuông và đường gờ, mặt bệ chạm hạt ngọc bầu dục viền cánh hoa. Trên bệ là tòa sen gồm ba tầng cánh sen to nôi, tầng dưới úp sấp, hai tầng trên lật ngửa, cách nhau bằng một nếp ống như bó chắc lấy tòa sen.

Từ đây trở lên là thân tháp, bắt đầu bằng tầng thứ nhất, tầng này cao 3m, quan trọng hơn cả, mỗi mặt có một khuôn cửa chữ nhật chêm cạnh hai góc trên. Chỉ có cửa phía tây mở, còn cửa ba phía bít kín. Trên mỗi khuôn cửa có đắp « trương tai » (lá nhĩ) kiểu độc đáo này vừa dẻo vừa mạnh trang trí bằng hình hoa lá và hạt ngọc viền cánh hoa.

Mỗi bên cửa có ba ô chữ nhật đứng, viền cánh sen, trong mỗi ô có ba vòng tròn, trong chạm rồng uốn khúc rất uyển chuyển. Trên hàng ô chữ nhật và cửa là một vòng đai đỡ hai tầng « con sơn chông đầu » chạc ba, phỏng theo kiểu kiến trúc Trung Hoa. Khoảng giữa những bộ chông đầu điếm một hình lá sồi có giấy lá cuốn trong lòng. Hàng « con sơn » đỡ năm hàng gạch xây nhô đầu ra thành một tầng mái. Trên mái này là bệ của tầng nhì có một hàng cánh sen lật ngửa đỡ thân tháp. Tầng này trở lên các tầng trên thân ngắn hẳn đi, đều có ở mỗi mặt một khuôn cửa sổ tò vò nhưng đều bít kín, mỗi bên cửa có bốn ô chữ nhật viền cánh sen, trong lòng in hình một cây tháp nôi, ba tầng rất tỉ mỉ. Phía trên cũng có một hàng con sơn chông đầu nhưng thanh nhỏ dần và khoảng cách giữa hai bộ con sơn cũng điếm hình lá sồi. Trên hàng con sơn là tiếp ngay tầng mái gạch. Tầng mái này như các tầng trên cũng gồm nhiều gờ gạch xây trồi ra nhưng tới gờ trên cùng làm điếm mái thì chạm trở nhiều bằng những hình hoa dây và ở bốn góc phần trên hót lên thì chạm hình lá sồi uốn bẻ ra hai mặt.



Bình Sơn Ngói và những thành phần trang hoàng ở đầu ngói tìm thấy ở Hình Nhân gần Bình Sơn.

HÌNH VẼ SỐ 11

Đầu ngói phát hiện tại Hình Nhân, gần Bình Sơn huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Yên. Nghệ thuật Đại La (triều Lý thế kỷ XI).

Các tầng trên cứ tiếp tục nhắc lại như vậy nhưng thấp nhỏ dần đến tầng thứ

(1) Cổ đăng: phần thụt vào như ở các bàn, đăng, án xưa, dưới mặt và trên thân hoặc chân bàn.

11 này là tầng cuối thì chỉ còn cao 1m,20 và diềm mái còn rộng non 2m. Chóp tháp xưa như thế nào, nay không được biết vì đã đổ từ lâu. Tại chân tháp người ta có nhặt được những miếng ngói âm dương kiểu ống trúc mà ở trên những hòn ngói úp, gần nơi đầu diềm có gắn những cái mào trang trí hình lá bồ đề. Kiểu trang trí này không hề thấy trang trí trên những mái Trung Hoa, nhưng có thể thấy trang trí trên những mái đền chùa của các xứ Đông Nam Á thuộc văn hóa Ấn Độ.

Ngoài ra điều đáng đề ý là tháp xây bằng nhiều khổ gạch khác nhau vì gạch xây đề trần, không tò hồ, cần đáp ứng theo những thành phần kiến trúc và đề tài trang trí nên chỗ đai, gờ, diềm, gạch phò cạnh mỏng, trái lại tại thân tháp, cần những nền phẳng cho những hình chạm rộng lớn hơn nên người xưa đã gắn những phiến gạch hoa lên mặt tường tháp xây bằng gạch thường. Đây là diềm kỹ thuật đặc biệt của tháp. Tháp tuy cũng chịu ảnh hưởng của kiến trúc Chăm về ý niệm xây cất bằng gạch đề trần như các tháp khác đời Lý nhưng lại khác tháp Chăm về diềm các tháp Chăm mặt xây gạch đều cỡ rồi điêu khắc, trực tiếp ngay vào. Tháp Bình Sơn đã có những phiến gạch điêu khắc, hoặc đập khuôn trước rồi mới đem sắp ghép lại gắn vào thân tháp bằng những cái móc tương truyền làm bằng chì mà nay còn thấy những lỗ chân hồng. Ý niệm dựng tháp và hình dung phỏng theo Trung Hoa cũng như một số đề tài trang trí như con sơn chông đấu, tượng Kim cương, con rồng, nhưng không phải vì thế mà tháp không có những đường nét uy nghi gợi cảm riêng với những gò, đai, thân, bệ, chỗ nhô ra, chỗ dật vào cắt chiều cao dài của tháp thành những tầng đoạn rất cân xứng, được trang trí vừa chừng mực, vừa phong phú, vừa đượm vẻ mỹ thuật điêu khắc Chăm. Tóm lại kiến trúc sư nghệ sĩ xây tháp đã tỏ ra một khiếu thẩm mỹ tinh tế, có cân nhắc, suy tính kỹ càng, trong tác phẩm này tượng trưng cho sự phối hợp hai nguồn văn hóa chính là Trung Hoa và Chiêm Thành để tạo ra một sắc thái văn hóa Việt Nam tồn tại cho đến cuối đời Trần, Hồ.

Cách Bình Sơn 10km người ta tìm thấy ở Kim Tôn một di tích tháp bằng gạch kiến trúc và điêu khắc tương tự như tháp Bình Sơn và ở các nơi khác như Đa Giá (Ninh Bình), chùa Đọi (Hà Nam), chùa Phả Lại (Bắc Ninh), chùa Cói (Vĩnh Yên)... những vật hạng kiến trúc mà ngoài đề tài điêu khắc, trang hoàng kẻ trên còn có những hình hoa cúc, hoa sen nhìn chếch nằm gọn trong lòng lá cúc mọc (1) cuộn tròn, những vân dây leo lá cuốn uốn éo vòng đi vòng lại, những đồng tử múa may, những chim thần Garuda (ảnh hưởng Chăm) tất cả đều có vẻ sinh động, nồng nhiệt đặc biệt của một thời đại huy hoàng.

(1) Hình lá giống như những dấu phẩy, móc nét mập mập.



HÌNH CHỤP SỐ 15

*Chùa Nhất-Trụ (một cột) hay Liên hoa Đài
tại Hà-Nội, khởi tạo năm 1049 triều vua Lý-thánh-Tôn,
trùng tu lại như hình trên vào năm 1954.*

CHÙA MỘT CỘT

Di tích còn lại từ triều Lý nổi danh nhất ngày nay là chùa Một Cột có tên chữ là Nhất Trụ tự hay Liên Hoa đài. Sự tích đã nói ở đoạn trên « Nhà Lý bồi đắp Phật giáo » ngoài ra còn có vài thuyết nói khác nhau ít nhiều. Ngôi chùa này không phải nguyên vẹn từ năm 1049 triều vua Lý Thái Tôn. Thành phần mà ta có thể tin được là nguyên vẹn từ triều này thì chỉ có cây cột đá gồm hai khúc tròn chổng khớp lên nhau đường kính 1m,20 đội tòa chùa bèn trên như thể một cái cuống đưa đóa hoa sen nổi trên mặt một hồ nước vuông nhỏ mỗi bề rộng khoảng 16m. Tòa chùa đã sửa đi chữa lại nhiều lần, đại lược suốt các triều đại và vào những năm 1101, 1105, 1838, 1864, 1922. Hồ nước cũng thay hình đổi dạng còn tường hoa bao quanh mới xây lại khoảng năm 1923. Cầu thang mới xây vào khoảng đầu thế kỷ này. Kiểu thức như ngày nay được thấy có thể cho là gần đời Hậu Lê hơn là thời Lý vì những ngôi lợp, vì những hình đắp trên mái và cả những nét chạm trổ trên bộ giàn trờ (sườn nhà). Tuy nhiên tám bộ xóc nách (con sơn) to mập bằng gỗ, tỳ vào thân trụ đá để đỡ một tòa chùa vuông vức mỗi cạnh sàn đo được 4m,20 (1) có hành lang cùng bao lan con tiện chạy quanh bốn phía cung thờ Phật Quan Âm, dưới bốn mái góc vươn cong tạo thành một hình khối đẹp, một sáng tác kiến trúc độc đáo, nên chùa Nhất Trụ vẫn xứng đáng nổi danh và được coi là vật tiêu biểu cho nét đặc thù của nền kiến trúc Việt Nam.

XEM HÌNH CHỤP SỐ 15

CÁC TÒA PHẠM VŨ

Nhà Lý xây cất nhiều chùa chiền, nhưng hầu hết đã bị biến đổi trong những thành phần trang trí, kiểu thức và cả cơ cấu kiến trúc bởi vậy nên khó mà có thể nói rằng có những kiến trúc, bằng gỗ còn được giữ nguyên trạng từ triều Lý. Tuy nhiên có những di tích sau đây còn những nét kiến trúc, điêu khắc trang hoàng khác với các thời sau đó là : tòa Thượng điện chùa Cả tại Sài Sơn (tỉnh Sơn Tây), tòa chính điện chùa Thành Đạo (chùa Đậu) tại phủ Thường Tín tỉnh Hà Đông, gác chuông chùa Keo tại làng Dũng Nghĩa (huyện Giao Thủy, tỉnh Thái Bình).

— Tòa Thượng điện chùa Cả (chùa Thầy) là một kiến trúc đơn giản mà hùng mạnh. Trông bên ngoài là một tòa mái rộng ngói to dày chụm lên bốn mặt

(1) Vừa một tượng xư.

hiên thấp đứng trên một nền bệ đất cao. Bên trong là một bộ sườn nhà cao lớn với những cột to kéo mập đội một mái nhà một gian hai chái nhưng to rộng khác thường. Cột kèo chạm trổ đơn giản nhưng những vách gỗ bọc chung quanh được cấu tạo theo kiểu nong đố dày chắc. Chân đố có chạm hai giải hoa lá và cánh sen trổ thủng, nét dẻo mạnh phẳng phát kiểu thức Chăm và ở giữa mỗi mặt vách sườn trổ ô cửa thông gió trang trí bằng một ô rỗng ngang vùng vẩy giữa đám hoa lá, cùng lân châu phượng múa trạm trổ trông rất hùng hoạt.

XEM HÌNH CHỤP SỐ 16

Tại tòa Thượng điện, này có một chi tiết đáng cho ta chú ý nhất là cho ta thấy căn nguyên của cái tàu đao. Tàu đao tức là cái đòn tay (hoành) hình chữ nhật đứng nghiêng ở gần sát diềm mái và uốn cong lên ở các góc mái như lưỡi đao (dao) chi tiết này tạo thành đặc điểm của kiến trúc cổ truyền tại miền Bắc Việt Nam. Tàu đao chưa thấy xuất hiện ở đây những cái đòn tay (hoành) cuối cùng gần diềm mái đáng lẽ làm tròn như những hàng trên thì ở đây, cũng đã xẻ thành hình chữ nhật để đứng nghiêng và hơi hót cong nơi góc mái, cho ta thấy rõ là cái tàu đao mới đang trên lịch trình hình thành.

Tại tòa chính điện kiểu chữ công 卍 ở chùa Thành Đạo (chùa Đậu) tỉnh Hà Đông, ngói trên mái còn to dày hơn cả ở chùa Thầy. Vách điện cũng làm theo kỹ thuật ván nong, đồ dày dặn và trang hoàng rất hoa mỹ. Chính giữa vách trổ những ô cửa chạm rồng, phụng, tứ linh, rất giống ở thượng điện chùa Thầy cùng những hình đồng tử hai tay dâng từng chữ « thánh thọ (vô cương ?) ». Ngoài ra cột có chạm những ô rỗng theo chiều cao và trên những trượng cửa chạm người tiên. Hình chạm đều rất linh hoạt, tinh xảo. Vì vậy trước đây chùa Đậu được coi là nơi có những tác phẩm điêu khắc trên mặt gỗ đẹp và khéo vào hàng nhất Việt Nam.

XEM HÌNH CHỤP SỐ 17, TRANG 89

— Chùa Keo tên chữ là Thần Quang tự, làng Dũng Nghĩa, huyện Giao Thủy (tỉnh Thái Bình) là cảnh chùa do thiền sư Nguyễn Minh Không tức Không Lộ lập ra từ khoảng đầu thế kỷ XII. Chùa nguyên dựng ở ngay trên bờ sông Nhĩ Hà, nên bị nước sói lở dần. Trước khi chùa bị đe dọa trôi đổ hết về triều Hậu Lê thì Thượng quận công Nguyễn Quyên nằm mơ thấy một thiền sư ra lệnh cho dựng lại chùa. Quận công bèn dựng cúng vườn đất để di chùa đến vị trí ngày nay rồi nhờ có nhiều người công đức đóng góp nên chùa được khánh thành vào năm 1608. Chùa được



HÌNH CHỤP SỐ 16

*Chùa Thầy (Sài Sơn)
Phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây
Vách gỗ thượng diện, thế kỷ XII*



HÌNH CHỤP SỐ 18

*Gác chuông chùa Thần-Quang (chùa Keo)
Làng Dũng-Nghĩa, tỉnh Thái-Bình*

tu sửa cho đẹp thêm vào năm 1630. Bia công đức bấy giờ có ghi chùa có 21 tòa nhà gồm 154 gian. Năm 1671, trùng tu 13 tòa, năm 1698 đúc quả hồng chung (chuông) lớn. Năm 1707 các nền nhà được lát gạch thêm, bó đá sang trọng. Rồi những năm 1786, năm 1854, năm 1895 v.v. đều có sửa sang. Năm 1936 Viễn Đông Bác Cổ có gỡ gác chuông ra để trùng tu lại (1).

Gác chuông này là một tác phẩm kiến trúc Việt Nam nguy nga, tráng lệ nổi tiếng. Đối với toàn thể quy mô chùa bố trí theo chiều sâu của bình đồ chữ nhật thì gác chuông đứng trấn trên dãy hành lang đáy lưng chùa và xếp hàng trên đường tìm của quy mô chùa sau những nếp tiền đường, thượng điện, Phật điện, điện thánh toàn thể có hồi lang vây bọc tứ phía.

XEM HÌNH CHỤP SỐ 18

Gác chuông bình đồ vuông, nền bệ mỗi cạnh đo được non 9 m, gồm ba tầng cao 12 m kể cả nền. Kiến trúc toàn bằng gỗ chông chắt, ghép mộng và theo phương pháp chông đầu như của Trung Hoa. Điều này làm cho ta có thể tin được rằng gác chuông này là di vật của đời Lý hoặc cái chi tiết kiến trúc chông đầu phổ thông dưới triều đại này vẫn còn được bảo thủ tại đây.

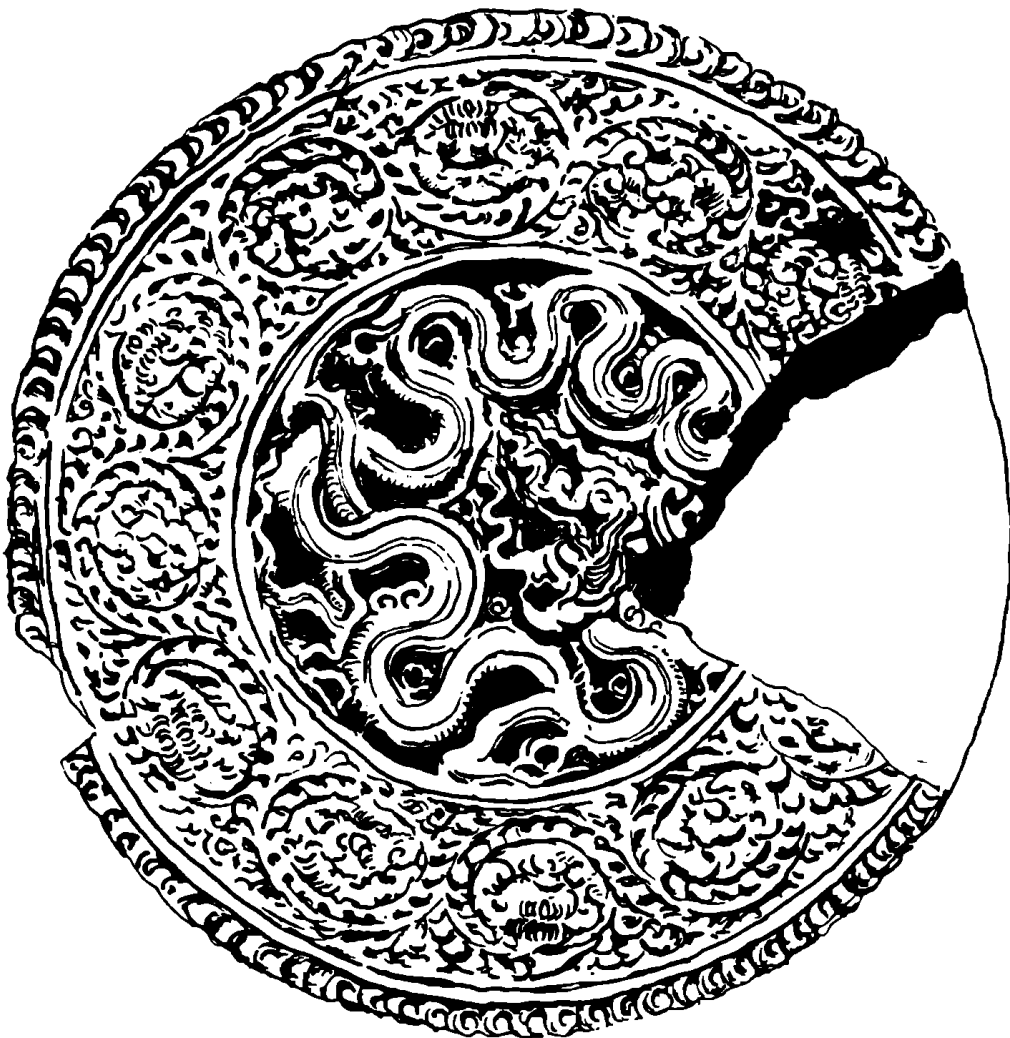
* * *

Những chùa tả trên được coi là di tích đời Lý căn cứ theo văn sử liệu và kiến trúc, tuy nhiên về kiểu thức thì vẫn chưa thể hoàn toàn xác định được vì những nét trang hoàng đặc biệt của triều đại này thấy trên những gạch ngói, đồ đất nung không mấy giống những hình trang trí trên mặt gỗ. Chẳng hạn cùng là kiểu rồng; những rồng khắc trên mặt gạch hay trên mặt đá là kiểu rồng mình rắn, đầu hải quái (makara) mà rồng chạm trên mặt gỗ thì ra hình dung kiểu rồng ngang (2) mình to mập hơn và có xu hướng đi gần đến kiểu rồng thời Lê. Những đề tài trang trí trên vách tường, trên mái đời Lý có thể hình dung xác đáng bằng những vật liệu trang trí kiến trúc tìm thấy ở miền ngoại ô phía tây Hà Nội mà các nhà học giả của trường Viễn Đông Bác Cổ mệnh danh là nghệ thuật Đại La. Nghệ thuật này có cái nét độc đáo là phối hợp những đề tài trang trí Trung Hoa với đề tài Ấn Độ thực hiện theo một kiểu thức vừa hoa mỹ vừa nồng nhiệt như tại

(1) J.Y. Claeys : Fêtes nautiques annamites. Cahiers de l'EFEO 1937.

(2) Rồng phủ toàn thể mặt.

các di tích Chăm. Những vật này có lắm cái lúc mới đầu không rõ dùng để trang trí vào nơi nào, sau nhờ việc phát hiện ra những ngọn tháp như tháp Bình Sơn mới rõ được công dụng. Ấy là những vật liệu dùng để lợp và gắn trên mái nhà như những mảnh ngói ống có tráng men màu xanh, màu lục, màu vàng hoặc không tráng men, đầu ngói tròn có trang trí bằng một hình hoa sen hoặc một ô rồng mình rắn, những con phụng con vẹt có mỏ lớn, con chim có mỏ chim ưng, ngậm một dây hoa. Những cái mào đất nung hình lá bồ đề thì bên trong chạm lưỡng long đờn châu hoặc song phụng đờn ngọc.



Mảnh trang trí bằng sành tráng men lam nhạt (Vĩnh Phúc)

HÌNH VẼ SỐ 13

Nghệ thuật Đại La (triều Lý), thế kỷ XI—XII phát hiện được tại
Vĩnh Phúc (ngoại ô Hà nội)
(Vẽ theo ảnh chụp của Viện Đông Bắc Cổ)

Những vật liệu trang trí dùng để xây gán trên tường hay để lát sàn, bó thêm thì có những hòn gạch cạnh chạm những vân lá cuốn, sóng gợn, những phiến gạch vuông mặt chạm ô rồng hoặc hoa sen, hoa thị, những dây hoa, lá cuốn đôi khi phối hợp với những đường cong, vòng tròn trông rất vui mắt.

Nói chung thì nghệ thuật trang trí kiến trúc đời Lý rất rục rờ nhưng trên những vật liệu bằng đất nung, bằng đá thì có cái vẻ nồng nhiệt, còn trên những vật liệu bằng gỗ thì phóng túng bay bướm nhưng đề tài và kiểu thức không hoàn toàn giống nhau phải chăng vì những vật liệu khác nhau mà theo sở trường thợ Chạm giúp việc làm đồ sành gạch, đất nung, thợ Việt chuyên nghề đục trạm trang hoàng mặt gỗ hoặc hữu lý hơn là vì những sườn gỗ làm cách sau những cây tháp và những vật liệu đất nung, cả một thời gian nên có những đường nét có thể nói là báo trước cho kiểu thức đời Trần. Tiêu biểu cho kiểu thức đời Trần về thế kỷ XIV là những ngôi đình làng ở Tây Đằng (phủ Quảng Oai, tỉnh Sơn Tây) và những ngôi thượng điện chùa làng Dương Liễu, chùa làng Quế Dương (huyện Đan Phượng, Hà Đông) mà kiểu thức trang trí bên trong bộ sườn nhà rất giống với nếp thượng điện chùa Cói tại huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Yên. Chùa Cói có bộ dàn trò (sườn nhà) bằng gỗ mập mập đục chạm, trang trí trông rất xương kính và đủ cả từ cái vẻ khá cổ sơ đến cái nét tỉ mỉ diêm dúa như đồ kim hoàn. Đề tài cũng là hoa lá rồng phụng, ngựa, cọp, sư tử nhưng có cả rồng ngang, đầu dư (1) cùng nhiều nếp sinh hoạt như cảnh đi săn, cảnh bái yết, những hình Văn Thù bồ tát cưỡi thanh sư, những thiên nữ gầy đàn, thồi sáo, những tiên, những thánh cưỡi rồng, cưỡi phụng, chẳng biết có phải vì vậy mà chùa này có tên là Thần Tiên tự chăng?



HÌNH CHỤP SỐ 17

*Cửa Sờ Chạm Ô Rồng
ở chùa Pháp Vũ (Chùa Đậu)
Phủ Thường Tín, Tỉnh Hà đông*

(1) Đoạn gỗ đỡ cầu đầu (quá giang) có chạm soi hình đầu rồng.

MÁI CONG

Mái cong tại Việt Nam xuất hiện từ bao giờ không rõ, còn ở Trung Hoa, Nhật Bản đến thế kỷ VII mới thấy hót cong nhẹ nhẹ ở góc mái. Kỹ thuật làm mái của những xứ này theo phương pháp « chông đầu tiếp dui » do đó diềm mái trông thanh nhẹ lại thường được trang hoàng chạm trổ, sơn vẽ hoa mỹ rực rỡ.

Mái Việt Nam làm cong theo phương pháp « tàu đao lá mái ». Tàu đao là cái đòn tay hình chữ nhật, bên trên có đính thêm một mảnh ván mỏng gọi là lá mái đỡ hàng ngói cuối cùng. Kiểu tàu đao còn gọi là chân tàu (tàu thực) để phân biệt với tàu hộp là cái đòn tay vuông không dùng để thực hiện những góc mái cong.

Nhờ có những « chân tàu lá mái » mà những mái đao góc cong vút, lợp ngói mũi hài dày nặng đã chịu đựng mưa dầm gió giạt của bao thế kỷ và sau khi dựng một bộ dàn trờ, cùng đặt một bộ tàu đao lên đầu những kẻ, bấy là người ta thấy cái hình dáng của tòa chùa dù lụp xụp, nặng nề vẫn có những nét lượn cong vươn lên để điều hòa bằng một vẻ vững vàng hấp dẫn.

Mái Việt Nam làm theo kiến trúc kẻ chuyền, bấy góc nên không xòe ra quá rộng như mái Trung Hoa, Đại Hàn, Nhật Bản. Sở dĩ mái của những xứ này xòe ra rộng hơn vì làm theo phương pháp chông đầu tiếp dui và cũng vì vậy mà mái cũng làm võng xuống theo đường dốc mái, còn dốc mái Việt Nam thì làm thẳng bằng từ nơi đường bờ nóc trên cao chạy xuống để tỳ lên chân tàu lá mái ở bên dưới.

NHÀ TRẦN VỚI PHẬT GIÁO

TRIỀU TRẦN THÁI TÔN (1225-1258)

— Năm Kiến Trung thứ bảy (1231) vua Thái Tôn sắc cho khắp dân gian vẽ hình Phật lên vách tường các trạm, quán (dịch đình).

Lúc còn nhỏ, Trần Cảnh có gặp một vị tăng ở một cái quán, được vị tăng này xem tướng, nói sẽ lên đến bậc đại quý. Rồi vị tăng đó không biết đi đâu, nay thấy lời nói đó quả ứng nghiệm nên sắc như vậy để tạ ơn Phật (có sách viết ngờ rằng đây là một mảnh khốe chính trị của Trần Thủ Độ bày đặt ra. Tuy nhiên việc này dấu sao cũng chứng tỏ đạo Phật vẫn còn uy thế rất lớn đối với Trần triều).

— Năm Thiên Ứng Chính bình thứ sáu (1237) nhà vua vì chán cảnh Trần Thủ Độ ép làm việc thương luân, (1) bỏ đi gặp Phù Vân quốc sư là bạn cũ ở trên núi Yên Tử để ẩn tu. Thủ Độ mời về không được toan dựng cung điện thiết triều trên núi. Thái Tôn đành phải theo lời khuyên của Phù Vân quốc sư mà trở lại Thăng Long.

— Nhà vua ban chức Tả nhai cho tất cả các vương hầu nào thọ chức tăng quan đạo. Tuy chẳng dựa vào triều chánh, nhưng đối với tăng đạo, chức này là cực phẩm.

— Năm Thiên Ứng Chính bình thứ tám (1239) nhà vua lấy Tức Mặc làm chốn thàng mộc (quê hương của vua) cho Phùng Tá Chu làm nhập nội thái phó, đốc xuất việc xây cung điện (hành cung) để thỉnh thoảng nhà vua về ngự.

— Năm Thiên Ứng Chính bình thứ 16 (1247) triều đình mở khoa thi Tam giáo. Trước đó chỉ những con nhà Nho, Lão, Thích mới được dự thi đề nổi nghiệp ông cha. Năm này ai thông giáo điển tam giáo đều được dự thi.

— Năm Thiên Ứng Chính bình thứ 17 (1248) bắc cầu trên ao Ngoạn Thiềm để nối chùa Chân giáo với điện Cảnh Linh và điện Thái Thanh. Đặt tên cầu là Lâm Ba kiều.

(1) Ép nhà vua bỏ vợ lấy chị dâu.

— Năm sau (1249) sửa chữa chùa Diên Hựu là ngôi chùa lập từ triều Lý Thái Tôn. Dưới triều Trần quy mô rực rỡ của chùa có lẽ vẫn không khác gì triều Lý theo như bài thơ do Huyền Quang đề tam tổ Trúc Lâm vịnh cảnh chùa dưới trăng như sau :

Thượng phương, thu dạ, nhất chung lan	上方秋夜一鐘闌
Nguyệt sắc như ba, phong thụ đan.	月色如波楓榭丹
Chi vãn đao miên phương kính lãnh,	鳴吻倒眠方鏡冷
Tháp quang song trĩ, ngọc tiêm hàn.	○光雙峙玉尖寒
Vạn duyên bất nhiễu thành già tục,	萬○不擾城遮俗
Bán điểm vô ưu nhõn phóng khoan,	半點無憂眼界寬
Tham thấu thị phi bình đẳng tướng,	參透是非平等相
Ma cung, Phật quốc hảo sinh quan.	魔宮佛國好生觀

DỊCH NGHĨA :

(Từ nơi) Thượng phương đêm thu (nghe) tiếng chuông lan đi.

Ánh trăng như sóng nước (trên) tàn cây bàng lá đỏ.

Hình con chim cú (trang trí trên đầu mái) in lộn bóng xuống mặt gương nước (hồ) trong lạnh, như đang ngủ,

Đôi tháp đứng đối lập, sáng ánh lên, ngọn (bóng như) ngọc lạnh.

Vạn duyên không quấy nhiễu, (nhờ) tường thành (chùa) ngăn cõi tục

Nửa điểm ưu tư cũng tắt (mà) mắt nhìn rộng rãi,

Khi đã thấu hiểu chân, giả đều như nhau,

Nhìn cung ma, nước Phật cũng thấy tốt.

Giáo sư NGUYỄN ĐĂNG THỰC dịch văn :

Điện trên, canh vắng, chuông tàn

Ngọn bàng đỏ tía dưới làn trăng thu.

Mái chùa in bóng gương hồ,

Đầu kèo « chi vãn » đảo mơ giấc thiền,

Song song đôi tháp đứng nhìn,

Ngọn cao đối chiếu, ngọc trên lạnh lùng,

Thành ngăn trần tục sạch không,
Muôn duyên không quấy, tâm trung định thần,
Lo âu đã hết phân vân
Rộng tâm thần nhõn, lòng khoan với đời,
Thị phi thấu triệt nguyên lai,
Cùng trong sắc tướng không hai đầu mà
Cung ma nước Phật nào xa,
Hiếu sinh mở lượng hải hà tình thương.

— Năm Nguyên Phong thứ sáu (1256) nhà vua cho đúc 330 quả chuông đồng để treo ở các chùa. Về việc này, sử gia Ngô Sĩ Liên ghi rằng nhà Trần còn sùng Phật hơn nhà Lý.

TRIỀU TRẦN THÁNH TÔN (1258-1287)

Vua Thánh Tôn sùng tín Phật đạo nhưng có phần mở mang Nho học hơn. Nho học bấy giờ thịnh hành nhưng các cao tăng vẫn tiếp tục mở đạo tràng để giảng dạy cho nhiều đệ tử.

— Năm Thiệu Long thứ năm (1262) Thượng hoàng Thái Tôn trở về quê, ban yến và thưởng tứ cho mọi người già cả trong làng, thăng Túc Mặc làm phủ Thiên Trường, đổi hành cung Túc Mặc làm cung Trùng Quang để làm nơi Thượng hoàng ngự, cho xây cất trang hoàng lại chùa Phổ Minh ở bên phía Tây để làm nơi cho Thượng hoàng sớm hôm dâng nhang cúng Phật. Cũng ở bên chùa này dựng thêm cung Trùng Hoa để hàng năm vua về chầu bái Thượng hoàng, thì ngự tại đó.

Tất cả những cung, điện, chùa, miếu nơi đây gọi chung là cung Thiên Trường. Thời bấy giờ, nước nhiều quanh cung tường, hoa đào soi bóng, chiều trời hơi hương ngào ngạt, gió mát trắng trong, thuyền hoa qua lại, người ta ví với Bồng Lai tiên cảnh.

TRIỀU TRẦN NHÀN TÔN (1278-1293).

Vua Nhân Tôn mộ đạo Phật từ thuở nhỏ. Năm mười sáu tuổi, được lập làm hoàng thái tử, ngài bỏ trốn đi, định đến Yên Tử tìm thầy học đạo, nhưng mới đến Chùa núi Đòng Cứu (huyện Lang Tài, tỉnh Bắc Ninh ngày nay) thì vua cha sai quan

đi tìm thầy, đành phải trở về. Khi lên ngôi báu, ngài vẫn tu tập phép thiền và đêm thường ngủ tại chùa Từ Phúc, là ngôi chùa do vua Trần Thái Tôn dựng lên ở bên hoàng cung. Nhưng rồi giặc Nguyên mấy lần sang quấy phá, ngài phải tạm xếp kinh kệ để lo việc tồn vong của sơn hà xã tắc và vì vậy cũng không rảnh để kiến trúc.

TRIỀU TRẦN ANH TÔN (1293-1314)

Khi là Thái tử, ngài là học trò Pháp Loa tôn sư thường đến diễn đàn nghe tôn sư thuyết pháp, nên hiểu Phật pháp rất chính đáng.

— Năm Hưng Long thứ 2 (1294) Thượng hoàng Nhân Tôn tự làm tướng đi đánh Ai Lao, mùa hạ năm sau trở về (1295), ngài trụ trì ở tại hành cung Vũ Lâm, nhân đó làm chùa (tại xã Vũ Lâm, phủ An Khánh, tỉnh Ninh Bình).

— Tới mùa thu tháng 7 năm Hưng Long thứ 7 (1299) ngài quyết rũ việc đời, cho phi tần và tùy tùng hoàn gia để ngài lên núi Yên Tử xả thân tu ở am Ngọa Vân, lấy tự hiệu là «Hương Vân đại đầu đà» lập đạo tràng, giảng pháp, độ tăng. Thượng hoàng lên núi Yên Tử thì Thái hậu Khâm Từ cũng xuất gia làm ni.

— Cũng năm này (1299) vua Anh Tôn sắc phát kinh Phật cho dân gian. Trước đó Trần Khắc Dụng được cử sang triều đình nhà Nguyên để thỉnh kinh Đại tạng. Kinh thỉnh về đem để ở cung Thiên Trường rồi đem khắc in ra để phổ biến. Năm này nhà vua ra lệnh cho in thêm tập «Phật giáo pháp sự đạo trường công văn cách thức» để phát cho dân chúng.

— Tuy trụ trì, trên núi Yên Tử, nhưng Thượng hoàng thường đi lịch lãm non sông khắp nơi, thuyết pháp khuyên dân làm mười điều thiện. Tháng 3 năm Hưng Long thứ 9 (1301), nhân đi du phương ngài qua nước Chiêm Thành.

— Tháng giêng năm Hưng Long thứ mười một (1303) Thượng hoàng từ Chiêm Thành trở về, tới phủ Thiên Trường, dừng nghỉ ở cung Trùng Quang, vua Anh Tôn nhân dịp mở hội Vô Lượng Phật Pháp tại chùa Phồ Minh, ban phát vàng bạc, tiền lụa cho dân nghèo và phát kinh Giới thi cho thiên hạ.

— Rồi từ đây, Thượng hoàng ngự luôn trên ngọn Tử Tiêu, núi Yên Tử trong am Ngọa Vân. Lần này ngài tự xưng là Trúc Lâm cư sĩ và lập ra thiền phái Trúc Lâm.

— Mùa đông năm Hưng Long thứ mười sáu (1308) được tin bà chị là Thiên Thụy công chúa ốm, ngài đi thăm, lúc trở về núi ngài đối đãi việc sau lại cho thị giả là Pháp Loa, rồi ngồi dựa ghế chấp tay mà hóa. Pháp Loa theo di mệnh rước long thể lên đàn làm lễ hỏa hóa.

Vua Anh Tôn cùng đình thần đem long giá rước ngọc cốt về thờ ở Đức Lăng (tại An Sinh, huyện Đông Triều), ở Tức Mặc và xây tháp Huệ Quang ở chùa Vân Yên (nay là Hoa Yên) núi Yên Tử.

— Pháp Loa Tôn sư (1284-1330), họ Đồng, tên Kiên Cương, người làng Cửu La, phủ Nam Sách (nay là làng Tiên Trung, tổng Vũ La, phủ Nam Sách, tỉnh Hải Dương). Ngài thiên tư đỉnh ngộ, năm 21 tuổi gặp ngài Điều Ngự (vua Nhân Tôn) được thâu làm đệ tử, đưa về núi cho học đạo. Ít lâu sau được ngài Điều Ngự truyền giới pháp cho và đặt hiệu là Pháp Loa. Ngài còn được làm chủ sơn môn Yên Tử, được giữ 200 pho kinh điển, định chức các tăng đồ trong dân gian. Trong đời ngài đúc 1300 tượng Phật, dựng ba đài giảng đạo, năm ngôi tháp, 200 tầng đường. Những cảnh chùa Hồ Thiên (huyện Bảo Lộc, Kinh Bắc) chùa Chân Lạc, vườn Quỳnh Lâm (huyện Đông Triều) cùng các cảnh ở Côn Sơn, Thanh Mai sơn đều do ngài mở ra cả. Ngài độ hơn 15.000 đệ tử làm tăng ni, đặc pháp đến 3000 người; ngoài ra ngài có soạn những cuốn « Đoạn sách lục, Kim cương đạo tràng, Đà la ni kinh, Tham thuyên chỉ yếu vv... » Trước khi tịch hóa trên núi Yên Tử ngài đem pháp bảo của ngài Điều Ngự mà truyền lại cho ngài Huyền Quang.

— Huyền Quang tôn sư, tên là Lý Đạo Tài, người làng Vạn Tải (nay là Vạn Kỳ huyện Gia Bình, thuộc tỉnh Bắc Ninh). Hai mươi tuổi đỗ Trạng nguyên, được bổ làm quan ở Viện Hàn Lâm. Nhưng rồi từ quan theo thượng hoàng Trần Nhân Tôn đến chùa Vĩnh Nghiêm (huyện Phượng Nhỡn) gặp Pháp Loa tôn giả, bèn xuất gia thụ giáo với ngài Pháp Loa. Ngài thường cùng ngài Điều Ngự và ngài Pháp Loa đi du lịch và thuyết pháp khắp dân gian. Ngài có soạn sách « Chư phẩm kinh, Công văn tập, Phổ tuệ ngữ lục và Ngọc tiên tập ».

Sau khi được ngài Pháp Loa truyền tâm ấn, ngài trụ trì tại chùa Vân Yên, núi Yên Tử, đệ tử theo học cả hàng nghìn người. Rồi ngài về thăm cố hương, lập chùa Đại Bi bên phía tây nhà ngài để cha mẹ tiện bề quy y, lại in kinh, mở pháp hội bố thí cho người nghèo làm rất nhiều việc công đức.

Ngài viên tịch tại chùa Côn Sơn (huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương) năm Khai Hựu thứ sáu (1334) Vua Trần Hiến Tông phong tự hiệu ngài là « Trúc Lâm đệ tam tổ đại tự pháp, Huyền Quang tôn giả ».

Sở dĩ Thiền tôn ở Bắc Việt còn truyền lại đến nay là nhờ môn phái Trúc Lâm ở Yên Tử. Mà xướng xuất lên và làm cho môn phái này thịnh đạt là do uy tín và công nghiệp của ba vị kể trên.

— Năm Hưng Long thứ 19 (1311) vua Anh Tông tiếp nhà sư ngoại quốc (hình như là người Tây Tạng) tên là Du Chi Bà Lam. Nhà sư này thường đến châu vua Nhân Tông triều trước, sư là người có tướng mạo uy nghi, nói rằng đã được 300 tuổi, đi được trên nước và có phép đưa hết ruột gan lên ngực để bụng dưới trống không. Sư chỉ ăn diêm sinh và hạt cải. Mỗi lần đến Đại Việt, sư lưu lại triều đình mấy năm rồi mới trở lại xứ ngài. Lần này sang nhà sư có đem theo cô con gái được vua Anh Tông nạp vào cung. Ít lâu sau lão tăng viên tịch ở Thăng Long .

TRIỀU TRẦN MINH TÔN (1314-1329)

— Năm Đại Khánh thứ bảy (1320) Thượng hoàng Anh Tông ốm nặng, Bảo Từ thái hậu cho vời nhà sư Phồ Huệ đến lập đàn chay cầu cho vua lành bệnh. Sư xin yết kiến Thượng hoàng để trình bày về lẽ sống chết, Thượng hoàng gạt đi nói : « Thầy tăng chưa chết, biết đâu sự chết mà bảo người ta ».

Rồi ngài băng hà tại cung Trùng Quang (tại Tức Mặc).

— Từ khi Thượng hoàng Anh Tông xuất gia thì Bảo Từ thái hậu cũng xuất gia.

TRIỀU TRẦN MINH TÔNG (1317-1328)

Vua Minh Tông đại trùng tu chùa Quỳnh Lâm tiêu tốn nhiều tiền. Mở cuộc khảo thí các nhà sư. Chương trình khảo thí là hỏi về nghĩa lý kinh Kim Cương. Kinh này là bộ thuyết pháp của đức Thích Ca Mâu Ni do đệ tử của ngài là Đức Đại Ca Diếp soạn thuật.

— Năm Đại Khánh thứ chín (1322), sét đánh vào tháp Báo Thiên phá hủy phía đông, tầng tháp chót. Niên hiệu Thiệu Long (1212-1258) gió bão đã cuốn đi mất ngọn tháp.

TRIỀU TRẦN ĐẾ NGHIÊN

— Năm Xương Phù thứ năm (1381). Hồi này Chiêm Thành thường đem quân ra đánh phá đến tận kinh đô, Vua khiến Đại Thanh thiền sư đốc xuất các tăng nhân trong nước tham dự vào cuộc chống cự Chiêm Thành.

Vua Duệ Tôn băng hà, Hoàng hậu cắt tóc đi tu.

— Năm Xương Phù thứ chín (1385) nhà Minh cử sứ thần sang xin thầy tu. Vua chọn hai mươi thầy tăng cho theo sang Kinh Lăng (Nam Kinh), thủ đô nhà Minh.

TRIỀU TRẦN THUẬN ĐẾ

— Năm Quang Thái thứ chín (1395) mở cuộc thi khảo sát để phân loại sư chân và sư giả. Những nhà sư nào chưa tới năm mươi tuổi phải thi. Những người nào thuộc, hiểu kinh Phật được xếp vào những chức : Đầu mục, trì cung, trì quán, trì tự. Những người khác làm tùy thuộc.

Hồi cuối triều Trần, vận nước suy vi nên Phật giáo cũng suy vi theo. Đạo pháp thì lu mờ vì pha lẫn điều mê tín, dị đoan. Trong giới tăng chúng có nhiều người không rõ kinh kệ mà chỉ lợi dụng cửa Phật, thậm chí triều đình phải mở những khóa thi để thanh lọc người chân kẻ giả.

PHẬT GIÁO VÀ KIẾN TRÚC TRIỀU TRẦN

Truyền thống văn hóa triều Lý được tiếp tục dưới triều Trần, không thay đổi bao nhiêu.

Ngay khi mới lên ngôi được mấy năm, vua Trần Thái Tông đã xuống chiếu « Các nhà trạm quán đều tô vẽ tượng Phật ». Tục nước ta vì nóng bức lập ra nhiều đình, quán (dịch đình) ở dọc đường cho hành khách nghỉ ngơi, tránh nắng. Khi vua còn nhỏ, thường vào nghỉ chơi ở một cái đình trạm, có một thầy tăng bảo rằng « Cậu bé này ngày sau phải đại quý ». Nói rồi không biết thầy tăng ấy đi đâu mất, cho nên đến khi nhà vua lên ngôi, nhớ lại lời thầy tăng ấy, thấy linh nghiệm, cho rằng đó là một vị Bồ tát hiện thân báo tin mừng cho nhà Trần, nên ra lệnh như vậy. Cũng như nhà Lý, các vua nhà Trần và dân chúng cũng rất sùng Phật. Trong nước chỗ nào cũng cất dựng chùa chiền, vàng son rực rỡ.

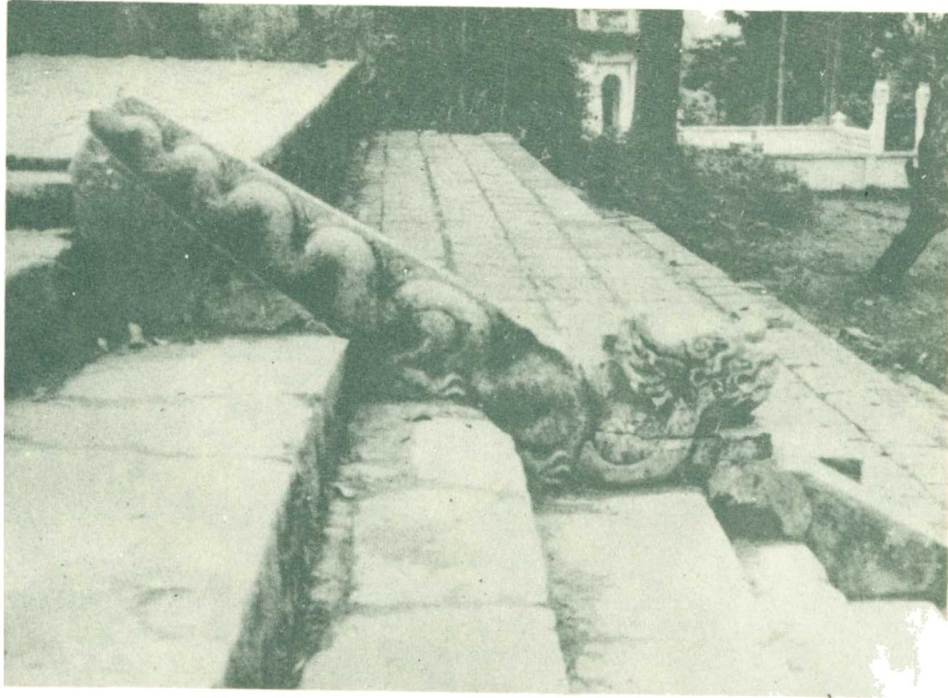
« ... Như chùa Hoàng Giang, chùa Đồng Cổ, chùa An Sinh, chùa An Tử, chùa Phồ Minh, quán Ngọc Thanh, dựng lên nhan nhản khắp nơi, những người cắt tóc làm tăng làm ni nhiều bằng nửa số dân thường. Nhất là vùng huyện Đông Triều, sự sùng thượng lại càng quá lắm, chùa chiền dựng lên, làng lớn có đến hơn mười nơi, làng nhỏ cũng chừng năm, sáu, bao ngoài bằng rào lũy, tô trong bằng vàng son... » (1)

Nhưng trong khoảng hai trăm năm (1225-1448) trải qua hai lần quân Nguyên sang tàn phá, ba lần Chế Bồng Nga cướp phá, lại những vụ nội loạn, rồi nhà Minh sang thi hành phương sách hủy diệt văn hóa, cồ tích Việt trong thời gian mười sáu năm đô hộ, nên những công cuộc xây cất xưa chỉ còn lại được một số nhỏ.

« Đời vua Giản Định nhà Trần (2), binh lửa luôn năm, nhiều nơi bị đốt, số chùa chiền còn lại, mười không được một, mà cái số còn lại ấy, cũng mưa bay, gió chuyển, đồ ngã xiêu nghiêng tiêu điều đứng rủ ở giữa áng cỏ hoang bụi rậm. »

Những đoạn trên trích từ sách Truyền Kỳ Mạn Lục viết vào khoảng cuối Lê sang Mạc (cuối thế kỷ XV) tuy là một bộ sách chuyện quái đản nhưng trong những câu truyện tác giả Nguyễn Dữ là một nhà xử sĩ đã đem những cái tai nghe mắt thấy của mình mà phản ánh tình trạng xã hội đương thời với những chi tiết mà ta

(1) Trích Truyền Kỳ Mạn Lục của Nguyễn Dữ. Chuyện cái chùa hoang ở huyện Đông Trào.
(2) 1407-1409



HÌNH CHỤP SỐ 19

***Chùa Tiên-Lữ
Huyện Chương-Mỹ, tỉnh Hà-Đông
Rồng đá triều Trần tạc khoảng thế kỷ XIII***



HÌNH CHỤP SỐ 20

***Thành Đạo tự chùa Đậu
Phủ Thường-Tin, tỉnh Hà-Đông (X-1951)
Rồng đá triều Trần***

có thể tin là không đến nỗi sai ngoa. Vì vậy với tài liệu trích ở trên ta hiểu tại sao mà di sản kiến trúc và mỹ thuật từ triều Trần về trước quá ư là hiếm hoi.

Ngày nay, phải đi đến những ngôi chùa ở miền quê hẻo lánh hay chốn núi đồi cô tịch miền Bắc mới tìm thấy, nhận ra được một số di tích của đời Trần.

Di tích là những vật trang trí kiến trúc bằng đá, bằng đất nung, còn những quy mô kiến trúc như một số chùa, một vài cây tháp, tuy biết đích là lập ra hoặc do bàn tay đời Trần tu tạo lại nhưng ít có trường hợp được khẳng định là còn toàn vẹn nét nguyên thủy của thời đại này.

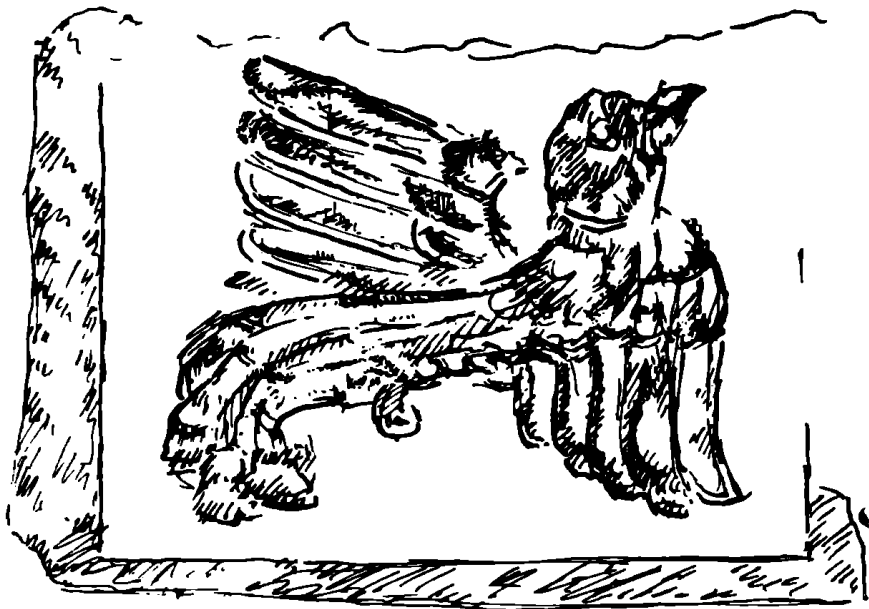
XEM HÌNH CHỤP SỐ 19

Về những đồ điêu khắc bằng đá phải nói đến những cặp rồng trang hoàng hai bên thành vệ những bậc thềm ở các chùa Tiên Lữ, (chùa So), chùa Pháp Vũ (chùa Đậu) tại Hà Đông, ở chân tháp chùa Phổ Minh tại Nam Định. Đây là kiểu rồng « Hải quái » (makara) có mũi dài uốn khúc, mình ngắn đuôi dài, tiếp tục kiểu rồng đời Lý, nhưng những con rồng này tạc nổi trên một phiến đá dài chứ không tách hẳn ra, như những khúc thân rồng vồng lên uốn xuống. Lại cũng vì vậy thường khi không tạc không có vây chạy dọc trên sống lưng mà chỉ để một giải chạy dài từ vai theo nét thẳng của phiến đá (trường hợp rồng thềm chùa Đậu). Con rồng chùa Đậu cũng tạc to nặng, nhất là phần đuôi. Kiểu rồng đời Trần nói về toàn thể không thanh tao, tế nhị bằng kiểu rồng đời Lý.

XEM HÌNH CHỤP SỐ 20

Thềm nhà tiền đường chùa làng Bối Khê (huyện Thanh Oai, Hà Đông) có trang trí bằng những hòn gạch mặt cũng in nổi hình những con rồng, nhưng không phải kiểu rồng thủy quái, tuy nhiên ta có thể tin được là sản phẩm đời Trần vì ngôi chùa này cùng ngôi chùa So nói trên cùng xây dựng từ triều Trần và tại hai nơi này cùng có khám thờ nhà sư Nguyễn Bình An, người làng Bối Khê là người được vua Trần Nhân Tông vời đến tiếp kiến tại triều đình và phong cho là Đức Minh chân nhân. Tại chùa này còn những di tích mà từ triều Lê về sau không thấy có nữa như những hình thần điều (Garuda) đắp ở bốn góc thềm thượng điện. Ngoài ra hậu cung sau nhà thờ trông rõ ràng là một kiến trúc Trung Hoa, mình chứng truyền thuyết rằng chùa này đã do quân nhà Minh làm lại để tạ lỗi đốt phá chùa.

HÌNH VẼ SỐ 14



*Quảng Nghiêm tự (chùa trăm gian)
Làng Tiên Lữ — Huyện Chương Mỹ — Tỉnh Hà Đông
Đầu hòn gạch cổ chạm hình chim về triều Trần (thế kỷ XIII).*

Tại vườn hoa trong sân sau chùa Tiên Lữ (chùa So) có những hòn gạch cổ, nung già màu gan gà, khổ 0cm,25 x 0,cm10 x 0cm,065. Gạch có trang trí bằng những hình in nổi ở cạnh lườn, là những hình hoa góc, lá uốn cong, rộng bản, nét dẻo như nét chạm trên mặt gỗ. Ở đầu viên gạch thì in hình một con chim được kiêu thức hóa một cách khá độc đáo theo những nét to mạnh hơn cứng. Cũng tại ngôi chùa cổ này có một tòa sen bằng đất nung màu đỏ như son. Tòa sen hình chữ nhật, chiếm trọn lòng gian giữa tòa thượng điện gồm bên trên là một đài sen do những tầng cánh sen bọc viền bốn cạnh, bên dưới là cổ và thân đài bệ trang hoàng bằng những hình ổ rồng, sư tử hí cầu, kỳ lân, hoa giây lá cuốn và ở bốn góc có chim thần (Garuda) chân quý, tay nâng đài sen lên bên trên đầu, tất cả tạo thành bệ thờ, hình dáng kiêu cách trang hoàng và màu sắc trông thật vui mắt, tiếc rằng người ta đã xây thêm ở bên trên một bệ gạch và phá hủy một phần tòa sen cũ. Đài bệ này hình như do mấy thành phần chế tác trước rồi đem ghép lại. Mỗi thành phần đều được ép ở khuôn ra trước khi đem nung, nhưng ở tòa sen này khó nhận ra được chỗ ghép chứng tỏ kỹ thuật nung và nghệ thuật ghép ở đây có thể nói là tinh vi.



HÌNH CHỤP SỐ 22

Chùa-Phổ-Minh

Làng Tịch Mặc, tỉnh Nam-Binh

Cảnh cửa bằng gỗ chạm ở rừng

Triều Trần năm 1962.

Những vật trang trí kiến trúc làm bằng đất nung rất phát triển khoảng triều Trần và triều Hồ, những tòa sen bằng đất nung chắc xưa có nhiều nhưng đến nay thật là hiếm bởi đất nung rất dễ vỡ, trái lại đá rắn chắc hơn có thể tồn tại mãi mãi dù là đá vôi, nếu không bị phơi ra ngoài mưa nắng và bị coi là vật phế bỏ bị người ta đập đi, cho vào lò nung làm vôi. Vì vậy có những tòa sen kiểu tương tự như ở chùa Tiên Lữ nói trên nhưng làm bằng đá còn thấy rải rác ở nhiều nơi trong miền Trung châu Bắc Việt như tại chùa Kính Chủ (huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương) tại chùa làng Dương Liễu, chùa làng Quế Dương (đều thuộc huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Đông) chùa làng Xuân Lũng (phủ Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ). Tại ba nơi sau, người ta mới phát hiện được vào năm 1962 có ghi rõ niên hiệu điêu khắc :

a) Tòa sen chùa Xuân Lũng ghi năm Xương Phù thứ 10 (Trần Phế Đế, 1386)

b) Tòa sen chùa Hương Trai, làng Dương Liễu ghi năm Đại trị thứ 3 (Trần Du Tông, 1360).

c) Tòa sen chùa Đại Bi, làng Quế Dương ghi năm Long Khánh thứ 2 (Trần Duệ Tông, 1374).

Tất cả đều là niên hiệu các vua thời Trần về cuối thế kỷ XIV.

Những tòa sen bằng đá này dùng làm bộ tượng Tam thế, đều hình chữ nhật, kích thước xấp xỉ nhau : cao 1m,30, ngang 4m rộng 2m, đục chạm công phu : Đền đài trang hoàng thường là hình tượng 4 chim thần (Garuda) đội đỡ 4 góc bộ đài sen, sư tử hí cầu, ô rồng ở thân bộ và hoa giáy lá cuốn chạm trên mặt những đường gờ chỉ. Kiểu cách trang trí cũng giống như tòa sen bằng đá ở thượng điện chùa Thầy (Sơn Tây), tạo tác vào cuối triều Lý.

— Chùa Quảng Nghiêm còn gọi theo tên làng sở tại là chùa Tiên Lữ hay chùa So ở huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Đông, là một danh lam do Minh Đức chân nhân Nguyễn Bình An lập ra ; từ thế XIII triều Trần. Chùa cũng là nơi tu hành của bà Nghĩa tồn Bình đẳng Hạnh Bồ tát, bà là chị của trạng nguyên Nguyễn Trục đầu triều Lê nên có lẽ vì thế mà đến nay chùa này là chùa Sư nữ.

XEM HÌNH CHỤP SỐ 21

Chùa dựng trên núi Tiên Lữ, còn gọi là Mã Sơn. Chùa nổi tiếng vì phong cảnh đẹp, vì bên trong có những tấm tranh Thập bát La hán và Thập điện diêm vương khắc trên gỗ và phủ sơn mài nhiều màu. Chùa còn có một tên nữa là chùa Trăm Gian vì đây là một quy mô kiến trúc rộng lớn gồm nhiều lớp

HÌNH VẼ SỐ 15



Chùa Thiên Phúc — Tòa sen bằng đá

CHÙA THIÊN PHÚC TẠI SÀI SƠN

(Phủ Quốc Oai tỉnh Sơn Tây)

Tòa sen bằng đá tại Thượng điện Điều khắc triều Lý khoảng đầu thế kỷ XII.

Ở góc chạm hình Thần điều (Garuda) do ảnh hưởng Chăm.

nhà ngang, dãy dọc. Nếu kể cả phần nhà phụ thuộc kéo dài ra ở phía sau thì chùa này có tất cả 107 gian (tức khoảng cách giữa hai vì cột kèo).

Kiến trúc của chùa không thể nói là còn toàn vẹn tồn tại từ thời Trần như trường hợp tòa sen bằng đất nung đã nói trên. Chùa đã được hai quan triều Lê

(hiện còn tượng thờ trong chùa), đại trùng tu khoảng thế kỷ XVII-XVIII. Nhưng xét về quy mô cơ cấu ta có thể dò thấy ở đây phần nào đường nét kiến trúc Phật giáo của đời Trần. Phần chính của quy mô kiến trúc này là một bình đồ chữ nhật rộng 24m dài 42m gồm mặt trước là tiền đường : năm gian hai chái, phía sau là hậu đường : bảy gian hai chái nhưng gian nhỏ hơn, hai bên hai dãy hành lang mỗi bên 10 gian. Bốn thành phần này nối với nhau thành một khung vuông quay bọc kê từ phía sau ra phía trước. Trước hết là một phương đình bốn mái, một gian hai chái ; đoạn cách một khoảng trống nhỏ đến thượng điện, trung điện cả hai đều ba gian và hai chái nhỏ, rồi đến nhà thiêu hương nổi ra tòa tiền đường. Hai tòa thượng điện và trung điện mái song hành chụm lại đỡ nước xuống một máng xối chung đúc bằng đồng (tức là kiểu Trùng lương như ở Huế). Như vậy hai tòa điện này được ghép lại với nhau thành một tòa chính điện (nghĩa là nơi chính để thờ tự). Giữa tòa chính điện này và tiền đường có những mái nhà dọc của tòa thiêu hương nối vào nhau tạo ra giữa khoảng cách của hai nhà tiền đường hai lỗ trống trên mái gọi là thiên tỉnh để lấy ánh sáng vào trong lòng chùa ; còn nước mưa từ trên mái đổ xuống được hứng vào hai bể cạn có đường cống thông ra hai giếng bên ngoài tường điện. Vì mái thượng điện và trung điện cao mà mái chái ở hai bên nhỏ thấp nên ở đầu dốc (đầu hồi) của hai tòa điện này có làm thêm mái hắt để che cửa thông hơi. Còn tường bao quanh toàn thể chính điện này trở nhiều kiểu cửa sò gạch để thông gió theo các hình dạng như kiểu chữ thập trong lòng đục trở những lỗ nhỏ hình bát giác hoặc kiểu hình chữ nhật trong lòng có chõng triện găm hay đắp chữ thọ, lại có kiểu cửa sò hình tròn trở sáu cánh sen hoặc hoa thị.

Những bộ sườn nhà bên trong không to lớn lắm, cột đường kính cỡ 0,30 đến 0m, 40, ít đục chạm ; đặc sắc hơn cả là đầu dư của kèo góc nơi xuyên khỏi cột cái vươn ra có tạc hình một con vệt mỏ thật lớn và bên trên những bàn thờ nơi trung điện có những tấm trần làm bằng ván ghép, vẽ rồng, phượng, sư tử hí cầu và có tô màu thuốc ngũ sắc. Tuy nhiên tất cả những chi tiết trang hoàng này có vẻ như chỉ được tạo ra trong khoảng thời Lê Trung Hưng (thế kỷ XVII).

Chùa dựng trên đỉnh đồi, mặt chính hướng về đông nam ; từ hàng hiên tiền đường nhìn xuống bên dưới thấy trước hết là một sân gạch giữa có dựng gác chuông tám mái góc vươn cong, hình khối, đẹp, ngói rêu mốc cổ kính ; rồi thấp thoáng qua hàng thông già, mấy góc đại, (xứ) xương kính, hiện ra một nhà vuông cũng tám mái, ngói mốc, tường rêu, đó là miếu Sơn Thần ; miếu nhìn xuống một hồ bán

nguyệt. Hồ nước xanh xanh lơ lững soi bóng những tàn cây biếc, phủ kín sườn đồi của sơn thôn Tiên Lữ.

— *Chùa Phở Minh* tục gọi chùa Tháp, làng Tức Mặc, tỉnh Nam Định. Chùa lập ra từ triều Lý, nổi danh bấy giờ vì cái vạc bằng đồng do thiền sư Nguyễn Minh Không đúc ra. Vạc này cùng với tháp Báo Thiên, chuông Phả Lại và Phật Quỳnh Lâm là bốn vật báu của nước ta thời xưa. Còn chùa Phở Minh hồi năm 1262 được các vua Trần sửa sang, trang hoàng lại. Nhưng di tích nghệ thuật của triều Lý, triều Trần xưa đến nay chỉ còn lại ở đây có bộ cửa tòa tiền đường chùa và một phần cây bảo tháp, còn bao nhiêu đã bị thất lạc và bị sửa đổi mới lại hầu hết. Bộ cửa chạm trổ tinh vi, theo một đề tài thông thường là ổ rồng, nhưng kiểu cách khá độc đáo có thể là đã được tạo tác vào năm 1262 nhân khi các vua Trần xây cất lại chùa.

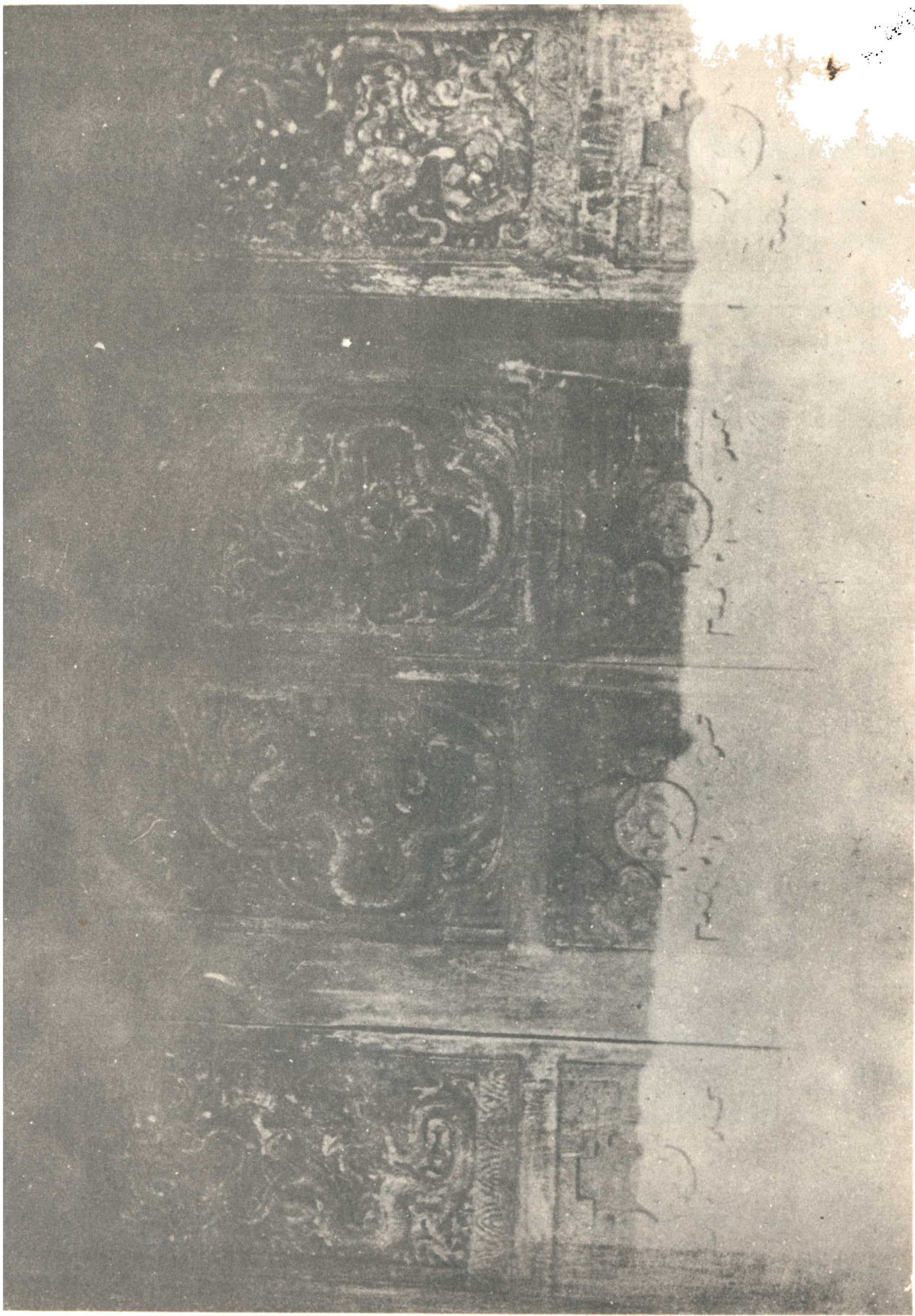
Mỗi cánh cửa được chia ra làm hai phần trang trí. Phần trên dài gấp đôi phần dưới, chạm hình rồng giỡn ngọc. Hai cánh giữa khép lại thành hình một ổ rồng lớn, hình lá bồ đề có sáu nấc vòng cung. Ở trên, mỗi bên lại thêm một con rồng nhỏ hơn, bên ngoài có viền đường diềm hình sóng xô để đóng khung phần trang trí này. Hai cánh bên, mỗi cánh chỉ chạm một con rồng lớn chầu vào giữa và vùng vẩy trên một nền mây cuốn và tia hào quang. Bên dưới con rồng này có thêm hàng vân núi kiểu thức hóa làm đường đáy cho vành khung bức chạm rồng.

XEM HÌNH CHỤP SỐ 22

Thân những con rồng này uốn thành nhiều khúc cùng với những hình nét phụ họa cuốn mở, xoắn xít, trông rất là sống động.

Phần bên dưới bốn cánh chạm giống nhau, là một ô vuông mà ở trung tâm có một hình tròn chạm bông hoa cúc nở, hai bên là hai bộ « chông đấu » hình tựa như một kiểu đôn để bày chậu hoa và bên dưới ô vuông kết thúc lại bằng một đường vân núi nữa được kiểu thức hóa.

— Tháp xây ở trước sân chùa, cao 21m gồm 14 tầng, nhưng chỉ có tầng dưới làm bằng đá và gạch là phần còn nguyên từ lúc khởi tạo những tầng trên xây hoàn toàn bằng gạch là phần đá xây lại từ dưới thời Tây Sơn (cuối thế kỷ XVIII) nhưng vẫn tôn trọng kiểu cũ.



HÌNH CHỤP SỐ 21

**Quảng Nghiêm Tự (chùa Trầm gian)
Làng Tiền Lũ, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Đông
Khởi dựng triều Trần, thế kỷ XIII**

Phần nguyên cũ cao 4m,40 kể từ mặt đất, gồm có bệ tháp, tầng thứ nhất, mái và bệ sen tầng nhì.

HÌNH VẼ SỐ 16



THÁP CHÙA PHÒ MINH
Làng Túc Mặc, tỉnh Nam Định
cao 21m, dựng về triều Trần, khoảng năm 1313

Bệ tháp làm hoàn toàn bằng đá xanh (đá vôi) cao 1m,60 chân rộng 5m x 5m là một kiểu cổ điển đặt trên bốn cấp nền và đỡ một tòa sen gồm hai hàng cánh, một úp, một ngửa. Toàn thể trông đơn giản, gờ cạnh sắc bén, trang hoàng chừng mực. Ngoài tòa sen chỉ có gờ đá ngay bên dưới là có chạm thành một đường diềm hoa cúc có những lá cuộn, lá lật xoắn xít chung quanh, kiểu trông vừa phong phú, vừa đẹp mắt.

Bệ tháp này chỉ có cái lạ là tất cả các đợt gờ, cấp, vành, chỉ xếp tầng tầng theo chiều nằm ngang đều hót cong lên ở bốn góc tháp. Sở dĩ chỉ riêng cây tháp Phổ Minh có chi tiết kỹ thuật khác thường này phải chăng là vì lý do làm tăng diện tích chân tháp ngõ hầu giải tỏa sức nặng của tháp ép xuống một vầng nền đất bên dưới cho to rộng ra để cho tháp đứng vững hơn tại nơi đất xốp miền hạ lưu sông Hồng.

Tầng thứ nhất của tháp là tầng quan trọng hơn cả, mỗi cạnh rộng 3m,20 có xây trụ đá vuông ở bốn góc, để đỡ những cây đà cũng bằng đá có đầu nhô ra khỏi thân tháp. Chi tiết này rất hiếm thấy trong nghệ thuật kiến trúc bằng đá tại Việt Nam và đã nhắc lại rõ ràng những cơ cấu kiến trúc bằng gỗ.

Những trụ đá có trang hoàng ở dưới chân bằng những nét khắc hình liên sơn (vân núi), trên hàng thủy ba. Trong mỗi hình quả núi kiểu thức hóa này trông gần giống hình trái tim có khắc một bó hoa. Còn trên hàng liên sơn thì có những lá nghiêng theo một chiều gió.

Những đà gác trên đầu trụ nhô ra khoảng 0m,50 thì ở đầu có nét chạm thành hình mây cuốn, đây là kiểu thường thấy trong nền điêu khắc Bắc Việt.

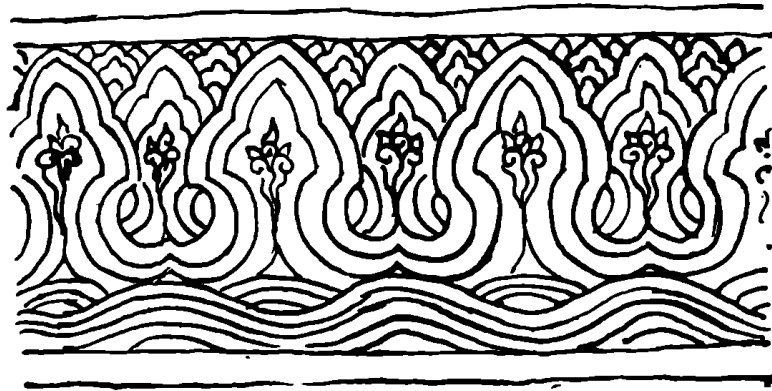
Tầng này có bốn mặt cửa cuốn hình quai vạc, khuôn cũng bằng đá được trang hoàng thanh tao bằng những hình khắc vòng tròn, mỗi vòng kết hợp bằng hai cánh lá nhẹ ôm bọc một bông hoa nhỏ sáu cánh, và vòng nọ cách vòng kia bằng một bó lá cây xoắn xít. Còn tường thì xây bằng gạch, dài 0m,97 bọc một căn phòng vuông 1m,26 x 1m,26. Giữa phòng có một bệ đá vuông trên mặt đá khắc hình bàn cờ. Bàn cờ này chắc là khắc về sau này, còn dân làng sở tại thì gọi chỗ này là « long ngó » vì ngồi đây mà ngó lên sẽ thấy một phiến đá trên đỉnh trần có chạm hình lưỡng long lộng ngọc.

Phần bên trên đà, trụ xây đưa ra thành mái, mái này cũng hót cong nhẹ nhẹ ở bốn góc. Trên mái xây thu hẹp lại thành chân bệ cho tầng trên. Bệ này

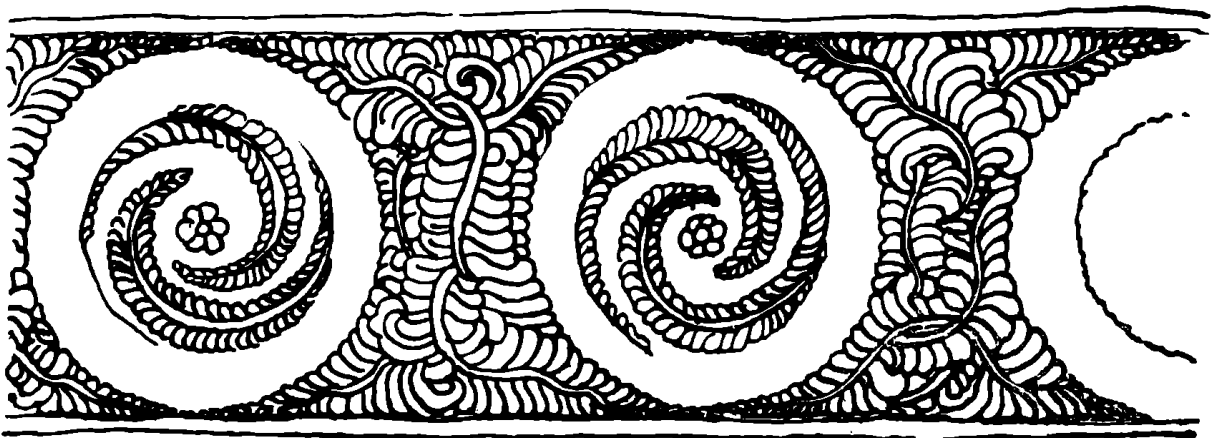
HÌNH VẼ SỐ 17



0 1 2 3 4 5 cm.



Frise décorant les bases des pilastres d'aigle du rez de chaussée. Frise B.



Frise de l'encadrement des portes du rez de chaussée. Frise C.

Tháp chùa Phổ Minh làng Tức Mạc, tỉnh Nam Định.
Những hình khắc trang trí trên mặt đá đầu thế kỷ XIV.

cũng xây hình tòa sen nhưng không chạm từng cánh. Kề từ tầng này trở lên đều xây tương tự như tầng dưới, mỗi mặt cũng có mở một cửa cuốn quai vạc, nhưng tất cả đều giản dị, nhỏ hơn, rồi tận cùng bằng một vòm mái xây khum khum, bên trên cắm một cây chóp tròn. Dưới chân tháp còn mấy vật bằng đá đáng lưu ý ; có thể tin là được tạo ra cùng lúc với tháp, ấy là những con rồng đá kèm hai bên những bậc thềm, rồng chạm trong những phiến đá dẹt, kiểu thức thời Lý Trần : mình trơn, không vẩy, miệng há rộng đưa lưỡi ra cuộn cuộn, rồng phồng theo kiểu hải quái (makara).

Trước mặt tháp cách chừng mấy thước có hai trụ đá bát giác, cao khoảng 4m,50 đầu trụ tận cùng bằng một chóp đá hình ngòi bút lông. Tám mặt trụ đều có khắc những câu niệm Phật bằng chữ Hán.

Giữa hai cây trụ này còn một cây trụ bát giác nữa cũng bằng đá nhưng ngắn và hình thù khác hơn. Trụ đặt trên một chân tảng chạm cánh sen, đầu trụ cũng chạm cánh sen nhưng gồm có ba tầng : một tầng úp, hai tầng ngửa đỡ một kiểu mũ ni tám cánh. Trong mỗi cánh khắc một hình Phật ngồi trên tòa sen. Bên dưới mỗi mặt hân trụ khắc một câu niệm Phật : Nam vô Địa tạng Bồ tát, Nam vô Bảo thắng Như lai... cũng như ở hai cây trụ lớn.

Ngày xưa có bốn cây trụ lớn này chôn ở bốn góc tháp để chằng dây đồng từ trên ngọn tháp chạy xuống.

Nhà Tây Sơn khi kéo ra Bắc đánh chúa Trịnh có cho quân đến dỡ tháp lấy cái hồ lô trên đỉnh tháp và những sợi dây đồng. Khi dỡ đến tầng tháp thứ ba thấy một cái hòm bằng đá. Thốt nhiên có một vật như tấm lụa đỏ từ bên trong bay lên không trung, làm cho chúng rất đỗi kinh ngạc, phải khiến dân sở tại nhặt những đồ đã lấy ra mà sắp ghép, xây đắp lại như cũ. (1)

Tháp Phò Minh dựng dưới triều vua Trần Anh Tông khoảng năm 1314-1319 để tàng trữ xá lợi ngài Giác Hoàng Điều Ngự tức vua Trần Nhân Tông. Tương truyền nhà vua có di ngôn như sau : « Dù ai tranh bá đồ vương, Hãy cho trầm đặng gửi xương chùa này ».

(1) Nam Phong số 164. Nam Định địa dư nhân vật khảo.

HÌNH VẼ SỐ 18



Mộ kỷ niệm vua Trần Nhân Tông, tạc bằng đá,
đầu thế kỷ XIII tại chân tháp chùa Phổ Minh, làng Tức Mặc, tỉnh Nam Định

Giác Hoàng viên tịch năm 1313, đệ tử là Pháp Loa theo di chiếu làm lễ hỏa táng, rồi phân phát xá lợi, đem xây tháp ở ba nơi để bảo táng. Trong ba nơi thì tháp Phổ Minh này là một, còn hai nơi nữa là Đức Lăng ở An Sinh (huyện Đông Triều) (?) và tháp Huệ Quang tại am Ngọa Vân trên núi Yên Tử .

Tại Đức Lăng có trần thiết hai phòng đá, một voi đá, một ngựa đá, hai dê đá, hai hồ đá. Ngoài ra còn có xây một cây tháp cũng bằng đá. Trong lòng tháp có khắc giòng chữ « Đệ nhất tổ Trúc Lâm đầu đà, Tĩnh Tuệ Giác hoàng, Trần triều Nhân Tôn thánh đế, Điều ngự vương Phật». Trước tháp trần thiết một hòn đá « Nát Bàn » một voi và một ngựa bằng đá.

Tại núi Yên Tử, cây Huệ Quang kim tháp, có tường xây bốn bên, trước sau có hai cửa tò vò trong lòng có pho tượng đức Điều Ngự Giác Hoàng bằng đá, ngoài xây một cây hương và chui qua cửa sau tháp thì đến một sân lát gạch đỏ, mặt gạch có chạm trổ mà mặc dầu đã trải qua trên 600 năm mà vẫn không mòn sứt. Tháp dựng trước am Ngọa Vân nay là chùa Hoa Yên tục gọi là chùa Cả hay chùa Yên Tử; đây là nơi vua Trần Nhân Tôn từ bỏ ngai vàng để đến tu trì kể từ năm kỷ hợi (1299).

Núi Yên Tử ở nơi phân giới ba tỉnh Hải Dương, Bắc Giang và Quảng Yên, là ngọn núi cao nhất cõi Hải Đông. Đỉnh núi thường có mây bao phủ nên tên trước là Bạch Vân Sơn. Đời Tần (thế kỷ III trước Tây lịch) có An Kỳ Sinh sang bên ta tu thành tiên ở đây, nên từ đó thành tên An Tử Sơn. Trông xa, núi giống hình một con voi nên còn có tên là Tượng Sơn.

Đây là một đại danh sơn cũng lại là một thắng tích của Phật giáo Việt Nam về triều Trần. Trước đó cũng đã có nhiều nhà sư đến trụ trì, tu luyện đắc đạo, nhưng đến thời này mới thật là thịnh hiển. Các vua triều Trần thường về lập am tu hành nhất là vua Nhân Tôn hiệu là Điều Ngự Giác Hoàng. Ngài đã cùng hai vị đệ tử là Pháp Loa và Huyền Quang tu trì tại đây, lập ra thiền phái Trúc Lâm và lấy nơi đây làm chốn tổ nên người ta còn gọi là Thiền phái Yên Tử.

Đi vào Yên Tử có mấy ngã đường và ở dọc đường có nhiều chùa, am, cùng nhiều dấu cũ chuyện xưa. Như trên con đường chính đi vào núi trước hết có suối Tắm là nơi thượng hoàng Trần Nhân Tôn khi tìm vào Yên Tử để tu có xuống đây tắm, và tại đây có một ngôi miếu thờ Nguyệt Nga công chúa (em gái quận Hêo :

Nguyễn Hữu Cầu). Miếu thờ ở đây để giữ cửa rừng nên vì vậy còn gọi là suối cửa Ngăn. Suối reo vang động rừng cây. Qua sáu suối nữa tới chân núi có Linh Nham tự. Từ xa khách hành hương đã trông thấy ngọn tháp và mái chùa dựng trên đồi cao có bốn bề thông mọc. Chùa đây còn gọi là chùa Cầm Thực vì tương truyền Thượng hoàng đến đây chỉ uống nước suối, ăn rau sống, rau vị trừ cơm. Từ đây đường lên cao dần, leo dốc, băng qua thêm nhiều suối nữa rồi đến Long Động tự, tục gọi chùa Lân vì ở bên cạnh có quả núi hình giống con Lân. Chùa có thờ Trúc Lâm tam tổ, tượng tạc uy nghi. Đây là nơi mà khoảng năm Kỷ hợi (1299) Hương Vân đại đầu đà (Trần Nhân Tôn) lập trường giảng pháp, độ tăng và thuyết pháp cho cả trên vạn người. Cổng chùa trông xuống Suối, có những bậc đá từ bờ suối đi lên giữa những gốc thông già, hai hàng tháp cổ, cái nhỏ xây bên dưới cái lớn trên cao, trông rất trang nghiêm. Đằng sau chùa còn một tháp lớn hơn cả, xây bằng đá và có tượng đá một nhà sư ngồi bên trong; lòng tháp có khắc chữ « Sắc kiến Tịch Quang tháp ». Sau lưng có gắn một tấm bia khắc sự tích của Tuệ Đăng hòa thượng, Chánh chân Nguyên thiên sư, Ngài là đệ nhất tổ của chùa này (1), đại lược như sau : Thiên sư người họ Nguyễn tên Nghiêm, quê ở huyện Tiền Liệt Thanh Hà (Hải Dương), đi tu từ năm 19 tuổi, trước ở chùa Hoa Yên (chỗ tổ Yên Tử), sau đến chùa Vĩnh Phúc, núi Côn Cương được Minh Hương hòa thượng đặt pháp hiệu cho là Chân Nguyên. Ở đây ngài lập đài Diệu pháp Liên hoa, đốt hai ngón tay dâng cúng tam tôn, chứng ngộ bồ tát giới. Năm giáp tý (1684) làm đài Cửu Phẩm liên hoa ở chùa Quỳnh Lâm. Năm ngài 46 tuổi, được vua triệu vào nội cung hỏi lễ mầu nhiệm về tu hành rồi được ban ba chữ Vô thượng công cùng áo và pháp khí. Năm ngài 76 tuổi được vua phong chức Tăng thống Chính Giác hòa thượng. Năm Lê Bảo Thái thứ 7 (1726) tháng 10 ngài ngồi mà hóa, thọ 80 tuổi. Vua sắc dựng tháp ở đây tức Long Động tự. Ngoài ra còn một ngôi nữa dựng ở chùa Quỳnh Lâm tại huyện Đông Triều. Từ chùa Long Động qua chín cái suối đến núi Voi Xò, chắn ngay trước mặt, dưới chân có cái bãi cát là nơi vua Trần Anh Tôn xưa vào thăm Thượng hoàng có dừng kiệu nơi đây. Lại leo dốc, lội suối băng những cánh rừng thông bát ngát gọi là Xếp ngoài, rồi lại Xếp trong, từ cao trông xuống tựa như những bậc thềm. Đến Hồ Khê là giòng suối phát nguyên từ trên đỉnh núi, lòng rộng ước hai trượng (8m), trong có nhiều hòn đá lớn, lại gần rừng lim nên nước có màu đỏ. Khi Thượng hoàng Nhân Tôn bỏ lên núi tu, cung tần mỹ nữ đi theo khuyên giải ngài trở về

(1) Kể từ thời Lê Trung Hưng.

không được nên tự trầm ở suối này. Thượng hoàng khi biết đến bèn lập chùa ở đây để cầu cho linh hồn các cung nữ được siêu thăng tịnh độ. Vì thế suối Hồ Khê từ đó gọi là suối Giải oan. Trước chùa là khe, sau lưng là núi mọc cả hàng ngàn thông cao, trong có chùa Thanh Thạch (Đá xanh). Đường đi từ đây bắt đầu khó khăn hiểm trở nhưng rất ngoạn mục. Cảnh chỗ âm u rậm rạp, chỗ khoáng dãng sáng tươi rồi đến một chỗ dốc, cây mọc rườm rà bên hòn núi Ngọc gọi là quán Mát; đây cũng là nơi mà xưa kia vua Trần Anh Tôn xuống kiệu. Gần đây có ba cái am : am Trung Thạch cao lớn thờ xá lợi vua Trần Anh Tôn, còn hai am ở bên tả và bên hữu nguyên là chỗ ở của Pháp Loa và Huyền Quang tôn sư. Huyền Quang thiền sư có thơ vịnh am núi Yên Tử :

An Tử sơn am cư	安 子 山 庵 居
Am bách thanh tiêu lãnh,	庵 迫 毒 宵 冷
Môn khai vận thượng tầng.	門 開 雲 上 層
Dĩ can Long động nhật,	己 竿 龍 洞 日
Do xích Hồ khe băng.	猶 尺 虎 溪 冰
Bảo chuyết vô dư sách,	抱 拙 無 餘 策
Phù suy hữu sấu đẳng.	扶 衰 有 瘦 藤
Nhàm lâm đo túc điều,	閒 林 多 宿 鳥
Quá bán bạn nhàn tăng.	過 半 伴 閒 僧

ĐINH VĂN CHẤP dịch :

Ở trong am Yên Tử
Khí lạnh xâm am núi,
Tầng cao mở cửa mây.
Động rỗng trời đã sáng,
Khe Hồ giá đương đầy.
Quê kịch nghề trăm vụng,
Già nua gậy một cây.
Rừng tre chim đậu khóm,
Quá nửa bạn nhà thầy.

Đi hồi lâu nữa đến tháp tổ là Huệ Quang kim tháp tức tháp ngài Điều Ngự Giác Hoàng đã tá ở trên.

Đến đây lên một chút nữa tới chùa Hoa Yên là chốn tổ của Yên Tử nên còn gọi là chùa Cả hay chùa Yên Tử. Tên trước chùa là Văn Yên, niên hiệu Hồng Đức, vua Lê Thánh Tông ngự du đến thấy hoa cỏ xinh tươi, mới đổi tên là Hoa Yên.

HÌNH VẼ SỐ 19



Hoa Yên Tự (Yên Tử Sơn) Quảng Yên — 1926

*Cảnh chùa Hoa Yên tại Yên Tử Sơn,
Tỉnh Quảng Yên. Vẽ theo ảnh chụp năm 1926*

Chùa Hoa Yên khi xưa quy mô rộng lớn : Hai bên cạnh có viện Phù Đổ, lầu chung, cỏ (gác chuông, trống), nhà Dưỡng tằng và nhà Yến khách, nơi lưng chừng núi có nhà Bán Đổ liền với chốn Thanh lương, cảnh rất u tịch, triều Trần mỗi mùa xuân đến, thì ngự y (thầy thuốc của vua) đến luyện thuốc ở đây.

Chùa Hoa Yên dựng ở nơi lưng chừng núi, về phương diện phong thủy và cảnh trí thì địa điểm chùa rất đẹp. Trước chùa, tháp Huệ Quang là cây tháp tổ được coi là dựng ở nơi chính huyệt, chung quanh lớn nhỏ có 45 ngọn tháp nữa vây bọc là tháp mộ chư tăng ni cùng tôn thân, hoàng hậu, cung phi nhà Trần tu trì ở

đây. Bên hữu là chùa Thiên Định, cùng ngọn Long Khê hay suối Ngự Rội được coi là ở nơi đuôi con rồng ; bên tả có chùa Một Mái là cái đầu rồng ngoảnh lại châu tháp tổ. Còn chùa Hoa Yên thì dựng trên thân rồng. Từ sân chùa trông ra thấy thiên sơn vạn thủy châu lại, rõ là một chốn kỳ quan.

Chùa Một Mái làm sát vào khe đá, có một mái chùa ra ngoài, nguyên là nơi mà đức Giác Hoàng dựng lên làm nơi tĩnh thất để xem sách. Còn bên Thiên Định là nơi ngài tọa thiền. Suối Ngự Rội rộng hơn trượng, nước đổ như bay từ trên núi cao xuống, dưới có hòn đá vuông, tục truyền là nơi ngài tắm, bên cạnh có cái hốc đá, cây cối um tùm là nơi thuở xưa, các sư về kết hạ đông lăm, phải ra đây lợp lá lên thành từng gian một để ngồi đọc kinh sách nên nơi đây gọi là «Ô hàng thuốc». (1)

Ngay phía sau chùa Hoa Yên có chùa Bảo Đà dựa lưng vào rừng cây vách đá. Từ đây lên cao, chỗ thì dựng đứng, chỗ thì vồng dây điều, đường rất khó đi. Đến một nơi có một cây tháp cổ gọi là tháp Mẫu thì có lối rẽ ra Am Thuốc là nơi mà xưa kia An Kỳ Sinh tu tiên, luyện đạo. Tại đây có chùa Am Trượng, trước mặt trồng nhiều cây mộc tề (cây hoa mộc) hoa nở hương thơm sực nức, bên tả chùa có Thung am (am giếng thuốc) và Dược am (am luyện thuốc).

Từ tháp Mẫu theo lối tay trái thẳng lên đến gần đỉnh núi, có chùa Văn Tiều. Đứng nơi hiên chùa trông xuống, thấy mây giăng mờ mịt, nhưng đầu canh năm đã thấy mặt trời, nên Nguyễn Trãi có thơ vịnh :

Yên sơn, sơn thượng tối cao phong,	安 山 山 上 最 高 峰
Tài ngũ canh sơ, nhật chính hồng	纓 五 更 初 日 正 紅
Vũ trụ nhỡn cùng thương hải ngoại	宇 宙 眼 窮 滄 海 外
Tiểu đàm nhân tại bích vân trung	笑 談 人 在 碧 雲 中
Ứng môn ngọc sắc xâm thiên mẫu	○ 門 玉 梁 森 千 啟
Quái thạch châu lưu lạc bán không	掛 石 珠 梳 落 半 空
Nhân miếu đương niên di tích tại	仁 廟 當 年 遺 跡 在
Bạch hào quang lý đồ trùng đồng.	白 毫 光 裏 暗 重 瞳

(1) Hành trình chơi núi Yên Tử. Nam Phong số 106.

THI NHAM dịch :

Đỉnh núi Yên cao ngất mấy trùng
Đầu canh năm đã thấy vàng đông
Mắt nhìn mặt bể xa xa lắc,
Người ở trên mây nói nói cùng..
Trúc mọc thẳng giăng hàng mấy mẫu,
Suối tuôn róc rách nửa chừng không,
Dấu xưa Nhân miếu nay còn đó,
Trong ánh hào quang lộ mặt rồng.

Huyền Quang tôn giả cũng có những câu thơ nôm vịnh Hoa Yên tự như sau :

Ta nay: Ngồi đỉnh Vân Tiêu
Cưỡi chơi cánh diều
Cỏi Đông Sơn tựa hòn kim tuyến
Xem Nam Hải tựa miệng con ngao,
Nức đài lan ngữ hương đan quế
Nghe Hằng Nga thết khúc tiêu thiều...

Chùa được coi là nơi tuyệt đối thanh tịnh ; có những việc linh dị như sau :

Có một sơn tăng một đêm kia ngủ tại chùa mộng thấy Sơn thần đến bảo rằng :
« Đây là chốn Thiên phủ phải đề thanh vắng, không phải chỗ cho kẻ phàm trần nằm
nghỉ ». Sau đó tăng chùng đến bái Phật rồi về, không ai dám ở lại đêm ; ngày rằm,
mồng một sơn tăng lên thắp hương rồi xuống núi trở về chùa Hoa Yên. Ở bên mé
tả chùa đi về phía sau, rẽ ngang là lối sang chùa Bảo Sát, ngoài sân có cây phù đề
lớn xây trên lưng một con rùa đắp. Trèo thẳng lên thì đến Thiên thị (chợ trời). Đến
đây là tột đỉnh non cao. Ngang đường qua đèo Trúc Hoa là nơi mọc toàn một thứ
trúc có hoa đẹp và có một khối đá hình người đứng gọi là tượng đá An Kỳ Sinh.
Thiên thị ở trên ngọn núi cao nhất vùng Yên Tử. Nơi đây rộng ước năm mẫu ta (1),

(1) Mỗi mẫu ta bằng 3.600m².

trúc hoa và đá chen nhau. Quây bọc hai bên tả hữu có ao sen, hoa nở về cuối mùa hạ.

Một bà phi thời chúa Trịnh dựng ở đây một ngọn chùa gọi là Thiên Trúc tự ; bà lấy đồng lợp làm ngói nên chùa còn được gọi là Đồng tự (chùa Đồng) và đúc mấy pho tượng. Nhưng nay giữa đám đá mọc lô nhô, còn dấu tích nền chùa với những lỗ chân cột, trên tòa bệ có pho tượng đức Quan Âm cùng ba pho tượng Trúc Lâm tam tổ ngồi lộ thiên và ở phía sau chùa còn có một phiến đá rộng, vuông và phẳng với những quân cờ bằng đá xanh, tục gọi cờ tiên.

Lệ ở đây không ai được nói to, nhất là đánh chuông vì sợ hễ ai đánh một tiếng chuông thì sẽ u ám cả trời lại, rồi cơn mưa đờ xuống...

Trên dãy Hoa Yên Tử còn những cảnh am Ngọa Vân là nơi ngài Điều Ngự viên tịch, núi Tiên Dòm là tảng núi nhỏ hình người lom khom nhìn xuống bãi Bằng Tân, Hồ Thiên Sơn là ngọn núi chót vót, cây cối xum xuê từ xa ngấm như một bức tranh treo. Chùa Hoa Yên, Vân Tiêu, Bảo Sát, gọi chung là chùa Yên Tử ở trong rừng sâu núi thẳm, đi vào phải lội suối băng ngàn, lên đèo, xuống dốc, nhọc nhằn, vất vả nên phải có thành tâm, thiện chí mới không thấy ngại ngùng mà tìm đường vào chốn non tiên, cảnh Phật, cách biệt hồng trần. Vì vậy có câu :

« Nào ai quyết chí tu hành,
Có về Yên Tử mới đành lòng tu. »

THẮNG TÍCH MIỀN BẮC HẢI DƯƠNG

Núi Yên Tử nguy nga, sông Bạch Đằng hùng dũng là những đại danh thắng nơi duyên hải cõi Hải Đông, nhưng sắp vào phía nội địa, ngược dòng sông Kinh Thầy, lượn khúc quanh co với những con thuyền buồm cánh dơi, kề bên những hòn núi đá lở nhô vách gấm miền Hiệp Sơn, Kinh Môn hoặc giòng theo những dãy đồi tím, núi xanh miền Đông Triều, Chí Linh còn nhiều danh lam, thắng tích mà vua tôi, cao tăng, danh sĩ triều Trần vì mến ưa non nước thanh kỳ đã hằng lưu lại biết bao dấu tích :

Như tại Đông Triều ở phía tây nam Yên Tử, là miền non thẳm, nước trong có những thắng cảnh cổ tích như sau :

— Núi Thiên Kỳ là nơi mà các vua Trần thường hay đăng lâm ngoạn cảnh nên Phạm Sư Mạnh có đề thơ :

Đông Triều đa hữu thảo giang san,	東朝多有好江山
Nhược luyến minh thời cảm khát nhàn...	古○明時敢乞閒
Tằng thị tiên hoàng du thắng địa	會是先皇遊覽地
Xuân quy sầu tứ tối tương quan.	春歸愁思最相間

NÔNG SƠN dịch :

Đông Triều non nước xinh xinh
Thanh bình đâu dám đem mình nhàn hưu
Nhớ xưa tiên đế tuần du
Xuân về lại gợi mối sầu vì xuân.

— Làng Bình Lục có núi Quy Sơn, hình thể trông như một con rùa, cây cối mọc um tùm xanh tốt. Còn ở trên núi làng Đạm Thủy trong miền có chùa Linh Khánh và quán Ngọc Thanh. Vì vậy miền này có câu ca dao :

Bình Lục có núi Con Rùa
Trông sang Đạm Thủy có chùa Ngọc Thanh.

— Núi Đông Sơn ở làng Bích Nham có chùa Hàm Long. Nguyễn Trãi cảm đề :

... Tam thập niên dư trần cảnh mộng,
Sở thanh đề điều hoán sơ hồi.

NÔNG SƠN dịch :

Ba mươi năm lẻ mộng trần
Chim kêu mấy tiếng mộng dần tỉnh ra.

— Tại An Sinh có đền thờ các vua nhà Trần và có chùa Kim Quy. Chùa chung quanh từng bách xum xuê, trước sân là vườn trúc, thân đốt ngắn như hình độc bình. Trong chùa có tượng vua Trần Nhân Tông tạc bằng gỗ hình dáng một nhà sư nằm nghiêng, nguyên trước đề thờ trên am Ngọa Vân (núi Yên Tử), vì am cháy nên rước xuống đây đặt trong khám thờ. Ngoài có câu đối :

Tác chi quân, tác chi sư, vạn cổ phong thanh tiêu Tượng Lĩnh,
Pháp ư thiên, pháp ư địa, thiên thu linh tích ký Đông A.

Chùa không lớn nhưng là chỗ linh tích về lịch sử nhà Trần vì họ này phát tích tại đây, sau mới thiên cư đến đất Tức Mặc (Nam Định) cho nên khi các vua nhà Trần nhường ngôi xuất gia thường về tu ở đây, và khi băng hà cũng táng ở đây. Tại núi An Sinh hiện còn lăng Đồng Thái (lăng vua Trần Anh Tông) có bài trí rồng đá, lân đá và cặp đá ; lăng Đồng Mục (lăng vua Trần Minh Tông) gồm có lăng, điện, rồng đá, lân đá ; lăng Nghệ Sơn (lăng vua Trần Hiến Tông) bài trí người, voi, ngựa, cọp, dê, trâu đều bằng đá ;

— Lăng Phụ Sơn (Lăng vua Trần Dụ Tông) còn lăng tâm và rồng, lân bằng đá và cũng ở An Sinh còn lăng Tư Phúc là lăng vua Trần Thái Tông và Giản Định Đế Lăng vua Trần Thuận Tông ? gọi là lăng Đồng Hy thì lập ở núi Ngọc Thanh, xã Đạm Thủy cũng trong huyện Đông Triều. Niên hiệu Xương Phù (1377-1387) có sửa lại và lập quán thờ.

Khi giặc Nguyên sang xâm lấn người ta thấy chân ngựa đá lấm láp, cho là khi thiêng miếu xã đã âm phù vào việc bình Nguyên nên Thượng hoàng Thánh Tông có thơ :

Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã,
Sơn hà thiên cổ điện kim âu.

— Gần An Sinh, tại xã Hạ Lôi, có *Chùa Quỳnh Lâm* dựng trên một gò đất bằng mặt, ở dưới núi Quỳnh Lâm. Chùa do thiền sư Nguyễn Minh Không triều Lý lập ra và ngài có đúc một pho tượng Phật bằng đồng thật lớn để thờ trong chùa ; Tượng này là một trong Thiên Nam tứ khí đã nói ở trên.

Triều Trần các vua Thái Tông và Nhân Tông thường ngự giá đến đây. Pháp Loa và Huyền Quang tôn giả đều có đến trụ trì. Vua Trần Minh Tông xuất của kho ra trùng tu chùa rất tốn phí. Thời đại này chùa Quỳnh Lâm được khuếch trương thành một chốn đại tùng lâm với những viện Quỳnh Lâm, am Bích Động là chốn giả lam đứng đầu các chùa trong miền Hải Đông.

Nhưng đến thời Minh thuộc (1414-1427) pho tượng đồng vĩ đại bị bọn người đồ hộ phá hủy và vào dịp này chùa Quỳnh Lâm có lẽ cũng đã bị họ tàn phá. Tình trạng chùa từ đây suy vi nhưng vẫn còn được coi là một chốn linh tích danh lam.

Đời Lê Trưng Dực, Hồng Thuận năm thứ tám (1516) có Trần Cao là người hạt Thủy Đường (Hải Đông) lợi dụng địa thế hiểm yếu và uy danh của chùa Quỳnh Lâm đề tự xưng là Đế Thích giảng sinh, và dấy binh chống triều đình, vây hãm cả kinh thành. Quân sĩ của Cao đều cạo đầu như sư sãi.

Đời Lê Vĩnh Khánh năm thứ hai (1730) chúa Trịnh Giang cho đại trùng tu cùng với Sùng Nghiêm tự tại xã Nam Giản (huyện Chí Linh), Chúa cho triệt hạ phủ Cồ Bi ở Gia Lâm (tỉnh Bắc Ninh) rồi lấy gỗ chở bằng sông, đem đến làm vật liệu kiến trúc, bắt dân ba huyện Đông Triều, Thủy Đường (nay là Thủy Nguyên) và Chí Linh (Tỉnh Hải Dương) xung dịch, nhưng tha cho tiền sưu dịch về đắp đê, phu trạm một năm, lại sai khai đường sông, ngòi để thông lối chuyên chở gỗ đá, công dịch thường lên tới vạn người.

Năm Vĩnh Hựu thứ hai (1736) chúa Trịnh Giang lại cho đúc cốt tượng Phật lớn tại chùa ý hẳn để nhắc lại pho tượng khổng lồ đời Lý. Chúa truyền lệnh cho bá quan cứ tùy theo phẩm cấp cao thấp mà nạp đồng nhiều hay ít.

Đời Lê Cảnh Hưng (1470-1786) có trùng tu lại theo như lời văn khắc trong một tấm bia nay đặt ở cửa chùa. Coi tấm bia to lớn có khắc mở đầu mấy chữ :

« An Nam cổ tích danh lam đệ nhất Quỳnh Lâm Phật tự, thiên trụ quốc triều

bi ký », đủ hiểu là chùa này về hồi Lê Mạc cũng còn thịnh vượng lắm.

Về cuối thế kỷ XIX khi người Pháp bắt đầu đặt cuộc bảo hộ lên miền Bắc Việt Nam, chùa lại một phen bị đốt phá. Đến mấy chục năm sau (khoảng năm 1920) mới được xây dựng lại rộng rãi, nhưng đơn sơ, tầm thường, không còn là một quy mô chùa cổ nguy nga nữa, tuy nhiên đứng trước dấu tích xưa còn lại :

«... Chỉ trông những hòn đá tảng hình tròn, tạc khía hoa sen, có nhiều hòn mặt đến ba bốn thước ta (1m, 20 — 1m, 60) với một nếp nhà hậu, ở ngoài thì trông ra một tầng vào trong thì thành ra kiểu lầu gác, vì cột lớn lắm và cao lắm, mà sắc gỗ đã hoa hoét, mốc meo, thật ra sắc cồ... Lại đi xét chung quanh chùa mà dò xem những dấu vết, tường cũ hoặc thêm cũ thì mong mênh rộng rãi khác thường...

Trước chùa trông ra là một cánh đồi lơ thơ mấy gốc thông già ven chùa, trước tòa tam quan, kiến trúc cận kim trông giống một cổng thành với vòm lâu hai tầng, tám mái cong, là một bãi đất có hàng trăm ngọn tháp to nhỏ, nhấp nhô bằng gạch, bằng đá đủ hình, đủ kiểu. Ngoài ra còn một vài con rồng đá lớn, nét khắc tinh vi, sắc sảo, có lẽ là vật điêu khắc thời Lê Trịnh. Những vật này ở phía trước tam quan cách một khoảng trống khá rộng, chứng tỏ quy mô chùa cũ to rộng hơn bấy giờ nhiều.

— Rời miền Đông Triều, đi xuống phía Nam, qua sông Thủ Chân (Kinh Thầy) là sang địa hạt Kinh Môn, tại xã Dương Nham, có núi Kinh Chủ. Đây là một tòa núi đá với đột khởi ngay bên sông lớn. Trong núi có hai cái hang, một cái dài 60 trượng (250m), rộng hai trượng (8m) trên có lỗ hồng, ánh sáng mặt trời lọt xuống nên có tên là Dương Cốc, lại có tên là Thạch Môn. Úy Trai Phạm Sư Mạnh đời Trần là người sở tại, thuở còn là học trò, sử dụng làm nơi đọc sách, có lưu đề :

Vũ trụ kỳ quan Dương Cốc nhật
Giang san vượng khí Bạch Đằng thu.

Nghĩa là :

Ánh mặt trời trong hang Dương Nham làm thành một kỳ quan của vũ trụ
Thu trên sông Bạch Đằng là vượng khí của non sông.

Vì núi có động nên nhân lập làm chùa. Trong chùa có bài trí tòa sen, cây đèn, lư hương và ngựa, toàn bằng đá. Ngoài tam bảo thờ Phật còn có cung thờ vua Lý Thần Tôn ở trong hang bên phía tả rộng hai trượng, dài bảy trượng, và

miếu thờ Minh Không thiền sư ở bên hang phía hữu, ngắn hơn. Sau chùa có hồ sâu không đáy, thông ra đến ngoài sông.

Triều Trần, vua Nhân Tôn chống quân Nguyên có đóng binh trên núi.

Khi Phạm Sư Mạnh giữ chức Hành khiển, nhân một buổi đi duyệt ngũ lộ quán, qua núi Dương Nham, quê cũ bèn hứng khởi làm bài thơ khắc trên vách đá như sau :

Hành dịch dăng gia sơn,
Kiều thủ vạn trùng thiên.
Đồ bằng nam minh ngoại
Tân nhật đông nhạc tiền,
Yên Phụ, thiên nhất ác,
Tượng đầu nhân cứu thiên.
Tầng tầng Tử Tiêu vân
Hồi phóng An Kỳ tiên
Hung hung Bạch Đằng đảo,
Tượng tượng Ngô vương thuyền...

NGUYỄN ĐAN TÂM dịch :

Duyệt bịnh lên núi nhà chơi,
Nghênh đầu muôn đợt kia trời mệnh mang
Chim bằng bay tít biển Nam
Chầu vừng nhật, trái Đông Nham đứng nhìn
Yên Sơn trời thấp muốn vin,
Núi Đầu Voi vút chín nghìn nhân kiêu.
Tầng tầng mây phủ Tử Tiêu,
Tiên Kỳ Sinh biết tìm theo chốn nào.
Bạch Đằng âm nổi sóng đào
Tượng thuyền Ngô chúa dào dào đang bơi.

Cách núi Kinh Chủ một cánh đồng về phía nam là núi Yên Phụ cao vọt nhất dãy núi đất chạy từ hướng tây bắc xuống đông nam, làm tổ sơn cho các núi ở trong huyện. Núi hình tròn có hai ngọn, cao 245m đứng trắn đồng ruộng chạy dài hai bên dưới chân. Nhìn về phương tây và phương bắc thấy ở bên kia sông

Kinh Thầy, núi non miền Chí Linh, Đông Triều la liệt chạy về ngã Yên Tử sơn, còn hướng về phía đông và phía nam thấy đồng bằng bát ngát, sông Kinh Môn và sông ngòi của các huyện Thủy Đường, Kim Thành giăng bọc chẳng chịt rồi đổ về ngã biển Đông. Cồ nhân phê bình rằng : « hình núi đứng sững đối nhau với núi Yên Tử, mà vẻ đứng đảnh lại hơn, nhưng vẻ cao vọt thì không bằng như thề người phụ lão đứng trước, kẻ tráng sĩ đứng sau », cho nên núi này còn được đặt tên là Phụ Sơn.

Thân núi trọc, nhưng đỉnh núi cây mọc xanh tốt, có tảng đá trông như một cây cột gọi là cột Kinh Thiên (chống trời), sườn núi có ao Thiên Trì, có giếng Thiên Tinh đối nhau và nước đục nước trong khác nhau.

Trên núi có đền thờ An Sinh vương Trần Liễu là thân phụ Hưng Đạo vương ; An Sinh vương đi tiêu giặc về, mất tại đây. Lại cũng có một ngôi chùa cổ gọi là Trường Vân tự, đời Hoảng Định nhà Lê (1601-1618) đã xuất tiền công quỹ cho Nam Nhạc thiền sư trùng tu lại.

— Tại thôn Tiên, xã Phù Vệ, huyện Chí Linh (nay thuộc phủ Nam Sách, Hải Dương) có chùa Hương Hải. Chùa là một danh lam thờ Trúc Lâm, đệ nhị tổ pháp Loa (1284-1330). Đây là nơi sinh quán của ngài. Niên hiệu Hưng Long thứ 12 (1304) ngài Điều Ngự (Trần Nhân Tôn) vân du đến Nam Sách gặp ngài, thâu làm môn đệ và truyền y bát cho. Sau khi ngài tịch hóa trên núi Yên Tử, người bản xã lập chùa tại nơi quê nhà. Chùa nổi tiếng linh thiêng.

Năm thứ hai Vĩnh Hựu nhà Lê (1736) chúa Trịnh Giang bắt dân xâu các huyện Giáp Sơn (Kinh Môn), Thủy Đường, Đông Triều, Kim Thành và Thanh Hà (đều thuộc trấn Hải Dương) cung dịch việc kiến trúc lại chùa Hương Hải tại đây và chùa Hồ Thiên trên đỉnh núi huyện Bảo Lộc trấn Kinh Bắc (Bắc Giang). Chúa còn ra lệnh cho các quan đi các nơi kiểm, thâu tài liệu để sửa sang cho thật huy hoàng tráng lệ.

Chùa có lệ cứ đến ngày mồng 10 tháng ba là ngày giỗ tổ Pháp Loa già vãi khắp nơi về lễ tổ đến ngồi ở sân chùa thành từng bọn hai, ba bà hoặc cả các cô gái nữa, đề kể chuyện về sự tích tam tổ Trúc Lâm cho thập phương nghe ; điệu cách, giọng kể giảng theo một lối riêng của nhà chùa gọi là Kể hạnh.

Trở ngược lại phương bắc, lại qua sông Kinh Thầy (Thủ Chân) là sang đất Chí Linh, miền địa linh nhân kiệt nơi có nhiều danh nhân, thắng tích nổi tiếng với « Chí Linh bát cảnh». Tám cảnh gồm có :

1 — Trang nguyên cổ đường tức nhà học của Trang Mạc Đĩnh Chi nhà Trần, nay cư dân lập thành chùa gọi là chùa Quất Lâm ở làng Tống Xá.

2 — Tiều ần cổ bích là chỗ Chu Văn An đời Trần ở ần trong núi Phụng Hoàng thuộc xã Kiệt Đặc.

3 — Dược Lĩnh cổ viên là chỗ Hưng Đạo đại vương trồng những cây cỏ làm vị thuốc trong núi để chữa bệnh cho quân sĩ nay tại xã Kiếp Bạc.

4 — Bình Than cổ độ, tại làng Trấn Xá, chỗ Trần Khánh Dư mặc áo tơi chở thuyền đi bán than, thì gặp lại vua Trần Nhân Tông. Vua hỏi vương hầu và bá quan bàn việc chống quân Nguyên tại đây. Nhân dịp này vua xóa lỗi cũ cho Trần Khánh Dư và cho giữ chức Phó Đô tướng quân. Bình Than là khúc hạ lưu sông Lục Đầu.

5 — Phao Sơn cổ thành là thành do nhà Minh đắp trên núi xã Phao Sơn được nói rộng thêm, kéo dài đến xã Hữu Lộc.

6 — Thượng Đê cổ trạch là chỗ phong ấp của Huệ vũ vương Trần Quốc Tuấn.

7 — Vân Tiên cổ động tức là núi Phụng Hoàng (nay thuộc xã Chi Ngại) là nơi đạo sĩ Huyền Vân, thưở Trần sơ, tu tiên. Gần núi Phụng Hoàng có cảnh Côn Sơn là nơi Bàng Hồ tướng quân Trần Nguyên Đán về ần cư và Nguyễn Trãi đem tài nữ Nguyễn Thị Lộ về nhàn cư ở đó.

8 — Tinh Phi cổ tháp ở trên núi Tri Ngôi, là mộ bà Nguyễn thị Du người làng Kiệt Đặc. Bà là một vị tuyệt thế giai nhân, được mệnh danh là Sao Sa, đỗ Trang nguyên triều Mạc và là nữ khảo quan đời Trịnh.

Núi Phụng Hoàng thuộc xã Kiệt Đặc nên còn tên gọi là núi Kiệt Đặc. Sách An Nam Chí Lược của Lê Tắc đời Nguyễn viết:

« Đường đi vào thấy hoa cây rậm rạp, tốt đẹp, suối ngọc chảy mòn đá, lửa đóm rước người, mát mẻ lạ lùng cõi đời không có ».

Núi ngọn giữa đứng sừng, hai bên loe ra như hình phụng múa nên thành tên Phụng Hoàng sơn. Dưới núi có dòng Miết Thủy lượn quanh và có Châu Tinh là một giếng thiên tạo sản ngọc trai tốt hơn hết các nơi khác. Nước giếng và bùn màu đỏ như son, đem phơi khô thành son đỏ nên có tên là Châu Tinh.

Núi Phụng Hoàng về đầu đời Trần có Huyền Vân đạo sĩ đến tu tiên, luyện thuốc trên núi nên gọi là Huyền Vân động. Triều Trần có dựng Tử cực cung ở trên núi. Về cuối đời này, Tiều ân phu tử, Chu Văn An sau khi dâng sớ chém bảy kẻ nịnh thần, không được vua nghe theo, bèn treo mũ từ quan, về ẩn cư tại Phụng Hoàng sơn, có làm thơ vịnh như sau :

Vạn điệp thanh sơn thốc họa bình	萬 疊 青 山 簇 畫 屏
Tà dương đảo quái bán Khê minh	斜 陽 倒 掛 半 溪 明
Lục la kinh lý vô nhân đáo	翠 蘿 徑 裏 無 人 到
Sơn hạc đề yên chỉ nhất thanh.	山 〇 啼 煙 時 一 聲

NÔNG SƠN dịch :

Non xanh treo bức họa bình
Bóng chiều xiên xuống nửa ghềnh sáng soi
Lối hoang nào thấy dấu người
Hạc kêu một tiếng bên trời trong veo.

Gần Phụng Hoàng sơn là núi Lệ Kỳ, trên sườn có một ngôi chùa mà đi từ xa đã trông thấy như ở ngay trước mắt gọi là Lệ Kỳ tự. Đồn rằng : Lúc qua chân núi thường nghe trên chùa có tiếng chuông trống, nhưng khi trèo đến nơi thì lại im lặng như tờ, người đời nghi là do thần linh trong núi hiển phép lạ.

Sách Truyền kỳ Mạn lục của Nguyễn Dữ có nói đến sư già Pháp Vân và sư bác Vô Kỳ đời Trần trụ trì ở chùa này. Vì vậy ở phía sau chùa có dòng suối lạnh, người ta bảo mộ sư Vô Kỳ ở đó.

Cho mãi đến thời cận đại, chùa Lệ Kỳ có nhiều pháp sư giỏi phép thuật, phù chú, phải chăng là do linh khí non sông chung đúc nên vậy ?

Trong chuyện Nghiệp oan của Đào Thị trong sách Truyền kỳ Mạn lục nói trên có bài thơ vịnh chùa như sau :

Sơn tự	山 寺
Nhất thốc huy kim bích,	一 簇 輝 金 碧
Nham yêu ân tịch dương.	巖 腰 隱 夕 陽
Phong cao tùng hùng lãng,	風 高 松 洶 浪
Thiên cận quế phiêu hương,	天 近 桂 飄 香
Động tiều cầm thanh oán,	洞 小 禽 聲 鬧

Phong tà tháp ảnh trường, 峯 斜 ○ 影 長
Trần gian danh lợi khách, 塵 間 名 利 客
Vọng thử kỷ bàng hoàng. 望 此 幾 徬 徨

BÚI XUÂN TRANG dịch :

Chùa núi

Một tòa kim bích huy hoàng
Sườn non ản bóng tà dương xế chiều,
Trên ngàn gió thổi thông reo
Phun hương ngào ngạt quế treo lưng trời
Chim kêu động nhỏ vang tai
Đầu non tháp ngã bóng dài xinh xinh
Trần gian nào khách lợi danh
Tới đây vẫn cảnh ắt sinh bồi hồi.

Liên dãy đông bắc Phụng Hoàng sơn là Côn Sơn hoặc còn gọi là Lân Sơn vì hình núi giống con lân ngồi sừng sững. Chùa Tư Phúc tục gọi chùa Hun lập ở dưới chân tọa lạc trên một khoảng đất phong quang rộng rãi, cảnh trí tao nhã. Chung quanh có các núi Long Mã, Voi Phục, Ngũ Nhạc vây bọc, vì vậy được gọi là động Thạch Hư hoặc động Huyền Thiên. Cảnh đây, bên tả có Am Chúc, bên hữu có bàn cờ, có hồ bán nguyệt, có suối nước trong mát lạnh gọi là Thấu Ngọc tuyền, đời Trần có bắc cầu băng qua, gọi là cầu Thấu Ngọc và có dựng điện Lưu Quang, đều nổi tiếng là khéo, đẹp. Cuối đời Trần, Bạng Hồ tướng công Trần Nguyên Đán cáo quan về ở ẩn nơi đây, có trồng hàng ngàn gốc thông theo hai hàng chạy dài trước điện Lưu Quang và có thơ rằng :

Xuân nhật tảo di, hoa ảnh động
Thu phong vãn tống hạc thanh lai
Lưu Quang điện hạ tùng thiên thụ
Tận thị kinh thiên nhất thủ tài.

Dịch vần :

Nắng xuân sớm động bóng hoa
Gió thu hiu hắt chiều tà hạc kêu
Lưu Quang thêm điện xanh rêu
Chống trời thông biếc do đều một tay.

HÌNH VẼ SỐ 20



Rặng thông trước chùa Côn Sơn Nam Phong 1925

*Cảnh động Côn Sơn huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương
theo ảnh chụp năm 1925.*

Từ chân núi trở ra có thung lũng bằng phẳng như chiếu trải, hai bên phải trái có núi bọc trùng trùng điệp điệp và phía xa là núi Yên Phụ, sừng sững chầu lại, cách chừng trên 30 dặm mà trông chừng ở ngay trước mắt. Dưới núi, ao, đầm nước trong suốt đáy, hai bên suối róc rách, chảy ra phía trước rồi quanh co chừng mấy dặm rồi đổ ra sông lớn. Cảnh lâm tuyền ở đây ngắm không chán mắt.

Côn Sơn có chùa Tư Phúc, tục gọi chùa Hun, chùa nguyên lập ra từ triều Lý, nhưng đến đời Trần mới toàn thịnh. Bấy giờ có Trúc Lâm đệ nhị tổ Pháp Loa đến mở mang, rồi đệ tam tổ Huyền Quang đến sửa sang thành một đại tùng lâm.

Điều Ngự Giác hoàng gặp Pháp Loa ở Nam Sách bèn đưa về đây độ cho thành đạo ở chùa này. Khi trụ trì ở đây Pháp Loa có thơ sơn cư rằng :

Vương thân, vương thế dĩ độ vương
Tọa cửu thế nhiên nhất tháp lương
Tuế văn sơn trung vô giáp lịch
Cúc hoa khai xứ thị trùng dương.

NGUYỄN TRỌNG THUẬT dịch :

Sự đời quên cả chẳng lời thời
Chiếc chõng quanh năm bó gối ngồi
Ngày tháng chẳng còn sờ đến lịch
Thấy hoa cúc nở đoán thu rồi.

Sau ngài Huyền Quang thụ giáo ngài Pháp Loa, được truyền tâm ấn, cũng trụ trì và viên tịch tại đây. Xá lợi được bảo tàng trong ngọn tháp ở phía sau chùa trên lưng chừng núi Côn Sơn. Tháp xây bằng đá xanh, xung quanh có tường hoa, mặt tường có những viên gạch cỡ chạm triện găm, lớn và nặng lắm.

Khi quân Minh sang chiếm cứ, Nguyễn Trãi về ẩn náu ở đây, tại nhà thờ ông ngoại là Bạng Hồ tướng công. Sau khi giúp vua Lê bình Ngô xong, lại cáo lão về đây mở trường dạy học có làm bài thơ chữ Hán ca tụng Côn Sơn, do Nguyễn Trọng Thuật dịch nôm ra như sau :

Côn Sơn có suối nước trong,
Ta nghe suối chảy như cung đàn cầu
Côn Sơn có đá tần vắn,
Mưa tuôn đá sạch ta nằm ta chơi
Côn Sơn thông tốt ngắt trời
Ngả nghiêng dưới bóng ta thời tự do
Côn Sơn trúc mọc đầy gò,
Cây cao lá rợp tha hồ tiêu dao...

Cảnh chùa Côn Sơn sau hoang phế, mãi đến thời Lê Trung Hưng, chúa Trịnh mới tu tạo lại. Rồi lại bị đồ nát điêu tàn, vì « vùng đông bắc Hải Dương là nơi có nhiều cuộc binh biến ; các danh lam, thắng tích thường bị vạ lây ; nào lúc thì nghĩa binh đến đóng, nào lúc thì bị giặc Tàu tàn phá, chùa Hun đây lại càng bị hại nhiều. Đến đầu Nguyễn triều, một vị trụ trì thiền sư lại mới trùng hưng lên. Tòa thượng điện và nhà tổ còn đến ngày nay là di tích của thiền sư đó. Thượng điện khá to, tượng pháp khéo lắm, ngói lợp tợp bằng cái khay hình chữ nhật, kiểu mũi hài mà dày lắm. Nhà tổ thờ tượng Trúc Lâm tam tổ, hai bên thờ tượng các vương hầu đời hậu Lê. Tượng tạc đều khéo cả... » (1)

Tục ở đây, cứ mỗi độ xuân về, kể từ ngày mồng ba tháng giêng là ngày khánh đản tổ Huyền Quang, thì thiện nam, tín nữ tới chùa hành hương ngoạn cảnh, có khi kéo dài cả tháng làm thành một hội lớn trong miền.

(1) Nguyễn Trọng Thuật. Đuốc Tuệ số 13 (ngày 10-3-1936).

— Phao Sơn là một thị xã trên bến dưới thuyền, có phố chợ buôn bán, là giao điểm của miền núi với đồng bằng, lại là một địa điểm quân sự có những đồn quân và những di tích thành lũy của nhà Minh, nhà Mạc, thiết lập trên những ngọn đồi chạy dài ra sát bờ sông. Nhà Trần có nhiều trận giao tranh với quân Nguyên tại nơi này. Phao Sơn trấn giữ nơi sáu ngã sông phân tụ, góp dòng xanh hòa nước đỏ gọi là Lục Đầu giang. Trên Phao Sơn cũng có dựng nhiều chùa (1), phong cảnh rất đẹp. Đối diện Phao Sơn, ở bên kia sông là Phả Lại cũng có một ngọn núi danh tiếng đột khởi bên sông. Người xưa tiễn biệt nhau tại nơi sơn thủy hữu tình này đã thốt nên câu :

Phao Sơn, Phả Lại, Lục Đầu
Ai đi, ai về mới sầu cho ai !

— Phả Lại thuộc huyện Quế Dương tỉnh Bắc Ninh. Núi đá khá cao, chân tới sông Lục Đầu, cảnh trí không khoáng, u nhàn. Vua quan triều Trần thường đến du ngoạn, ngâm vịnh, có câu :

Giang bàn lão tướng luận binh địa
Vân ủng Tiên hoàng Trác tích Sơn.

NÔNG SƠN dịch :

Đồn lão tướng xưa dòng nước bạc
Chùa Tiên hoàng đá đội, mây che.

Trên núi có chùa Chúc Thánh là nơi Không Lộ thiền sư triều Lý tu trì, thiền sư có đúc một quả chuông lớn treo ở đây. Chuông này nổi danh là một trong Thiên nam tứ khí. Tương truyền khi quân Minh đến lấy, đã gỡ từ trên gác chuông xuống, sắp đem đi thì ngài (Không Lộ) đập đồng hiền thánh, lấy châu đập, quả chuông lăn từ trên núi xuống sông chìm nghỉm. Nay từ chùa ra đến bờ sông còn thấy lối chuông lăn, cây cỏ trên đường lăn, ngọn đều chúi ra sông. Mỗi khi trời nổi cơn mưa gió, thuyền buôn đi ngang qua thường thấy ngọn cù lao của chuông lập lờ ở giữa dòng sông nước.

(1) Người Pháp mệnh danh nơi đây là Sept Pagodes, (Bảy ngôi chùa).

Sách Annam chi nguyên của Cao Hùng Trưng ghi : « Không Lộ và Giác Hải, hai nhà sư thường vào Trung Quốc xin đồng đề đúc chuông, lúc về có thần nhân ủng hộ, thuyền đi một buổi chiều đến quê hương, đúc hai cái chuông, một cái lớn, một cái nhỏ treo ở chùa núi Phả Lại, mỗi lúc đánh, tiếng vọng rất xa, tiếng đồn đến Trung Quốc. Chưa được bao lâu, cái chuông lớn chạy vào khe Bài Nam (?), mưa lớn, nước dâng trôi đi mất. Nhà sư sợ cái nhỏ cũng đi theo, bèn lấy sắt đóng lại, nay đương còn ».

Thắng cảnh, cổ sự, núi sông Lục Đầu, Bình Than dạt dào thi hứng nên trong « Hồng Đức quốc âm thi tập » có bài vịnh : « Chuông Phả Lại, nguyệt Bình Than như sau :

Chuông kia, nguyệt nọ ấy tiền thân,
Hương lại thêm là gác Phụng Lân,
Mấy tiếng đấm tan miền Trúc Quốc (1)
Một vầng in lọt bóng Giao nhân.
Đêm thanh cảnh vắng người chẳng tục,
Rượu uống thơ ngâm có tiệc xuân.
Khi hứng miễn vui lòng bẽn lễn,
Quân thần gánh nặng đủ nghìn cân.

Bài thơ ý nói tiếng chuông huyền diệu quyện cùng ánh trăng mờ màng trên sông Bình Than tạo một cảnh huyền ảo không phân biệt tiên tục, phần dưới nhắc chuyện Trần Khánh Dư bán than bẽn lễn gặp vua Trần, nhưng nghĩ ai chẳng hai vai gánh nặng nghĩa quân thần. Vì nghĩa quân thần đó mà Trần Khánh Dư đã cả phá thuyền lương của Trương Văn Hồ ngoài Vân Đồn, cửa Lục, góp chiến công với Hưng Đạo Vương đại phá quân Nguyên trên sông Bạch Đằng năm Trùng Hưng đại bảo thứ tư (1288).

— Hưng Đạo Vương lo xong việc nước thì về trí sĩ tại Kiếp Bạc trên thượng lưu sông Lục Đầu, là nơi ngài từng đóng đại bản doanh chống quân Nguyên. Sau khi ngài mất vào năm Hưng Long thứ tám (1300), triều đình nhân chốn nhà cũ mà lập đền thờ, đặt tên là Trần Hưng Đạo đại vương từ, nhưng thông tục quen

(1) Trúc Quốc = Thiên Trúc = Ấn Độ.

gọi là đền Kiếp Bạc. Đền Kiếp Bạc dựa lưng vào ngọn Dục Sơn là nơi mà Đại vương cho trồng những cây cỏ thuốc để chữa trị cho quân sĩ. Mặt đền trông ra sông lớn, nước trong, có một bãi cát nổi lên giữa dòng gọi là Bãi Kiếm. Hai bên có hai ngọn đồi đứng trắn, trên đồi dựng đền Nam Tào và Bắc Đẩu. Sau lưng là núi non muôn trùng, tre cao, rừng tốt, phong cảnh vừa phong quang vừa hùng vĩ.

Tiến sĩ Vũ Phạm Hàn có đề ở cổng đền câu đối bất hủ như sau :

Vạn Kiếp hữu sơn giai kiếm khí
Lục Đầu vô thủy bất thu thanh.

ĐẠI Ý :

Núi Vạn Kiếp chỗ nào cũng có hơi gươm bốc tỏa,
Sông Lục Đầu chẳng gợn sóng nào là không có tiếng gươm
thét của mùa thu.

MỤC LỤC

KIẾN TRÚC PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẬP I

— TỰA	Từ Trang	5
— LỜI MỞ		9
— THỜI KỲ PHẬT GIÁO DU NHẬP		13
— CHÙA DẦU		21
— TỬ PHỦ ĐỒ ĐẾN BẢO THÁP		26
— THÁP MIỀN ĐÔNG Á		30
— THUẬT PHONG THỦY		41
— LƯỢC SỬ PHẬT GIÁO VIỆT NAM TỪ THUỞ DU NHẬP ĐẾN THẾ KỶ XIV		44
— BẮC NINH : ĐẤT KHỞI PHÁT RA PHẬT GIÁO VIỆT NAM		46
— NHỮNG THỜI KỲ TỰ CHỦ		54
— NHÀ LÝ VÀ CÁC XỨ LÂN BANG		56
— PHẬT GIÁO TRIỀU LÝ		58
— NHÀ LÝ BỒI ĐÁP PHẬT GIÁO		60
— TRIỀU LÝ VÀ DÂM ĐÀM		67
— NHỮNG DI TÍCH KIẾN TRÚC DANH TIẾNG TRIỀU LÝ		74
— MÁI CONG		90
— NHÀ TRẦN VỚI PHẬT GIÁO		91
— PHẬT GIÁO VÀ KIẾN TRÚC TRIỀU TRẦN		98
— THĂNG TÍCH MIỀN BẮC HẢI DƯƠNG.		117

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các sách :

Việt Nam Phật giáo sử lược
Lịch triều hiến chương. Địa dư chí
An Nam chí lược
An Nam chí nguyên
Việt sử tiêu án
Việt sử lược
Nam phương Phật tích
Tây hồ chí
Giang sơn cầm tú ?
An tượng

Nam định địa dư nhân vật khảo
Hải dương phong vật
Vũ trung tùy bút
Tang thương ngẫu lục
Truyền kỳ mạn lục
Công dư tiếp kỳ
Lịch sử Bắc kỳ
Le Bouddhisme en Annam
L'art du Bouddhisme
Fêtes nautiques Annamites
(Cahier de L'EFEO 1937)
Recueil de textes nouveaux
L'art Vietnamien

Thích Mật Thể
Phan Huy Chú
Lê Tắc
Cao Hùng Trưng
Ngô Thời Sĩ

Huyền Mặc đạo nhân

Chùa Thiền pháp tại thôn An Trạch
(Hà Nội) ấn tống
Nam phong số 164

Phạm Đình Hồ
Nguyễn Án Phạm Đình Hồ
Nguyễn Dữ
Vũ Phương Đê
Nguyễn Can Mộng
Trần Văn Giáp
Dietrich Seckel

J.C. Claeys
A. Chéron
L. Bezacier

Các báo, tạp chí :

Nam phong
Đức tuệ
Trí tân

ĐÍNH CHÍNH

TRANG	DÒNG	CHỮ THỨ	CHỮ SAI	SỬA LẠI
13	26	5	Sylwaim	Sylvain
14	15	1	tập	lập
16	1	1	ghe	che
25	9	12	Bandhara	Gandhara
30	14	9	mở	nở
30	28	12	hormika	harmika
33	5	14	vẹt	đẹt
33	14	2	vỏ	bỏ
34	29	8	niên tịch	viên tịch
37	4	4	chính	chín
37	7	3	tịch	địch
39	7,8,9	<p>— Chú thích hình vẽ bên phải, — Còn hình bên phải là một vật trang trí kiến trúc bằng đất nung màu xám tím thấy ở Đại la.</p>		
44	18	16	mang	sang
58	10	6	dội	đội
58	9	15	lai	lài
58	24	9	nền	nèn
59	15	16	phạm	phàm
60	19	12	giác	giáo
65	5	4	vào	và
67	20	11,12	Quán ngự	Quan ngự
67	24	18	Ngự	Ngư
72	13	17,19	Đam Nè huyện	Đam Nè (huyện)
74	14	15	gồm	gổm
76	14	3	pháp	tháp
79	4	14	cửa	của
82	18	17	tỏ	tỏ
84	20	1	gò	gờ

TRANG	DÒNG	CHỮ THỨ	CHỮ SAI	SỬA LẠI
85	31 (c t)	3	tượng	trượng
86	19	1	đô	đố
87	3	9,10,11	gạch thêm, bỏ	... gạch, thêm đô ...
92	7	3	đao	đảo
95	21	9	tài	tái
97	7	10	kinh	kim
104	29	6	đá	đã
112	18	1	Nhàm	Nhàn
114	5	12	chùa	chia
123	7	7	trấn	trần
123	14	2	Đề	Tề
—	—	3	cồ	cố
—	18	1	Thạch	Thanh
126	11	6	độ	dò
128	22	13	gờ	gờ
Hình chụp số 3			Ninh quán	Trịnh quán
Hình chụp số 11			Kimari	Kinnari
Hình chụp số 21			chú thích số 22	chú thích hình chụp số 21
Hình chụp số 22			chú thích số 21	chú thích hình chụp số 22

**Hình bìa : Mộ tháp Chuyết Công thiền sư tại chùa Bút Tháp,
phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.**

KIẾN TRÚC PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẬP I
CỦA KIẾN TRÚC SƯ NGUYỄN BÁ LĂNG.
NHA TU THƯ VIỆN ĐẠI HỌC VĂN HẠNH
XUẤT BẢN LẦN THỨ NHẤT NHÂN MÙA
PHẬT ĐẢN 2516
SAIGON - VIETNAM 1972

Giá nhất định 600 \$

In tại Ấn Quán VĂN HẠNH 222 Trương Minh Giảng Saigon

越南佛教建築